



ANNUAL REPORT 2017

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN **2017**



MỤC LỤC

06	THÔNG ĐIẾP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
08	PHÁT BIỂU CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
10	THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÂN HÀNG
10	Thông tin chung
11	Quá trình hình thành và phát triển
16	Mô hình tổ chức và cơ cấu bộ máy quản lý
18	Định hướng phát triển
21	Các rủi ro
22	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017
24	Tình hình hoạt động, tình hình tài chính và kết quả kinh doanh năm 2017
26	Tổ chức và nhân sự
32	Tình hình đầu tư vào công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản (Eximbank AMC)
34	Số lượng cổ phần và cơ cấu cổ đông của Eximbank
36	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội
38	Chính sách liên quan đến người lao động
42	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
44	Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh
56	Tình hình tài chính
58	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
68	Kế hoạch kinh doanh 2018
70	Báo cáo đánh giá liên quan đến môi trường và xã hội
72	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG
74	Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của ngân hàng
75	Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Ban Điều hành
75	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị
76	QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG
78	Hội đồng Quản trị
88	Ban Kiểm soát
92	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành
94	NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT TRONG NĂM 2017
95	CÁC GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC
96	BÁO CÁO TÀI CHÍNH
101	Ý kiến kiểm toán
102	Báo cáo tài chính hợp nhất
179	Báo cáo tài chính riêng
182	MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG



THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trước hết, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý vị cổ đông, Quý khách hàng cùng Quý đối tác đã luôn tin nhiệm, đồng hành, ủng hộ và chia sẻ với Eximbank trong năm qua.

Trong năm 2017, Eximbank đã tiến hành Kế hoạch Tái cấu trúc và Chiến lược mang tên “Eximbank Mới”. Nhiều đề xuất quan trọng đã được Hội đồng quản trị thông qua, trong đó đa số liên quan đến cải cách.

Hội đồng quản trị đã tổ chức lại các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc, tinh giảm số lượng Hội đồng, Ủy ban từ 15 thành 8 và phân công thành viên Hội đồng quản trị tham gia hỗ trợ và thúc đẩy các mảng hoạt động của Ngân hàng một cách hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, quy chế hoạt động của Hội đồng, Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị cũng đã được cập nhật với chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền rõ ràng.

Được xem là một quyết định đột phá ở cấp cao nhất để thực hiện sứ mệnh của Eximbank nhằm “tạo ra giá trị cho tất cả các bên liên quan bao gồm khách hàng, cổ đông, nhân viên và cộng đồng thông qua tăng trưởng liên tục trong hoạt động kinh doanh”, Hội đồng quản trị đã thông qua việc tổ chức lại Hội sở chính với thành phần Ban Tổng giám đốc được tinh gọn còn 7 thành viên thay vì 15 thành viên trước đó. Mục tiêu của quyết định này là tinh gọn bộ máy quản lý và nâng cao hiệu quả của quá trình ra quyết định.

Một số quyết định quan trọng khác về tái cơ cấu cũng đã được Hội đồng quản trị triển khai trong năm 2017 như thiết lập lại Quy trình đánh giá xếp hạng trong toàn hệ thống và thực hiện phương pháp đánh giá mức độ hoàn thành Mục tiêu công việc (Key performance indicators - KPI) trên toàn hàng.

Kết thúc năm 2017, hoạt động của Eximbank đạt nhiều kết quả khả quan. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản như tổng tài sản, vốn huy động, dư nợ cho vay đều đạt hoặc vượt kế hoạch. Các chỉ tiêu về thanh khoản, an toàn hoạt động được tuân thủ, nhiều khoản nợ xấu được xử lý, nợ quá hạn được kiểm soát tốt. Lợi nhuận trước thuế năm 2017 vượt ngưỡng 1.000 tỷ đồng sau khi đã xử lý một số tổn động tài chính quan trọng.

Song song với việc giải quyết các vấn đề phức tạp còn tồn tại, Hội đồng quản trị Eximbank đã luôn theo sát tình hình Ngân hàng, chỉ đạo kịp thời, xem xét và thảo luận trên 370 nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị trong năm 2017, đảm bảo hoạt động của hệ thống Eximbank ổn định, an toàn và hiệu quả, thực thi đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật và của Điều lệ Eximbank.

Năm 2018 được dự báo sẽ mang lại các thách thức mới cho Eximbank. Hội đồng quản trị Eximbank sẽ tiếp tục triển khai kế hoạch hoạt động, trong đó, ngoài ưu tiên phát triển kinh doanh, việc đưa vào sử dụng (go-live) hệ thống Core-bank mới và hoàn thiện cơ cấu tổ chức của các Khối, phòng ban tại Hội sở cũng sẽ là hai mục tiêu trọng tâm. Năm 2018 sẽ là năm bản lề để Eximbank triển khai kế hoạch phát triển giai đoạn 2018-2020.

Chúng tôi tin rằng với định hướng đúng đắn cùng với nỗ lực của toàn thể nhân viên Eximbank hành động dựa trên nền tảng là giá trị cốt lõi, Eximbank luôn hướng về khách hàng và mang lại lợi ích cho cổ đông, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp và khuyến khích nhân viên phát triển triển khai giai đoạn mới; Eximbank sẽ triển khai thành công kế hoạch.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch

LÊ MINH QUỐC



PHÁT BIỂU CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Kết thúc năm tài chính 2017, vượt qua nhiều trở ngại, khó khăn, Eximbank đã đạt được những kết quả rất tích cực. Đà suy giảm quy mô tổng tài sản liên tục từ những năm trước đã được chặn lại và từng bước tăng trưởng ổn định đạt xấp xỉ mức tăng chung của toàn ngành. Các chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu của năm đều đạt và vượt kế hoạch, đặc biệt lợi nhuận trước thuế đạt hơn 1.000 tỷ đồng gấp 2,5 lần năm 2016 và đạt trên 167% kế hoạch. Tình trạng lỗ lũy kế và cảnh báo giao dịch mà sở giao dịch chứng khoán áp đặt trên cổ phiếu EIB suốt hai năm qua sẽ sớm được gỡ bỏ.

Cùng với những kết quả tích cực về mặt tài chính, năm 2017 Eximbank cũng đã hoàn tất quá trình điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn và cơ cấu tín dụng nhằm đảm bảo tuân thủ nghiêm túc các quy định về an toàn vốn của Ngân hàng nhà nước tạo cơ sở vững chắc cho sự phát triển ổn định và bền vững trong tương lai.

Bước sang năm 2018, bên cạnh những thuận lợi cơ bản từ kết quả hoạt động năm 2017, Eximbank vẫn tiếp tục tập trung giải quyết những tồn đọng từ nhiều năm trong quá trình tái cơ cấu để lành mạnh hóa hoạt động, cụ thể;

Thứ nhất, cải thiện khả năng sinh lời thông qua việc tập trung xử lý nợ xấu và những tài sản tồn đọng không sinh lời quy mô lớn tiếp tục là những ưu tiên hàng đầu của toàn hệ thống.

Thứ hai, tập trung đẩy nhanh tốc độ tăng tổng tài sản thông qua việc triển khai mở rộng mạng lưới hoạt động tại những địa phương có nhiều tiềm năng phát triển để mở rộng cơ sở khách hàng, từng bước thu hẹp khoảng cách thị phần với các đối thủ cạnh tranh.

Thứ ba, triển khai đồng bộ dự án Eximbank mới để nâng cao chất lượng quản trị, điều hành, hiệu quả hoạt động và năng suất lao động trong toàn hệ thống.

Mặc dù mục tiêu và nhiệm vụ của năm 2018 là khá cao, nhưng với sự nỗ lực của toàn hệ thống, Eximbank hoàn toàn có cơ sở để tin tưởng vào một năm mới, Eximbank sẽ gặt hái được nhiều thành công hơn nữa. Thay mặt Ban Điều hành cùng tập thể nhân viên Eximbank, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý vị cổ đông, Quý khách hàng, các đối tác trong nước và quốc tế, đặc biệt là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã luôn đồng hành và hỗ trợ Eximbank. Chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ, chia sẻ, góp ý chân tình của Quý vị để Eximbank ngày càng hoàn thiện và phát triển bền vững, mạnh mẽ hơn nữa trong thời gian tới.

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ VĂN QUYẾT

THÔNG TIN CHUNG

Tên Đăng Ký Tiếng Việt	: Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam
Tên Đăng Ký Tiếng Anh	: Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank (Vietnam Eximbank)
Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị	: Ông Lê Minh Quốc
Tổng Giám Đốc	: Ông Lê Văn Quyết
Địa chỉ đăng ký của Hội sở	: Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11 + 16, Tòa nhà VINCOM CENTER Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Địa chỉ văn phòng	: Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11 + 16, Tòa nhà VINCOM CENTER Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại:	: (84.8) 38.210.056 Fax: (84.8) 38.216.913
Website:	: http://www.eximbank.com.vn
Cơ quan quản lý	: Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam
Đơn vị kiểm toán	: Công ty TNHH KPMG Việt Nam
Địa chỉ:	: Tầng 10, tòa nhà Sunwah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày đăng ký đầu tiên	: 23/07/1992
Ngày đăng ký thay đổi lần thứ 27	: 19/04/2017
Cơ quan đăng ký ban đầu	: Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh
Giấy phép hoạt động kinh doanh	: 11/NH-GP ngày 06/04/1992
Số chứng nhận đăng ký thuế	: 0301179079
Thông tin cổ phiếu	: Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh
Tên cổ phiếu	: Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank)
Mã cổ phiếu:	: EIB

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

THÀNH LẬP

Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần đầu tiên được thành lập tại Việt Nam vào ngày 24/05/1989 theo Quyết định số 140/CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng với tên gọi ban đầu là Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam chính thức đi vào hoạt động từ ngày 17/01/1990 và nhận được Giấy phép hoạt động số 11/NH-GP ký ngày 06/04/1992 của Thống đốc Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cho phép Ngân hàng hoạt động trong 50 năm với số vốn điều lệ đăng ký là 50 tỷ đồng (tương đương 12,5 triệu đô la Mỹ tại thời điểm thành lập ngân hàng) và có tên mới là Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (được gọi tắt là "Eximbank").

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Các hoạt động kinh doanh của Eximbank bao gồm các lĩnh vực chủ yếu:

- Huy động vốn ngắn, trung và dài hạn theo các hình thức tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi thanh toán, chứng chỉ tiền gửi
- Tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư
- Nhận vốn từ các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước
- Cho vay ngắn, trung và dài hạn
- Chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá
- Kinh doanh ngoại hối; thanh toán quốc tế
- Đầu tư vào chứng khoán và các giấy tờ có giá
- Dịch vụ thanh toán và phát hành thẻ nội địa, thẻ quốc tế Visa MasterCard, JCB, dịch vụ ngân quỹ
- Dịch vụ tài chính trọn gói dành cho du học sinh
- Dịch vụ tư vấn tài chính; mua trái phiếu doanh nghiệp
- Kinh doanh mua bán vàng miếng
- Dịch vụ bảo quản tài sản
- Các dịch vụ ngân hàng khác,...

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

Eximbank có trụ sở chính đặt tại Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16, tòa nhà Vincom Center, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngân hàng có một (1) hội sở chính, bốn mươi bốn (44) chi nhánh, một trăm sáu mươi ba (163) phòng giao dịch và một (1) văn phòng đại diện đặt tại Hà Nội.

Tính Eximbank tính đến ngày 31/12/2017 có **207 điểm giao dịch** trên toàn quốc, bao gồm: Hà Nội, Hải Phòng, Nghệ An, Quảng Ninh, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Đà Nẵng, Huế, Nha Trang, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Bình Phước, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, TP.Hồ Chí Minh, Long An, An Giang, Tiền Giang, Cần Thơ, Bạc Liêu và Kiên Giang.

NIÊM YẾT

Eximbank được Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.Hồ Chí Minh chấp thuận cho niêm yết kể từ ngày 20/10/2009 theo Quyết định số 128/QĐ-SGDHCM

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết:	1.235.522.904 cổ phần
Tổng giá trị niêm yết:	12.355.229.040.000 đồng (theo mệnh giá)

01 HỘI SỞ CHÍNH

01 VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

44 CHI NHÁNH

163 PHÒNG GIAO DỊCH

207
điểm giao dịch

MỘT (1) VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN ĐẶT TẠI HÀ NỘI

TRỤ SỞ CHÍNH CỦA EXIMBANK

Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16
Vincom Center, số 72 Lê Thánh Tôn
Phường Bến Nghé, Quận 1

1.235.522.904
TỔNG SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

12.355.229.040.000
TỔNG GIÁ TRỊ NIÊM YẾT

NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT QUA CÁC NĂM HOẠT ĐỘNG

- 1991 - 1992** Được Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài Chính tín nhiệm giao thực hiện một phần chương trình tài trợ không hoàn lại của Thụy Điển dành cho các doanh nghiệp Việt Nam có nhu cầu nhập khẩu hàng hóa từ Thụy Điển.
- 1993** Tham gia hệ thống thanh toán điện tử của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- 1995** Tham gia tổ chức Swift (Tổ Chức Viễn Thông Tài Chính Liên Ngân Hàng Toàn Cầu); Được chọn là 1 trong 6 ngân hàng Việt Nam tham gia Dự án hiện đại hóa ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổ chức với sự tài trợ của Ngân hàng thế giới – World Bank.
- 1997** Trở thành thành viên chính thức của tổ chức thẻ quốc tế Mastercard.
- 1998** Trở thành thành viên chính thức của tổ chức thẻ quốc tế Visa.
- 2003** Triển khai hệ thống thanh toán trực tuyến nội hàng toàn hệ thống.
- 2005** Là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam phát hành thẻ ghi nợ quốc tế Visa Debit.

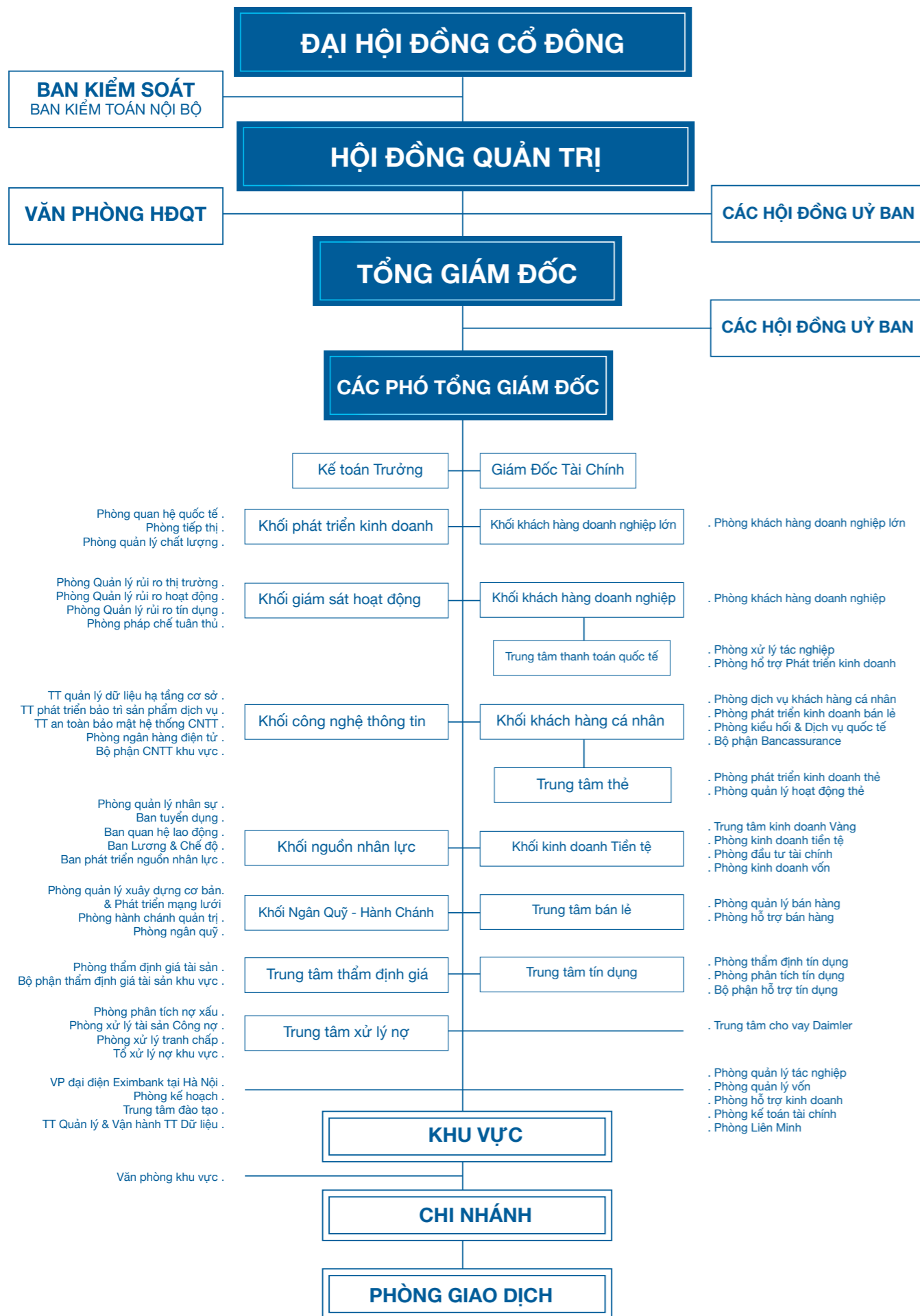
- 2007** Ký kết hợp tác chiến lược với 17 đối tác trong nước và các đối tác đầu tư nước ngoài, đặc biệt là ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược với ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC) của Nhật Bản.
- 2008** Eximbank tăng vốn điều lệ lên 7.220 tỷ đồng.
- 2009** Eximbank tăng vốn điều lệ lên 8.800 tỷ đồng, chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM.
- 2010** Eximbank tăng vốn điều lệ lên **10.560 tỷ đồng.**
- 2011** Eximbank tăng vốn điều lệ lên **12.355 tỷ đồng**
- Eximbank được tạp chí The Banker chọn vào Top 1.000 ngân hàng hàng đầu thế giới và Top 25 ngân hàng có tốc độ tăng trưởng tài sản nhanh nhất 2010.**
- 2012** Được tạp chí AsiaMoney trao giải thưởng “Ngân hàng nội địa tốt nhất Việt Nam năm 2012”
- Eximbank tiếp tục được xếp hạng trong Top 1.000 ngân hàng lớn nhất thế giới năm 2012 do tạp chí The Banker bình chọn**
- Eximbank chính thức ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới.

- 2013** Được Tạp chí Asian Banker trao giải thưởng “Ngân hàng được quản lý tốt nhất tại Việt Nam năm 2013”, Tạp chí EuroMoney trao giải thưởng “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam năm 2013”; tiếp tục được xếp hạng trong Top 1.000 ngân hàng lớn nhất thế giới năm 2013 do tạp chí The Banker bình chọn.
- Eximbank là một trong những ngân hàng đầu tiên gia nhập thành viên phát hành thẻ quốc tế mang thương hiệu JCB tại Việt Nam.
- 2014** Được tạp chí The Banker xếp hạng vào Top 1.000 ngân hàng lớn nhất thế giới năm 2014, Eximbank vinh dự nhiều năm liên tiếp đứng trong bảng xếp hạng những ngân hàng hàng đầu thế giới; Tạp chí EuroMoney trao giải thưởng “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam năm 2014”.
- 2015** Được tạp chí Asian Banker trao giải thưởng Ngân hàng Tài trợ Thương mại Tốt nhất năm 2015 (Best Trade Finance Bank); được Tạp chí Asiamoney – Hong Kong trao tặng danh hiệu “Best Local Cash Management Bank in Vietnam 2015” (tạm dịch là “Ngân hàng Quản lý Tiền mặt Nội địa Tốt nhất Việt Nam năm 2015”) do các doanh nghiệp quy mô nhỏ có doanh số hàng năm dưới 100 triệu USD bình chọn.
- Eximbank và Infosys ký kết triển khai giải pháp phần mềm Infosys Finacle Core Banking, tạo bước đột phá trong việc khai thác và phát triển thêm nhiều sản phẩm và dịch vụ ngân hàng hiện đại.
- 2016** Eximbank vinh dự nhận giải thưởng “**Chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc năm 2016**” do Ngân hàng JPMorgan (Mỹ) trao tặng.

2017

- Chính thức ra mắt Dịch vụ Tài chính Daimler cùng ngân hàng Eximbank tại Việt Nam.
- Eximbank chính thức ra mắt thẻ tín dụng quốc tế Eximbank – JCB Platinum Travel Cash Back.
- Eximbank dành 1.000 tỉ đồng cho chương trình kết nối Ngân hàng – Doanh nghiệp 2017
- Giải thưởng Chất lượng Điện Thanh toán Xuyên suốt Xuất sắc 2016 của HSBC- HSBC 2016 Straight - Through Processing (STP) Excellence Award
- Giải thưởng Chất lượng Điện Thanh toán Xuyên suốt 2016 của Bank of New York Mellon BNY Mellon 2016 Straight - Through Processing (STP) Award
- Giải thưởng Ghi nhận Chất lượng Thanh toán Bù trừ đồng Đô - la Mỹ 2017 của J.P.Morgan J.P.Morgan 2017 Quality Recognition Award for U.S. Dollar Clearing.
- Giải thưởng Vận hành Điện Thanh toán Xuất sắc 2016 của Wells Fargo-Wells Fargo 2016 Operational Excellence Award.

CÁC GIẢI THƯỞNG EXIMBANK VINH DỰ NHẬN ĐƯỢC:



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)

Ông Lê Minh Quốc
Ông Đặng Anh Mai
Ông Yasuhiro Saitoh
Ông Lê Văn Quyết
Ông Cao Xuân Ninh
Ông Ngô Thanh Tùng
Ông Hoàng Tuấn Khải
Ông Nguyễn Quang Thông
Ông Yutaka Moriwaki

Chủ tịch – Thành viên HĐQT độc lập
Phó Chủ tịch HĐQT
Phó Chủ tịch HĐQT
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

BAN KIỂM SOÁT (BKS)

Ông Trần Lê Quyết
Ông Trần Ngọc Dũng
Ông Đặng Hữu Tiến
Bà Phạm Thị Mai Phương
Ông Trịnh Bảo Quốc

Trưởng Ban Kiểm soát
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

BAN ĐIỀU HÀNH

STT	THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ
1	LÊ VĂN QUYẾT	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
2	TRẦN TẤN LỘC	Phó Tổng Giám đốc
3	ĐÀO HỒNG CHÂU	Phó Tổng Giám đốc
4	ĐINH THỊ THU THẢO	Phó Tổng Giám đốc
5	NGUYỄN HỒ HOÀNG VŨ	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính
6	VĂN THÁI BẢO NHI	Phó Tổng Giám đốc
7	VÕ QUANG HIỂN	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 07/08/2017)
8	NGUYỄN NGỌC HÀ	Kế toán trưởng

CÔNG TY CON

Eximbank có 1 công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản. Đến ngày 31/12/2017, vốn điều lệ được cấp là 955 tỷ đồng.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Eximbank tận dụng các cơ hội thị trường để duy trì tốc độ tăng trưởng bền vững, củng cố và mở rộng nền tảng khách hàng, nâng tầm vị thế và xây dựng Eximbank trở thành ngân hàng thương mại cổ phần hiện đại, là nơi các cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng và các đối tác luôn yên tâm về hiệu quả đầu tư và an toàn vốn, là ngân hàng cung cấp đa dạng

các sản phẩm, dịch vụ tài chính ngân hàng chất lượng cao, là một thương hiệu có uy tín trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và có nhiều đóng góp cho cộng đồng, cho xã hội.

Vào tháng 12/2016, Eximbank chính thức ban hành Tầm Nhìn, Sứ Mệnh và Giá trị cốt lõi mới:

TẦM NHÌN

Trở thành ngân hàng thương mại chất lượng hàng đầu tại Việt Nam dẫn dắt bởi tính chuyên nghiệp và liêm chính

SỨ MỆNH

- ➊ **Đáp ứng kỳ vọng khách hàng bằng việc cung cấp dịch vụ và giải pháp tài chính với mục tiêu lấy khách hàng làm trọng tâm.**
- ➋ **Cung cấp giải pháp tài chính và sản phẩm đa dạng, chất lượng cao, ứng dụng kỹ thuật công nghệ tiên tiến.**
- ➌ **Tạo môi trường làm việc nhằm khuyến khích và khen thưởng cho những nhân viên có năng lực và nhiệt huyết.**
- ➍ **Tối ưu hóa giá trị cho tất cả các bên liên quan bao gồm khách hàng, cổ đông, nhân viên và cộng đồng thông qua tăng trưởng ổn định trong hoạt động kinh doanh.**

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- ➊ **Khách hàng trên hết và Dịch vụ tin cậy**
- ➋ **Đạo đức kinh doanh và Minh bạch**
- ➌ **Sáng tạo và Cải tiến**

DỰ ÁN “NEW EXIMBANK”

Vào cuối năm 2016, Eximbank đã chính thức triển khai dự án “New Eximbank” để tăng cường các nền tảng cốt lõi và chuyển đổi Ngân hàng thành một trong những Ngân hàng chất lượng hàng đầu tại Việt Nam. Văn phòng Quản lý dự án (Project Management Office – “PMO”) được thành lập nhằm kết nối tất cả những sáng kiến của “New Eximbank” và đặt

dưới sự chỉ đạo của Ban quản lý dự án tái cấu trúc và chiến lược. Dự án “New Eximbank” được hỗ trợ bởi đối tác chiến lược, Sumitomo Mitsui Banking Corporation

Những thành tựu chính của dự án “New Eximbank” trong năm 2017 bao gồm:

Chiến lược trung hạn

Phát triển chiến lược trung hạn (2018-2020) và xác định rõ ràng định hướng phát triển trong tương lai

Tổ chức lại Hội sở

Tổ chức lại Hội sở thành 07 Khối Thành lập các Đơn vị mới của Khối Khách hàng doanh nghiệp và Khối Khách hàng cá nhân để nâng cao khả năng phát triển kinh doanh Mô hình bộ máy sẽ được cập nhật sau khi hoàn thành tái cơ cấu

Thiết lập KPI cá nhân và quy trình đánh giá hiệu quả làm việc

Ban hành các chính sách và quy định về việc thiết lập KPI cá nhân và quy trình đánh giá hiệu quả làm việc nhằm giúp cho việc đánh giá kết quả công việc của cá nhân được công bằng và minh bạch và tạo động lực cho các nhân sự có hiệu quả tốt.

Cải cách quy trình tín dụng

Rà soát và cải cách toàn bộ quy trình tín dụng nhằm để quản lý rủi ro và phê duyệt tín dụng hiệu quả hơn (dự án vẫn đang được tiếp tục)

Thay đổi nhận diện thương hiệu

**Thay đổi logo của Eximbank
Nâng cao việc truyền thông nội bộ và bên ngoài
Thành lập nhóm làm việc chuyên trách cho công tác thương hiệu**

MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2020

Eximbank phát triển chiến lược trung hạn cho các năm 2018-2020. Những mục tiêu và sáng kiến chính bao gồm:

- 1 Eximbank phấn đấu trở thành một trong năm ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu (không bao gồm các Ngân hàng thương mại cổ phần quốc doanh) về chất lượng và khả năng sinh lời..
- 2 Phục vụ các khách hàng doanh nghiệp lớn, khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ nằm trong chuỗi cung ứng của khách hàng doanh nghiệp lớn bằng việc cung cấp các giải pháp tài trợ thương mại.
- 3 Tăng cường phân khúc kinh doanh MME & SME với mục tiêu hướng đến những ngành kinh tế cụ thể và phát triển sản phẩm.
- 4 Phát triển hoàn chỉnh định vị giá trị nhằm đẩy nhanh việc phát triển phân khúc khách hàng trẻ tuổi bằng ngân hàng số và các gói sản phẩm cạnh tranh.
- 5 Tăng cường công tác quản lý bán hàng và bán chéo, đặc biệt trong việc phát triển tiền gửi không kì hạn.
- 6 Phát triển mạnh Bancassurance, Thẻ, và Kiềm hối và là những động lực chính của doanh thu từ phí.
- 7 Cải cách hệ thống tiền lương để tăng tính cạnh tranh, tương thưởng và sự minh bạch.
- 8 Tăng cường quản trị rủi ro bằng việc cải cách quy trình tín dụng, phát triển hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ và triển khai thông tư 41.
- 9 Đẩy nhanh công tác xử lý nợ xấu bằng việc tăng cường Trung tâm xử lý nợ và công ty Eximbank AMC

Bằng việc triển khai các sáng kiến như trên, Eximbank đặt mục tiêu Lợi nhuận trước thuế trên 2500 tỷ với tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) là trên 12% trong năm 2020.

TỔNG QUAN CÁC LOẠI RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA NGÂN HÀNG

CÁC RỦI RO

Rủi ro thị trường là rủi ro phát sinh do những biến động từ thị trường gây ra tác động tiêu cực đối với thu nhập và (hoặc) vốn của Eximbank.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

- 1 **Rủi ro lãi suất:** là những tổn thất tiềm tàng đối với thu nhập và giá trị ròng của ngân hàng khi lãi suất thị trường biến động. Rủi ro lãi suất có thể phát sinh do chênh lệch thời điểm ấn định lãi suất, thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất thị trường khác nhau, thay đổi mối quan hệ lãi suất giữa các kỳ hạn khác nhau hoặc các sản phẩm quyền chọn gắn theo lãi suất.
- 2 **Rủi ro tỷ giá** là rủi ro phát sinh do những biến động của tỷ giá gây ra tác động tiêu cực đối với thu nhập và vốn của Eximbank. Rủi ro tỷ giá có thể phát sinh từ một số các hình thức sau: các giao dịch ngoại hối, các giao dịch phái sinh ngoại tệ (Hợp đồng tương lai, Hoán đổi tiền tệ và Quyền chọn).
- 3 **Rủi ro giá đầu tư** là rủi ro phát sinh do sự biến động của giá cổ phiếu, trái phiếu và những khoản đầu tư vốn và chứng khoán khác dẫn đến việc giảm giá trị các khoản đầu tư mà ngân hàng nắm giữ.

RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro dẫn đến khả năng Eximbank không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ, nhu cầu thanh khoản tại thời điểm phát sinh nghĩa vụ tài chính, hoặc Eximbank có khả năng thực hiện nghĩa vụ khi đến hạn nhưng phải chịu tổn thất lớn để thực hiện nghĩa vụ đó. Nguyên nhân dẫn đến rủi ro về thanh khoản có thể xuất phát từ sự chênh lệch giữa quy mô và kỳ hạn giữa các tài sản Nợ và tài sản Có trong các thời điểm.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG HAY RỦI RO TÁC NGHIỆP

Rủi ro hoạt động là loại rủi ro xuất hiện gắn liền với hoạt động ngân hàng nhưng lại rất khó quản lý và ngăn chặn. Xuất phát từ yếu tố con người, sơ hở trong các quy trình tác nghiệp, sự yếu kém trong hệ thống thông tin, hệ thống kiểm soát nội bộ hoặc từ các yếu tố bên ngoài. Rủi ro hoạt động là rủi ro phức tạp nhất mà Eximbank phải đối mặt vì tính chất khó kiểm soát và đa dạng của nó. Để đối phó với rủi ro hoạt động, Eximbank đã xây dựng và ban hành các chính sách, cẩm nang nội bộ, xây dựng kế hoạch hoạt động liên tục nhằm đối phó với các sai phạm trong tác nghiệp và các sự cố ngoài ý muốn.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với ngân hàng. Rủi ro này có thể do nguyên nhân chủ quan hoặc khách quan.

Rủi ro tín dụng được xem là rủi ro lớn nhất tác động đến hoạt động của Eximbank do hoạt động tín dụng tạo ra nguồn thu nhập cao nhất cho ngân hàng.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017

- 24 Tình hình hoạt động, tình hình tài chính và kết quả kinh doanh năm 2017
- 26 Tổ chức và nhân sự
- 32 Tình hình đầu tư vào công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản (Eximbank AMC)
- 34 Số lượng cổ phần và cơ cấu cổ đông của Eximbank
- 36 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2017

Được xác định là năm khởi động cho quá trình Tái cấu trúc và chiến lược Eximbank đã có các chính sách cải tiến không ngừng về chất mà còn về lượng trong hoạt động quản trị điều hành kinh doanh thông qua sự tinh gọn bộ máy quản lý, phát huy tính hiệu quả trong quá trình ra quyết định, cơ chế đánh giá khen thưởng,... Theo đó, kết quả hoạt động kinh doanh của Eximbank đã có những thành quả như sau:

- Tăng trưởng 166% về lợi nhuận sau thuế.
- Tăng trưởng 16% về tổng tài sản.
- Tăng trưởng 14,8% về huy động vốn từ tổ chức kinh tế và dân cư.
- Tăng trưởng 16,6% về dự nợ cho vay tổ chức kinh tế và dân cư.
- Tăng trưởng 24,6% thu nhập thuần ngoài lãi.

Lợi nhuận trước thuế năm 2017 hợp nhất đạt 1.018 tỷ đồng, gấp 1,7 lần so với kế hoạch năm 2017 (kế hoạch lợi nhuận năm 2017 là 600 tỷ đồng).

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM 2016	NĂM 2017	%TĂNG/GIẢM SO NĂM 2016
1. QUY MÔ VỐN				
Tổng tài sản	tỷ đồng	128.802	149.370	16,0%
Vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	13.448	14.251	6,0%
Trong đó: Vốn điều lệ	tỷ đồng	12.355	12.355	0,0%
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) hợp nhất	%	17,12	15,98	
2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
Huy động vốn từ các tổ chức kinh tế và dân cư	tỷ đồng	102.351	117.540	14,8%
Tổng dư nợ cấp tín dụng	tỷ đồng	95.511	107.391	12,4%
Trong đó, dư nợ cho vay tổ chức kinh tế và dân cư	tỷ đồng	86.891	101.324	16,6%
Nợ quá hạn (nhóm 2-5)	tỷ đồng	2.972	2.746	
Nợ xấu (nhóm 3-5)	tỷ đồng	2.560	2.298	
Tỷ lệ nợ quá hạn/tổng dư nợ	%	3,42	2,71	
Tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ	%	2,95	2,27	

Lợi nhuận trước thuế năm 2017 của riêng ngân hàng đạt:

1.018 tỷ đồng.

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM 2016	NĂM 2017	%TĂNG/GIẢM SO NĂM 2016
3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH				
Thu nhập lãi thuần	tỷ đồng	3.082	2.668	-13,4%
Thu nhập ngoài lãi thuần	tỷ đồng	585	729	24,6%
Thu nhập thuần từ hoạt động khác	tỷ đồng	68	431	533,8%
Tổng thu nhập hoạt động kinh doanh	tỷ đồng	3.735	3.828	2,5%
Tổng chi phí hoạt động	tỷ đồng	-2.255	-2.206	-2,2%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước trích DPRR tín dụng	tỷ đồng	1.480	1.622	9,6%
Chi phí dự phòng rủi ro	tỷ đồng	-1.089	-604	-44,5%
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	391	1.018	160,4%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	tỷ đồng	-82	-195	137,8%
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	309	823	166,3%
4. KHẢ NĂNG SINH LỜI				
Tỷ suất lợi nhuận /Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	2,32	5,94	
Tỷ suất lợi nhuận /Tổng tài sản (ROA)	%	0,24	0,59	
5. KHẢ NĂNG THANH KHOẢN				
Tỷ lệ khả năng thanh toán ngay (quy đổi VNĐ)	%	14,57	14,54	
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung dài hạn	%	53,23	32,19	
6. TỶ LỆ CHI TRẢ CỔ TỨC				
	%/năm	0		



Ông LÊ VĂN QUYẾT

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

35 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực
Kinh tế-Tài chính-Ngân hàng

Ông TRẦN TẤN LỘC

Phó Tổng Giám đốc
Tiến sĩ Kinh tế ngành Tài chính – Tín dụng

28 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực
Kinh tế-Tài chính-Ngân hàng

Ông NGUYỄN HỒ HOÀNG VŨ

**Phó Tổng Giám đốc
kiêm Giám đốc Tài chính**

Thạc sĩ Kinh tế
25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực
Kinh tế-Tài chính-Ngân hàng

Bà VĂN THÁI BẢO NHI

Phó Tổng Giám đốc
Thạc sĩ Kinh tế

22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực
Kinh tế-Tài chính-Ngân hàng



Ông ĐÀO HỒNG CHÂU

Phó Tổng Giám đốc
Thạc sĩ Kinh tế

26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực
Kinh tế-Tài chính-Ngân hàng

Bà ĐINH THỊ THU THẢO

Phó Tổng Giám đốc
Thạc sĩ Kinh Tế

27 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực
Kinh tế-Tài chính-Ngân hàng

Ông VŨ QUANG HIỂN

Phó Tổng Giám đốc
Thạc sĩ Kinh tế

17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực
Kinh tế-Tài chính-Ngân hàng

Ông NGUYỄN NGỌC HÀ

Kế toán trưởng
Cử nhân Kinh tế

23 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực
Kinh tế-Tài chính-Ngân hàng

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

THỜI ĐIỂM	NỘI DUNG THAY ĐỔI
-----------	-------------------

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ TẠI EXIMBANK	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT (%)
-----	--------	----------------------	--

THÁNG 8/2017

Thôi chức danh Phó Tổng Giám đốc và phân công giữ chức danh Giám đốc cấp cao đối với các nhân sự sau:

- + Ông Nguyễn Văn Hào.
- + Ông Bùi Văn Đạo.
- + Ông Lê Anh Tú.
- + Ông Yutaka Moriwaki – Thành viên Hội đồng quản trị.
- + Ông Masashi Mochizuki.

Thôi chức danh Phó Tổng Giám đốc Thường trực và phân công giữ chức danh Phó Tổng Giám đốc đối với Ông Trần Tấn Lộc. Chấp thuận nghị việc theo nguyện vọng đối với các Phó Tổng Giám đốc sau:

- + Ông Nguyễn Quang Triết.
- + Ông Lê Hải Lâm.
- + Ông Nguyễn Quốc Hương.
- + Bà Bùi Đỗ Bích Vân.

Bổ nhiệm Ông Võ Quang Hiến – Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp lớn giữ chức danh Phó Tổng Giám đốc.

1	Ông Lê Văn Quyết	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	0,0000000
2	Ông Đào Hồng Châu	Phó Tổng giám đốc	0,0057971
3	Ông Võ Quang Hiến	Phó Tổng giám đốc	0,0000000
4	Ông Trần Tấn Lộc	Phó Tổng giám đốc	0,0000000
5	Bà Văn Thái Bảo Nhi	Phó Tổng giám đốc	0,0000009
6	Bà Đinh Thị Thu Thảo	Phó Tổng giám đốc	0,0016554
7	Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính	0,0023122
8	Ông Nguyễn Ngọc Hà	Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Kế toán tài chính	0,0000001

STT	NỘI DUNG	HỘI SỞ VÀ AMC		KV HCM		KV M.BẮC		KV MT - TN		KV MĐNB		KV MTNB		TỔNG CỘNG	
		SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ%	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ%	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ%	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ%	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ%	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ%	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ%
TỔNG NHÂN SỰ NĂM 2017		1.100	18%	2.455	40%	855	14%	652	11%	539	9%	493	8%	6.094	100%
1.	GIỚI TÍNH:														
	- Nam	544	9%	1.050	17%	300	5%	280	5%	251	4%	257	4%	2.682	44%
	- Nữ	556	9%	1.405	23%	555	9%	372	6%	288	5%	236	4%	3.412	56%
2.	TRÌNH ĐỘ:														
	- Đại học trở lên	998	16%	1.740	29%	774	13%	534	9%	414	7%	398	7%	4.858	80%
	- Cao đẳng trở xuống	102	2%	715	12%	81	1%	118	2%	125	2%	95	2%	1.236	20%
3.	ĐỘ TUỔI:														
	- Trên 50 tuổi	384	6%	1.245	20%	320	5%	226	4%	285	5%	272	4%	2.732	45%
	- Từ 31 - 50 tuổi	676	11%	1.156	19%	511	8%	408	7%	241	4%	214	4%	3.206	53%
	- Từ 18 - 30 tuổi	40	1%	54	1%	24	0%	18	0%	13	0%	7	0%	156	3%
4.	THÂM NIÊN TẠI EIB:														
	- Trên 10 năm	278	5%	390	6%	131	2%	81	1%	22	0%	33	1%	935	15%
	- Từ 5 - 10 năm	422	7%	987	16%	459	8%	382	6%	181	3%	225	4%	2.656	44%
	- Từ 02 - 5 năm	251	4%	394	6%	118	2%	101	2%	124	2%	121	2%	1.109	18%
	- Dưới 02 năm	149	2%	684	11%	147	2%	88	1%	212	3%	114	2%	1.394	23%
5.	CHỨC DANH:														
	- Cán bộ quản lý (từ Phó Phòng trở lên)	161	3%	349	6%	166	3%	102	2%	70	1%	85	1%	933	15%
	- Nhân viên (các chức danh còn lại)	939	15%	2.106	35%	689	11%	550	9%	469	8%	408	7%	5.161	85%

(*) AMC: Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản.

(*) KV HCM: Khu vực Hồ Chí Minh

(*) KV M.Bắc: Khu vực miền Bắc

(*) KV MT-TN: Khu vực miền Trung - Tây Nguyên

(*) KV MĐNB: Khu vực miền Đông Nam Bộ

(*) KV MTNB: Khu vực miền Tây Nam Bộ

THÀNH LẬP

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản được thành lập theo Quyết định số 157/2010/EIB/QĐ-HĐQT ngày 21/04/2010 của Chủ tịch Hội đồng quản trị; Quyết định số 754/QĐ-NHNN ngày 01/04/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310280974 ngày 24/08/2010 do Sở Kế hoạch đầu tư TP.HCM cấp.

VỐN ĐIỀU LỆ

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310280974 ngày 24/08/2010 do Sở Kế hoạch đầu tư TP.HCM cấp với vốn điều lệ đăng ký lần đầu là 300 tỷ đồng,

**thay đổi lần thứ hai ngày 08/09/2011,
 thay đổi lần thứ ba ngày 30/03/2012,
 thay đổi lần thứ chín ngày 02/04/2014**

với vốn điều lệ đăng ký là 1.700 tỷ đồng.

955 Đến ngày 31/12/2017,
 vốn điều lệ được cấp là:
TỶ ĐỒNG

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Chi tiết: Tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tồn đọng của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (bao gồm: nợ có tài sản bảo đảm và nợ không có tài sản bảo đảm) và tài sản bảo đảm nợ vay (tài sản thế chấp, cầm cố; tài sản gán nợ; tài sản Tòa án giao ngân hàng) liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi vốn nhanh nhất.

Chủ động bán các tài sản đảm bảo nợ vay thuộc quyền định đoạt của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam theo giá thị trường (giá bán tài sản có thể cao hoặc thấp hơn giá trị nợ tồn đọng) theo hình thức sau:

Tự bán công khai trên thị trường; Bán qua Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản; Bán cho Công ty mua bán nợ của nhà nước (khi được thành lập). Cơ cấu lại nợ tồn đọng bằng các biện pháp: giãn nợ, miễn giảm lãi suất, đầu tư thêm, chuyển đổi nợ thành vốn góp. Xử lý tài sản đảm bảo nợ vay bằng các biện pháp: cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tài sản để bán, cho thuê, khai thác kinh doanh, góp vốn, liên doanh bằng tài sản để thu hồi nợ. Thực hiện các hoạt động khác theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam theo quy định của pháp luật. Mua, bán nợ tồn đọng của các tổ chức tín dụng khác, của các công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của Ngân hàng thương mại khác theo quy định của pháp luật.

KẾT QUẢ KINH DOANH

ĐVT: triệu đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2016	NĂM 2017	TĂNG/GIẢM SO VỚI NĂM 2016 (+/-)	%TĂNG/GIẢM SO VỚI NĂM 2016 (+/-)
I. TỔNG DOANH THU	21.531	21.388	-143	-0,7%
1. Doanh thu cho thuê	15.700	12.336	-3.364	-21,4%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	5.747	6.634	887	15,4%
3. Thu nhập khác	84	2.418	2.334	2778,6%
II. TỔNG CHI PHÍ	7.565	7.661	96	1,3%
1. Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.545	7.543	-2	0%
2. Chi phí khác	20	118	98	490%
III. LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	13.966	13.727	-239	-1,7%

Số liệu trên chưa kiểm toán của Công ty kiểm toán độc lập

TÓM TẮT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG, TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA AMC

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

ĐVT: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN TẠI 31/12/2017
1	Tổng tài sản	1.006.193
2	Tiền gửi Ngân hàng	717.747
3	Phải thu dài hạn khác (từ Eximbank)	210.839
4	Tài sản cố định	49.610
5	Chi phí xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định	27.273
6	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	955.000
7	Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2017	13.727
8	Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.965



SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CỦA EXIMBANK

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	DANH MỤC	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN (%)/VỐN ĐIỀU LỆ
1	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên)	286.574.338	23,195
	Cổ đông sở hữu dưới 5% vốn điều lệ	948.948.566	76,805
2	Cổ đông tổ chức	697.558.581	56,459
	- Trong nước	331.428.102	26,825
	- Nước ngoài	366.130.479	29,634
3	Cổ đông cá nhân	537.964.323	43,541
	- Trong nước	533.439.036	43,175
	- Nước ngoài	4.525.287	0,366
4	Cổ đông trong nước	864.867.138	70,000
	Cổ đông nước ngoài	370.655.766	30,000
	Cổ đông nhà nước	6.023.313	0,488
	Cổ đông khác	1.229.499.591	99,512
	Cổ đông sáng lập	0	0
	TỔNG SỐ CỔ PHẦN	1.235.522.904	100,000

THÔNG TIN CHI TIẾT CỔ ĐÔNG LỚN

STT	TÊN TỔ CHỨC /CÁ NHÂN	NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)/ VỐN ĐIỀU LỆ
1	Sumitomo Mitsui Banking Corporation	Ngân hàng	1-2 Marunouchi 1-chome,Chiyado-ku, Tokyo 100-0005 Japan	185.329.207	15,000%
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương (Vietcombank)	Ngân hàng	198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội	101.245.131	8,195%
			Tổng	286.574.338	23,195%

SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN

Tại thời điểm 31/12/2017, số lượng cổ phần:

1.235.522.904 cổ phần

Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng:

948.592.158 cổ phần

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 - Luật Các tổ chức tín dụng 2010:

286.930.746 cổ phần

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2017, Eximbank không tăng vốn cổ phần.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Đến ngày 31/12/2017, số lượng cổ phiếu quỹ của Eximbank là 6.090.000 cổ phiếu. Eximbank không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2017.

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Eximbank không phát hành chứng khoán khác trong năm 2017.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Eximbank đảm bảo tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường và xã hội. Bên cạnh các hoạt động kinh doanh, Eximbank còn tích cực tham gia các hoạt động xã hội, chăm lo và nâng cao chất lượng đời sống cho cán bộ công nhân viên, đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng địa phương nói riêng và xã hội nói chung.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Eximbank luôn tuân thủ pháp luật và các quy định về bảo vệ môi trường.



XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ CHUYÊN NGHIỆP

Eximbank nhận thấy việc xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp giống như một trong những cam kết về chất lượng dịch vụ với khách hàng. Trong chuỗi quy trình tiến đến xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp đó, công tác đào tạo là khâu cuối cùng và đóng vai trò hết sức quan trọng, giúp chuẩn hóa đội ngũ nhân sự đặc biệt là trong xử lý giao dịch, giao tiếp khách hàng.

Theo đó, trong năm 2017, Eximbank đã tiếp tục triển khai kế hoạch đào tạo/tái đào tạo cho các cán bộ nhân viên từ cấp nhân viên/giao dịch viên đến các cấp lãnh đạo Phòng, lãnh đạo Chi nhánh, những người hàng ngày đại diện cho Ngân

hàng tiếp xúc khách hàng. Bên cạnh những khóa đào tạo về nghiệp vụ, Eximbank cũng trang bị cho cán bộ nhân viên những kỹ năng mềm như kỹ năng quản lý thời gian, giao tiếp, bán hàng, thuyết trình,... Song song đó, giữa nội bộ các Phòng/Ban Hội sở và đơn vị kinh doanh thường xuyên thực hiện các khóa tự đào tạo để bảo đảm tốt nhất, chuyên nghiệp nhất trong công tác giao dịch, tiếp xúc khách hàng.

XÂY DỰNG VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Để phát huy hơn nữa thế mạnh nguồn nhân lực vốn có, Eximbank chủ trương tiến tới xây dựng văn hóa doanh nghiệp đặc trưng và môi trường làm việc thân thiện; đổi mới công bằng, bình đẳng giới với người lao động; minh bạch và chuyên nghiệp để xây dựng môi trường ngôi nhà chung Eximbank, thu hút nhân tài, đảm bảo nguồn nhân lực ổn định và chất lượng cao.

PHÁT HUY TÍNH DÂN CHỦ TRONG TỔ CHỨC

Eximbank khuyến khích cán bộ nhân viên tham gia phát biểu ý kiến, đóng góp, xây dựng cho các chương trình nội bộ, phát triển sản phẩm mới thông qua các cuộc họp triển khai kế hoạch kinh doanh, cuộc thi ý tưởng, kết nối toàn thể CBNV trên toàn hệ thống; tham gia đóng góp các nội dung để thực hiện Bản tin Eximbank và các hoạt động nội bộ khác.

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ TƯƠNG LAI

Năm 2017, tổng số lượng nhân viên được tuyển dụng vào Eximbank là 1.034 người. Số lượng nhân sự mới này phục vụ nhu cầu phát triển kinh doanh của hệ thống, dự phòng biến động, và bù đắp biến động nhân sự trong kỳ so với định biên và kế hoạch nhân sự.

Hàng năm, Eximbank chủ động tiếp cận, liên kết với các trường Cao đẳng, Đại học trên cả nước để thực hiện các chương trình tuyển dụng trực tiếp sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp. Hiện nay, Eximbank đang triển khai Chương trình Quản trị viên - Chương trình này được xây dựng góp phần vào việc giải quyết đầu ra cho các trường Đại học - Cao đẳng trên cả nước, đồng thời nâng cao tính chủ động trong công tác tuyển dụng nhân sự chất lượng cao, chuẩn bị nguồn lực hiệu quả cho tương lai.

Ngoài ra, Eximbank còn thực hiện các hoạt động Tư vấn - Hướng nghiệp, Thực tập - Việc làm cho sinh viên các trường Đại học - Cao đẳng có ký kết thỏa thuận với Eximbank cũng như tại các trường trọng điểm thuộc các khu vực có Chi nhánh Eximbank đang hoạt động qua các chương trình như Ngày Hội việc làm,... Thông qua chính sách tuyển dụng nhân sự kèm với các hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho sinh viên, chất lượng nhân sự làm việc tại Eximbank không ngừng được nâng cao.

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ CHUYÊN NGHIỆP

Tổng số khóa đào tạo thực hiện trong năm 2017 là 114 lớp học các loại, với 4.708 lượt cán bộ tham dự; cùng với 115 lớp đào tạo chuyển đổi Korebanking cho 3.147 lượt cán bộ tham dự. Tổng thời lượng đào tạo trong năm 2017 là: 9.272 giờ, tính bình quân số giờ đào tạo trên nhân viên là 1,52 giờ/nhân viên/năm.

Chính sách và hoạt động đào tạo được triển khai trong năm 2017:

- Đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu của hoạt động kinh doanh
- Đào tạo theo chức danh nhằm góp phần chuẩn hóa chức danh. Trong năm 2017 tập trung vào đào tạo chức danh Lãnh đạo Dịch vụ khách hàng và cán bộ bán hàng nhằm mục đích nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng và phát triển hoạt động kinh doanh.
- Đào tạo và tái đào tạo để cập nhật kiến thức nghiệp vụ, chính sách của Ngân hàng và của Nhà nước đảm bảo năng lực thực hiện công việc.

CHẾ ĐỘ LƯƠNG, THƯỞNG XÂY DỰNG TRÊN HIỆU QUẢ CÔNG VIỆC:

Mô hình lương, thưởng của Eximbank xây dựng dựa trên các cơ sở: vị trí, chức danh; kết quả công việc; năng lực và trình độ; mặt bằng thu nhập ngành ngân hàng nói riêng, thị trường lao động nói chung, quy định của Nhà nước và khả năng tài chính của Eximbank.

Định hướng đào tạo phát triển trong năm 2018:

- Đào tạo nâng cao kỹ năng quản lý điều hành cho đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ năng bán hàng cho cán bộ kinh doanh trực tiếp
- Từng bước tiến hành đào tạo theo đánh giá năng lực cán bộ khi hoàn tất Bộ tiêu chuẩn năng lực.
- Đào tạo theo quy hoạch nhằm thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực nội bộ.

Năm 2017, có hơn 1.000 trường hợp nhân viên Eximbank được bổ nhiệm, tái bổ nhiệm, điều chuyển và thay đổi chức danh. Các hoạt động quy hoạch, phát triển nhân sự tại Eximbank được thực hiện căn cứ trên cấu trúc công việc, quy trình của hệ thống, kết quả thực hiện công việc (thành tích) và tiềm năng phát triển năng lực của nhân viên. Đối với nhân sự chủ chốt, quá trình phát triển được quản lý, đánh giá, phân hồi và hỗ trợ tích cực theo chu kỳ và khi có nhu cầu phát sinh; đảm bảo được tính ổn định và chất lượng nhân sự lâu dài phục vụ mục tiêu phát triển kinh doanh của Ngân hàng.

Về chế độ thưởng, trong năm 2017 ngoài các khoản thưởng định kỳ hàng năm như danh hiệu cá nhân, danh hiệu tập thể, hoàn thành kế hoạch kinh doanh, Eximbank cũng theo dõi và kịp thời biểu dương, khen thưởng các cá nhân, tập thể đạt được thành tích vượt trội trong thực hiện nhiệm vụ được giao trong từng thời kỳ.

CHÍNH SÁCH AN TOÀN SỨC KHỎE

Người lao động làm việc trong hệ thống Eximbank được hưởng các chế độ tiền lương, thưởng và đãi ngộ sau:

- Được hưởng lương, thưởng theo vị trí công việc, mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao, mức độ đóng góp vào kết quả kinh doanh của đơn vị. Việc trả lương gắn với vị trí và hiệu quả công việc của từng người lao động tạo động lực, nâng cao năng suất lao động. Năm 2017, tiền lương bình quân của Eximbank đạt 12,3 triệu đồng/người/tháng.
- Ngoài lương tháng, lương tháng 13, Eximbank còn có một số chế độ đãi ngộ nhân viên (tùy theo công việc đảm nhận) là những khoản chi trả có tính chất phụ cấp như tiền ăn giữa ca, chi phí điện thoại, đi lại, độc hại, v.v.
- Eximbank có chính sách ưu đãi cấp quản lý như cấp xe ô tô, cung cấp chế độ khám sức khỏe định kỳ, chế độ chăm sóc sức khỏe, tổ chức đi du lịch nước ngoài (khen thưởng lãnh đạo xuất sắc), v.v.
- Ngoài ra, Eximbank còn thực hiện các chương trình hành động thưởng cho nhân viên kinh doanh đạt hiệu quả cao hàng tháng, quý và năm.
- Được thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm theo quy định của Nhà nước Việt Nam, đảm bảo quyền lợi của người lao động khi nghỉ hưu, ốm đau, thai sản.
- Được hưởng các chế độ phúc lợi: Tham quan, nghỉ mát, tham gia các hoạt động thể dục thể thao rèn luyện sức khỏe, trợ cấp khi gia đình hoặc bản thân ốm đau, có hiếu, hỷ, mua bảo hiểm sức khỏe, Chương trình cho vay lãi suất ưu đãi; Chương trình trợ cấp nhân viên, ...
- Lao động nghỉ hưu được hưởng chế độ từ bảo hiểm xã hội và được trợ cấp thêm lương trước khi nghỉ hưu,...

CHÍNH SÁCH ĐÃ NGỘ

Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã thông qua các Nghị quyết để Ban điều hành có ngân sách triển khai thực hiện các đóng góp cho xã hội, chăm lo đời sống cho cán bộ nhân viên Eximbank được thực hiện thông qua chế độ lương thưởng phù hợp. Thể hiện sự quan tâm đối với cán bộ, nhân viên có thâm niên công tác và có thời gian gắn bó lâu dài với Eximbank, từ tháng 05/2012 đến nay Eximbank đã áp dụng "chính sách thâm niên đối với cán bộ nhân viên" dành cho cán bộ nhân viên có 05 năm công tác trở lên được hưởng phụ cấp thâm niên hàng tháng.

Ngoài ra, Eximbank cũng quan tâm đến đời sống của cán bộ nhân viên với phương châm "an cư lạc nghiệp", theo đó trong năm 2017 Eximbank vẫn tiếp tục tìm kiếm các quỹ đất để thực hiện "chính sách nhà ở" đối với cán bộ nhân viên nhằm tạo sự yên tâm công tác và gắn bó lâu dài với Eximbank.



TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG

Tiếp nối truyền thống từ những ngày đầu thành lập đến nay, trong năm 2017 Eximbank tiếp tục thực hiện và khuyến khích, tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên tham gia, đóng góp vào các hoạt động thiện nguyện, an sinh xã hội như: chương trình "Trung thu yêu thương" trao quà cho các trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại Thừa thiên Huế, An Giang, Long An; chương trình tiếp sức cho các học sinh nghèo có hoàn cảnh khó khăn tại Chiền Nưa, Sóc Trăng; và các chương trình tài trợ học bổng cho sinh viên các Trường Đại học,v.v.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công tác an sinh xã hội cũng được Eximbank ủng hộ như: ủng hộ Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ xây dựng nhà đại đoàn kết cho 25 hộ nghèo, hỗ trợ xây dựng nhà đại đoàn kết xã Long Vĩnh, Gò Công Tây, Tiền Giang, ủng hộ Báo người lao động thực hiện chiến dịch "Kỳ nghỉ Hồng", hiến máu nhân đạo tại các khu vực TpHCM, Miền Bắc, Tây Nam Bộ và ủng hộ Vụ Tổ chức cán bộ Ngân hàng Nhà nước đóng góp Quỹ học bổng Ngân hàng năm 2017.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- 44 Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh
- 56 Tình hình tài chính
- 58 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 68 Kế hoạch kinh doanh 2018
- 70 Báo cáo đánh giá liên quan đến môi trường và xã hội



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mặc dù môi trường kinh doanh trong năm 2017 còn nhiều khó khăn, Eximbank đã đạt được những kết quả nhất định:

- Gần như hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch Hội đồng Quản trị giao như: tổng tài sản tăng 16%, nguồn vốn huy động tăng 14,8%, dư nợ cho vay tăng 16,6%. Tính đến cuối năm 2017, lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 1.018 tỷ đồng. Eximbank đã hoàn toàn thoát khỏi lỗ lũy kế sau 2 năm kể từ 2015.

- Hoạt động cho vay bán lẻ tăng trưởng tốt và khá đồng đều qua các tháng trong năm, dư nợ bán lẻ tăng 23% so với cuối năm 2016, góp phần vào mức tăng dư nợ của toàn hệ thống.

- Hoạt động cho vay bán buôn đạt được tốc độ tăng 12% so với cuối năm 2016.

- Tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát tốt (2,27%), công tác xử lý nợ xấu đạt kế hoạch năm 2017, giúp mang lại nguồn hoàn nhập dự phòng và thu lãi treo.

- Các chỉ số an toàn hoạt động của Eximbank đều đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước, trong đó đặc biệt là chỉ tiêu tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung dài hạn đã đưa về tỷ lệ thấp hơn tỷ lệ của Ngân hàng Nhà nước yêu cầu áp dụng từ năm 2018.

- Dự án tái cấu trúc với tên gọi “Eximbank Mới” là một trong những dự án nổi bật trong năm 2017. Về quản trị nội bộ, việc thiết lập hệ thống mục tiêu công việc (KPI) và quy trình đánh giá hiệu quả làm việc (PEP) đã khởi động chính sách khuyến khích nhân viên phát huy tối đa năng lực. Về mô hình tổ chức của Hội sở, dự án từng bước thực hiện việc tổ chức lại Hội sở thành 07 khối chính nhằm giảm bớt tầng nấc phê duyệt và phân rõ trách nhiệm các bộ phận.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG CÁ NHÂN

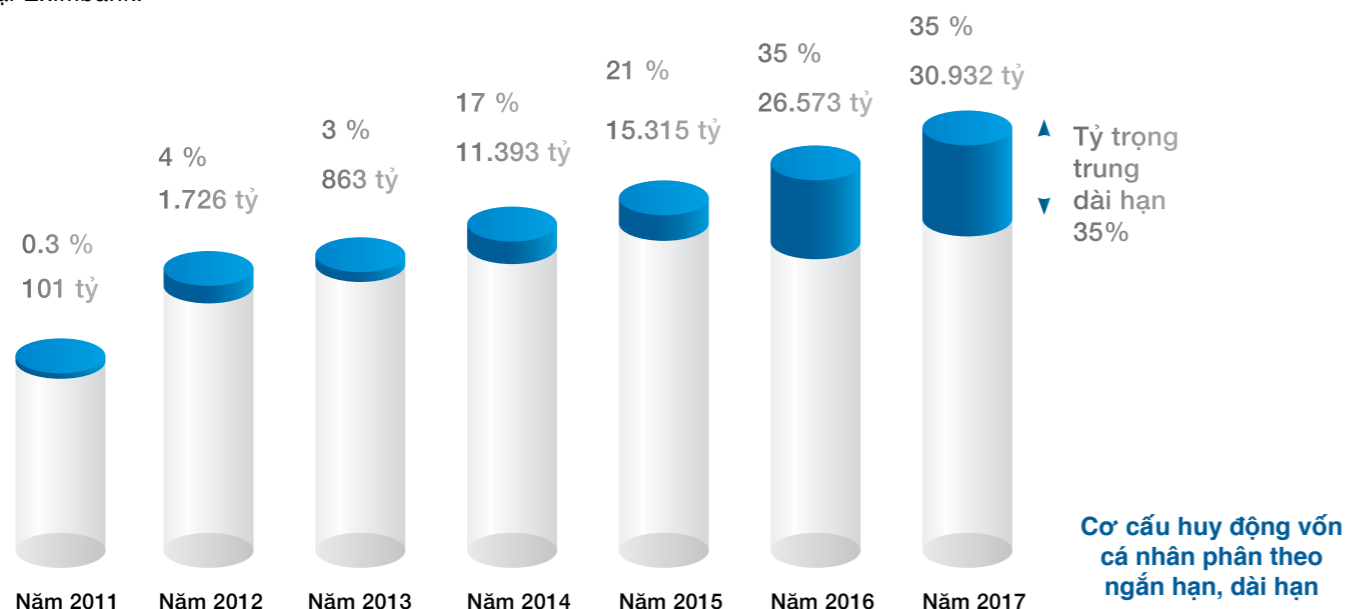
HUY ĐỘNG VỐN CÁ NHÂN

Đến 31/12/2017 số dư huy động vốn cá nhân đạt **87.607 tỷ đồng, tăng 14%** so đầu năm, chiếm 75% tổng vốn huy động toàn hệ thống, với quy mô khách hàng cá nhân chiếm đến 96% tổng lượng khách hàng của Eximbank, đạt **1.176.133 khách hàng cá nhân, tăng 8%** so với đầu năm.

Cơ cấu nguồn vốn huy động trong năm 2017 tiếp tục thay đổi tích cực theo xu hướng tăng tỷ trọng nguồn vốn trung dài hạn (từ tỷ trọng 22% năm 2015 lên tỷ trọng 35% năm 2017), đảm bảo tính ổn định của nguồn vốn huy động và đáp ứng nhu cầu cho vay trung dài hạn. Đặc biệt, vốn huy động của khách hàng dịch chuyển sang kỳ hạn 18 tháng và 24 tháng, thể hiện niềm tin của khách hàng khi gửi tiền tại Eximbank.

số dư huy động vốn cá nhân
đạt **87.607 tỷ đồng**
↑ 14% so với đầu năm

Quy mô khách hàng cá nhân
đạt **1.176.133 khách hàng**
↑ 8% so với đầu năm



Để đạt được sự tăng trưởng trong 2017 như trên, Eximbank đã kịp thời triển khai các chính sách huy động vốn, đẩy mạnh nguồn huy động vốn ổn định từ dân cư, phù hợp với định hướng của Ngân hàng Nhà nước và với xu hướng thị trường. Bên cạnh đó, Eximbank tích cực triển khai các chương trình, sản phẩm, công nghệ mới hướng đến đáp ứng nhu cầu của khách hàng, nhằm gia tăng nền tảng khách hàng và đạt được sự hài lòng của khách hàng khi giao dịch tại Eximbank.

Về sản phẩm, chương trình khuyến mãi huy động vốn, bên cạnh 12 sản phẩm đáp ứng nhu cầu gửi tiền đa dạng của khách hàng, Eximbank thường xuyên triển khai các chương trình khuyến mãi ưu đãi cho khách hàng và phát triển các tiện ích mới phục vụ khách hàng.

Các sản phẩm huy động Eximbank cung cấp đến các khách hàng cá nhân:

- Tiền gửi thanh toán không kỳ hạn
- Combo tiền gửi thanh toán
- Tiền gửi thanh toán E-Favor
- Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn
- Tiết kiệm có kỳ hạn tự chọn
- Tiết kiệm qua đêm
- Tiền gửi Call 48 giờ
- Tiết kiệm Eximbank VIP
- Tiết kiệm cho con yêu
- Tiết kiệm tích lũy tiền lương
- Tiết kiệm gửi góp
- Tiền gửi Online

Trong năm 2017, Eximbank đã triển khai sản phẩm Tiền gửi Online riêng biệt cho kênh giao dịch Internet Banking và Mobile Banking nhằm khuyến khích khách hàng sử dụng tiện ích gửi tiền online và được hưởng lãi suất cao hơn so với tại quầy giao dịch.

Và nhiều chương trình khuyến mãi hấp dẫn dành cho khách hàng cá nhân gửi tiền tại Eximbank với danh mục quà tặng đa dạng, thiết thực, giá trị cao, cơ hội trúng thưởng lớn

Ngoài ra, khách hàng gửi tiền tại Eximbank còn được tận hưởng nhiều tiện ích:

- Dịch vụ nhận tin nhắn SMS thông báo biến động tiền gửi tiết kiệm
- Dịch vụ nhận tin nhắn SMS thông báo ngày đến hạn tiền gửi tiết kiệm
- Dịch vụ chuyển lãi tự động, tất toán tiền gửi có kỳ hạn tự động chuyển sang tiền gửi thanh toán
- Ưu đãi hấp dẫn khi gửi tiền vào dịp sinh nhật của khách hàng, với chương trình Sinh nhật trọn niềm vui cùng Eximbank.

DỊCH VỤ CHUYỂN TIỀN TRONG NƯỚC:

Dịch vụ chuyển tiền trong nước năm 2017 được Eximbank chú trọng đẩy mạnh theo hướng gia tăng tiện ích, tốc độ chuyển tiền cho khách hàng. Cụ thể, trong năm 2017, bên cạnh chuyển tiền trong nước ngoài hệ thống theo kênh truyền thống, Eximbank đã tập trung đẩy mạnh **Dịch vụ chuyển tiền nhanh 24/7 với đa dạng kênh chuyển tiền:** tại quầy giao dịch, trên Internet Banking, Mobile Banking.

Khách hàng chỉ cần chọn ngân hàng cần chuyển tiền đến, và nhập số tài khoản hoặc số thẻ của người thụ hưởng, hệ thống sẽ tự động hiển thị tên người thụ hưởng để khách hàng kiểm tra thông tin trước khi chuyển tiền. Với thao tác đơn giản, thực hiện mọi lúc, mọi nơi 24/7, an toàn, nhanh chóng, thuận tiện. Và chỉ cần **vài giây** sau khi đặt lệnh chuyển tiền, tiền đã **được chuyển đến người thụ hưởng**. Trong năm 2017, dịch vụ chuyển tiền nhanh của Eximbank có bước tiến vượt bậc cả về số món và doanh số chuyển tiền nhanh, nâng tỷ lệ chuyển tiền nhanh lên 71% trong tổng món chuyển tiền.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ

Năm 2017, Eximbank đẩy mạnh các dịch vụ ngân hàng điện tử như SMS Banking (tăng trưởng 21% số lượng khách hàng) và Internet Banking (tăng trưởng 25% số lượng khách hàng).

Đặc biệt, Eximbank ra mắt phiên bản Eximbank Mobile Banking 2017 với nhiều tính năng vượt trội, bắt kịp xu thế công nghệ trên thị trường, được khách hàng đón nhận: giao diện đẹp, hiện đại, thân thiện với người dùng, nhiều tính năng: đăng nhập bằng vân tay, mua vé máy bay, chuyển tiền nhanh theo số tài khoản... góp phần nâng tỷ lệ tăng trưởng khách hàng sử dụng Mobile Banking năm 2017 lên đến **149%**.

Ngoài ra, Eximbank là một trong những ngân hàng tiên phong trong việc triển khai liên kết tài khoản ngân hàng với ví điện tử MoMo, gia tăng tiện ích cho khách hàng, bắt kịp xu hướng thanh toán mới của giới trẻ.

HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM CHO VAY DAIMLER

Trải qua các bước tham dự thầu và phê duyệt khắt khe của Dịch vụ tài chính Daimler khu vực Đông Nam Á (DFS) và Mercedes-Benz Việt Nam (MBV), Eximbank đã chính thức trở thành Đơn vị cung cấp dịch vụ tài chính cho các thương hiệu xe của Daimler tại Việt Nam theo Chương trình Nhân hiệu. Như đã cam kết với phía Đối tác, "Trung tâm cho vay mua ô tô" dành riêng cho các thương hiệu xe của Daimler tại Việt Nam chính thức cung cấp dịch vụ trên toàn quốc vào ngày 01/8/2017. Đến nay, Trung tâm có tất cả 32 nhân sự làm việc tại 02 khu vực chính là TP.HCM và Hà Nội.

Eximbank được Daimler trực tiếp cấp phép sử dụng thương hiệu Mercedes-Benz tại Việt Nam để cung cấp 02 sản phẩm tài chính chính gồm: Sản phẩm cho vay mua ô tô cho người tiêu dùng cuối cùng và Sản phẩm tài trợ đại lý cho các Đại lý của MBV. Đặc biệt, Eximbank được cử nhân sự đại diện tư vấn tài chính tại các đại lý/showroom của MBV trên toàn quốc.

Đến hết 31/12/2017, Trung tâm đạt được kết quả khả quan như sau:

- Số lượng nhân sự đang hỗ trợ tư vấn tài chính tại các đại lý/showroom là 17 nhân sự/24 đại lý được triển khai Chương trình Nhân hiệu.
- Kết quả dư nợ cho vay mua ô tô: 361 tỷ đồng, gồm 272 xe được tài trợ, chiếm # 10% doanh số bán xe của Mercedes-Benz trên toàn quốc.
- Bước sang năm 2018, Trung tâm đặt chỉ tiêu đạt 900 tỷ đồng dư nợ.



Kết quả dư nợ cho vay mua ô tô

361 tỷ đồng

gồm **272 xe** được tài trợ

HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN KINH DOANH BÁN LẺ

Phòng Phát triển kinh doanh bán lẻ được thành lập từ 25/05/2017, với trọng trách được giao là xây dựng định hướng chiến lược kinh doanh cho Khối KHCN, thúc đẩy bán chéo sản phẩm để gia tăng hiệu quả kinh doanh cho Ngân hàng đồng thời nghiên cứu, phát triển và triển khai các mảng kinh doanh mới.

Sau hơn 7 tháng hoạt động, Phòng Phát triển kinh doanh bán lẻ đã bước đầu thiết lập và triển khai được các nội dung trọng tâm như sau:

- Hoàn thành việc xây dựng kế hoạch chiến lược kinh doanh ngắn hạn cũng như chiến lược kinh doanh trung hạn cho mảng Ngân hàng bán lẻ.
- Tái tổ chức lại hoạt động của Khối KHCN theo định hướng khách hàng là trọng tâm, phát triển sản phẩm dịch vụ theo nhu cầu khách hàng. Năm 2017, Phòng Phát triển kinh doanh bán lẻ đã phối hợp cùng với các đơn vị trong Khối để thúc đẩy, phát triển và triển khai nhiều gói sản phẩm liên quan đến phát triển nền tảng khách hàng, gói sản phẩm combo tiền gửi thanh toán, dịch vụ chi lương, thẻ tín dụng cho khách hàng vay và khách hàng gửi tiền.
- Triển khai thành công kênh bán hàng qua điện thoại (Telesales) nhằm thúc đẩy bán chéo sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng cá nhân hiện hữu, bên cạnh đó tích cực nghiên cứu phát triển các công nghệ, ứng dụng Ngân hàng Số nhằm mục tiêu thu hút khách hàng mới để gia tăng nền tảng khách hàng cho Eximbank.
- Phối hợp với các đơn vị liên quan để điều chỉnh KPI cho đội ngũ cán bộ bán hàng, bước đầu đưa định hướng cán bộ bán hàng đa năng vào quy định chung, hướng đến mục tiêu bán chéo đa dạng sản phẩm của Ngân hàng thay vì chỉ tập trung vào 1 vài sản phẩm như trước đây.
- Triển khai các buổi hội thảo để trao đổi kinh nghiệm bán hàng trên toàn hệ thống, kèm cập hướng dẫn cán bộ bán hàng RBO yếu kém tại Khu vực Hồ Chí Minh, thực hiện các buổi trao đổi, tìm hiểu khó khăn, vướng mắc nhằm hỗ trợ các đơn vị kinh doanh tại các Khu vực khác.



Trên nền tảng các nội dung đã thực hiện được trong năm 2017, Phòng Phát triển kinh doanh bán lẻ đã lên kế hoạch cho năm 2018 như sau:

- 1 Triển khai chi tiết các nội dung kế hoạch, chiến lược chủ chốt đã được Hội đồng quản trị phê duyệt trong đó tập trung chủ yếu đến việc hiện thực hóa các khởi xướng chiến lược liên quan đến Ngân hàng Số, Tài chính Tiêu dùng, chiến lược bán chéo sản phẩm, phát triển nền tảng khách hàng, phát triển các sản phẩm trọng tâm nhằm cải thiện hiệu quả sử dụng vốn....
- 2 Hoàn tất việc tái tổ chức Khối KHCN, trong đó định hướng các Phòng/Trung tâm đi theo đúng chức năng, nhiệm vụ đã được giao. Riêng đối với mảng thúc đẩy kinh doanh, phải hoàn thiện việc xây dựng KPI – Bộ chỉ tiêu bán hàng cho cán bộ bán hàng, xây dựng lại mô hình quản lý đội ngũ cán bộ bán hàng (Hunter - Famer) nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và tối ưu việc quản lý thời gian cho Cán bộ bán hàng, đào tạo và kèm cặp để cán bộ bán hàng có thể hoàn thành được chỉ tiêu và đi kèm với đó là chế độ đãi ngộ (lương, thưởng) thỏa đáng.



HOẠT ĐỘNG PHÁT HÀNH VÀ THANH TOÁN THẺ

Eximbank là một trong những ngân hàng tiên phong trong hoạt động phát hành và chấp nhận thanh toán thẻ trên thị trường thẻ tại Việt Nam.

Với định hướng phát triển toàn diện, dẫn đầu xu thế, Eximbank đã mở rộng các liên kết, hợp tác với các tổ chức chức thẻ Visa/MasterCard/JCB/UPI, Công ty thanh toán quốc gia Việt Nam Napas và các công ty trung gian thanh toán như VNPAY, Ngân lượng, OnePay... và luôn chú trọng đến việc nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ hiện hữu, sản phẩm, dịch vụ thẻ mới nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng.

Trong năm 2017, Eximbank đã triển khai sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế JCB Platinum dành cho phân khúc khách hàng có nhu cầu đi du lịch, chi tiêu ở nước ngoài, đặc biệt tại Nhật Bản và triển khai “Chương trình cung cấp phòng chờ Loungekey” gia tăng thêm tiện ích dành cho chủ thẻ cao cấp Eximbank One World MasterCard.

DỊCH VỤ CHI TRẢ KIỀU HỐI

Với những nỗ lực phát triển đối tác mới và chăm sóc đối tác hiện hữu, số lượng giao dịch kiều hối về qua Eximbank năm 2017 tăng trưởng mạnh mẽ, gần 60% so với năm 2016, điều này cho thấy sự tăng trưởng đầy triển vọng trong thời gian tới của kiều hối Eximbank.

Trong năm, Eximbank đã chính thức thành lập Phòng Kiều hối và Dịch vụ Quốc tế, với sự đầu tư, nỗ lực không ngừng, Eximbank hứa hẹn sẽ mang đến dịch vụ kiều hối chất lượng cao nhất, khách hàng sẽ được trải nghiệm dịch vụ nhận tiền hiện đại với tính an toàn, tốc độ cao cùng nhiều tiện ích vượt trội.

Trong bối cảnh môi trường kinh doanh cạnh tranh ngày càng gay gắt, Eximbank đã luôn nỗ lực để đẩy mạnh hoạt động kinh doanh để mở rộng thị phần và đã đạt được một số kết quả kinh doanh khả quan trong năm 2017. Theo đó, Eximbank đã phát hành được **122.500 thẻ**, nâng tổng số lượng thẻ đã phát hành lên **1,96 triệu thẻ** (tăng 7% so với năm 2016) với doanh số sử dụng thẻ đạt **17.200 tỷ đồng**; mạng lưới chấp nhận thanh toán thẻ với **8.000 điểm POS** và **260 máy ATM** phân bố tại các địa bàn trọng điểm trên toàn quốc với tổng doanh số thanh toán đạt **16.300 tỷ đồng**.

Cùng với định hướng phát triển chung của toàn hệ thống, dịch vụ thẻ cũng là một sản phẩm mũi nhọn của Eximbank không những trong năm 2018 và những năm tiếp theo; góp phần không nhỏ vào doanh thu của ngân hàng và hoạt động quảng bá thương hiệu Eximbank.



DỊCH VỤ CHUYỂN TIỀN ĐI NƯỚC NGOÀI

Năm 2017, doanh số chuyển tiền đi nước ngoài của khách hàng cá nhân hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, đạt mức tăng trưởng 11% so với năm 2016. Thị trường chuyển tiền đi vẫn tập trung chủ yếu là thị trường Mỹ, Canada, Úc, New Zealand, Nhật Bản,...

Với tiêu chí đặt khách hàng làm trọng tâm, Eximbank không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng dịch vụ, Eximbank không chỉ mang đến cho khách hàng dịch vụ nhanh chóng, đáng tin cậy mà còn đem lại sự hài lòng về tính chuyên nghiệp cũng như thái độ phục vụ khách hàng của cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống Eximbank.

DỊCH VỤ BANCASSURANCE

Nhằm mục tiêu đáp ứng yêu cầu tài chính gia tăng của khách hàng đối với các sản phẩm tài chính đa dạng trên thị trường, Eximbank đã nhanh chóng xây dựng và phát triển thành công kênh quan hệ hợp tác Bancassurance cùng công ty bảo hiểm Nhân Thọ Generali theo quan hệ độc quyền đã được ký kết từ tháng 07 năm 2016.

Trong vòng 06 tháng triển khai, quan hệ hợp tác bảo hiểm đã được triển khai trên toàn hệ thống của ngân hàng, tập trung tại khối bán lẻ và mở rộng dần quy mô đến nhóm khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tính đến cuối năm 2017, doanh thu sản phẩm bảo hiểm nhân thọ Generali do Eximbank giới thiệu đến khách hàng đã đạt doanh số **trên 60 tỷ đồng**.

Năm 2018, với những thế mạnh kết hợp giữa nhu cầu khách hàng và tiềm lực của ngân hàng, Bancassurance tiếp tục được nhận định là kênh phân phối sản phẩm bảo hiểm sẽ tiếp tục đạt tỷ lệ tăng trưởng vượt bậc. Năm bắt đầu tăng trưởng, Eximbank tập trung đầu tư và phát triển kênh phân phối bảo hiểm trên toàn hệ thống với trọng tâm đa dạng hóa sản phẩm, đẩy mạnh công tác bán chéo và cung cấp đến khách hàng dịch vụ tài chính đáng tin cậy nhất. Theo đó, sản phẩm bảo hiểm được đặt mục tiêu trong năm 2018 là tăng trưởng hơn 100% và đóng góp 16% lợi nhuận trong kế hoạch doanh thu phí dịch vụ của khối bán lẻ.



DỊCH VỤ NGÂN HÀNG DOANH NGHIỆP

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ KHDN

Eximbank đã tập trung phát triển hoạt động dịch vụ KHDN, gia tăng doanh số dịch vụ thanh toán trong nước và ra nước ngoài, thu nhập phí dịch vụ tăng thông qua việc triển khai hàng loạt các sản phẩm dịch vụ mới nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng cũng như nâng cao chất lượng dịch vụ cho khách hàng.

Trong năm 2017 Eximbank đã chú trọng công tác phát triển nền tảng KHDN mới, góp phần đáng kể vào tăng trưởng hoạt động huy động, cấp tín dụng và dịch vụ KHDN.

HOẠT ĐỘNG HUY ĐỘNG VỐN KHDN

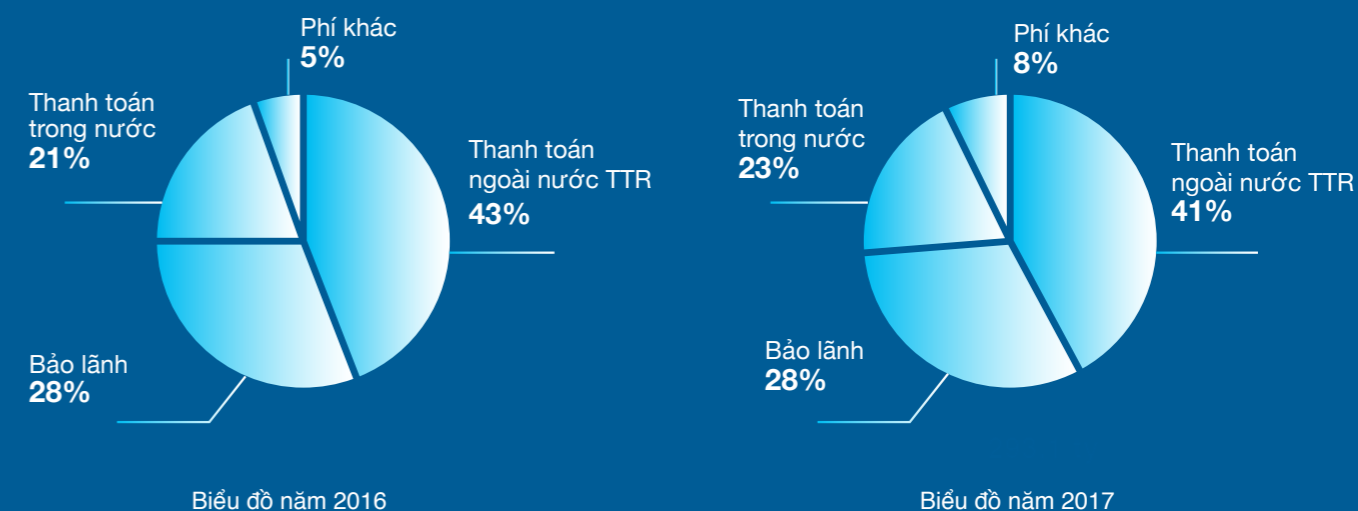
Hoạt động huy động KHDN trong năm 2017 có nhiều biến động nhưng công tác huy động vốn đã nỗ lực tăng trưởng tốt. Đến 31/12/2017, huy động Vốn khách hàng Doanh nghiệp đạt 29.933 tỷ đồng, tăng 4.620 tỷ đồng so với đầu năm 2016.

Để đạt được kết quả này, trong năm Eximbank triển khai xuyên suốt các Chương trình kích thích bán hàng để khuyến khích Chi nhánh/ Phòng giao dịch đẩy mạnh công tác huy động vốn trong năm 2017.

HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG DOANH NGHIỆP

Hoạt động cho vay KHDN năm 2017 có mức tăng trưởng khá (12%) so với năm 2016, dư nợ cho vay KHDN đạt 52.737 tỷ đồng.

Để đạt được kết quả trong hoạt động cấp tín dụng, Khối KHDN đã triển khai các chương trình khen thưởng đội ngũ cán bộ bán hàng tại các Chi nhánh/Phòng giao dịch, các chương trình thúc đẩy tăng dư nợ cho vay ngắn hạn và triển khai các sản phẩm cho từng phân khúc khách hàng (Fin LC, Fin SME...) và các chính sách lãi suất ưu đãi cho KHDN.



ĐƯ NỢ ĐẠT
52.737 tỷ đồng
↑ **5.686** tỷ đồng
TĂNG SO VỚI NĂM TRƯỚC

HOẠT ĐỘNG THANH TOÁN QUỐC TẾ

Hoạt động thanh toán quốc tế trong năm 2017 diễn ra trong xu hướng nhiều biến động về tình hình kinh tế trong nước cũng như trên thế giới, dẫn đến những tác động nhất định trong hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp. Tuy nhiên doanh số hoạt động thanh toán quốc tế của Eximbank vẫn tiếp tục duy trì ổn định, đạt 5.812 triệu USD trong năm 2017.

Với thế mạnh về thương hiệu và tài trợ xuất nhập khẩu, Eximbank hướng đến mục tiêu lấy khách hàng làm trọng tâm với những chính sách đa dạng hóa sản phẩm nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng, mở rộng hợp tác với các ngân hàng đối tác trong nước và quốc tế. Đây sẽ là những công cụ hiệu quả để tiếp tục duy trì và phát huy nền tảng phát triển vững chắc hoạt động thanh toán quốc tế của Eximbank trong những năm tới.



ĐẠT
29.933 tỷ đồng
↑ **4.620** tỷ đồng
TĂNG SO VỚI NĂM TRƯỚC

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ

Dịch vụ Ngân hàng điện tử của Eximbank giúp khách hàng quản lý tài khoản, thực hiện các giao dịch tài chính với ngân hàng dễ dàng, thuận tiện, mọi lúc, mọi nơi, tiết kiệm thời gian và chi phí. Khách hàng có thể thực hiện hầu hết các giao dịch tài chính với Eximbank thông qua các kênh Internet Banking, Mobile Banking, SMS Banking mà không phải đến điểm giao dịch của ngân hàng và không bị giới hạn thời gian cùng khoảng cách địa lý.

Hiện nay, dịch vụ ngân hàng điện tử của Eximbank cung cấp dịch vụ chất lượng, an toàn, tin cậy, hiệu quả, sản phẩm đa dạng, đáp ứng phần lớn nhu cầu của khách hàng cá nhân và doanh nghiệp.



Trong năm 2017 dịch vụ thanh toán qua ngân hàng điện tử và các dịch vụ giá trị gia tăng đi kèm, mới phát sinh như sau:

1.1 Dịch vụ Internet Banking và Mobile Banking: Triển khai thêm dịch vụ thanh toán hóa đơn của các dịch vụ: thanh toán hóa đơn điện, hóa đơn học phí, hóa đơn nước, Internet, truyền hình cáp, điện thoại cố định, thanh toán vé tàu, vé máy bay, thanh toán bảo hiểm, dịch vụ chuyển tiền nhanh NAPAS.

1.2 Dịch vụ SMS Banking: Triển khai dịch vụ tin nhắn SMS thông báo biến động số dư tiết kiệm: Eximbank tự động gửi tin nhắn SMS đến số điện thoại di động của khách hàng, thông báo số dư của các tài khoản tiền gửi, tiết kiệm có kỳ hạn, ngay khi phát sinh sự biến động gửi vào rút ra.

1.3 Dịch vụ Mobile Banking phiên bản 2017: Dịch vụ Mobile Banking phiên bản 2017 được triển khai vào tháng 08 năm 2017. Dịch vụ Mobile Banking phiên bản 2017 có thêm các tính năng mới, hiện đại và vượt trội như sau:

- Đăng nhập ứng dụng Mobile Banking bằng vân tay.
- Chuyển khoản nhanh liên ngân hàng theo số tài khoản.
- Chuyển tiền trong hệ thống Eximbank bằng QR Code.
- Thanh toán hóa đơn bằng thẻ quốc tế/ tài khoản.
- Đăng ký dịch vụ VnTopup, đăng ký dịch vụ SMS Banking.
- Các dịch vụ tiện ích về thẻ.
- Truy vấn điểm giao dịch, điểm chấp nhận thẻ.
- Dịch vụ mua vé máy bay.

1.4 Dịch vụ ví điện tử Toppay (Aripay):

- Nạp tiền thẻ game do VE cung cấp, mua mã thẻ game.
- Nạp tiền, mua mã thẻ điện thoại của các nhà mạng.
- Thanh toán hóa đơn tiền điện, nước, điện thoại, truyền hình cáp, Internet.
- Chuyển tiền trên ví, rút tiền từ ví về tài khoản liên kết tại ngân hàng.

Đồng thời, song song với việc không ngừng cải thiện và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ Ngân hàng điện tử, trong năm 2017, Eximbank đã xây dựng nhiều chương trình chăm sóc khách hàng, khuyến mãi và đẩy mạnh tiếp thị, quảng bá sản phẩm nhằm thu hút khách hàng đăng ký và sử dụng dịch vụ, cụ thể gồm: Chương trình “Nạp tiền ngày vàng, rộn ràng quà tặng”; Eximbank ra mắt phiên bản Mobile Banking 2017 với chương trình khuyến mãi “Eximbank Mobile Banking – Trải nghiệm ngay, quà liền tay”; Triển khai chương trình khuyến mãi “Thanh toán tiền điện – Nhận liền 50.000” dành riêng cho khách hàng mới với hơn 6.000 quà tặng; Chào đón khách hàng mới sử dụng dịch vụ Nạp tiền Vntopup, Eximbank triển khai chương trình “Eximbank Vntopup – Nạp tiền, trúng tiền”; Chương trình “Ưu đãi phí cùng ví Momo” – Liên kết Momo và Eximbank nhận 100.000 VND và miễn phí duy trì dịch vụ Eximbank trong 6 tháng.

KINH DOANH VỐN

Thực hiện chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước là tăng cường năng lực tài chính, chất lượng tài sản và cải thiện vững chắc khả năng thanh khoản, trong năm 2017, Eximbank đã tăng cường huy động vốn từ dân cư và các tổ chức kinh tế, giảm mạnh huy động vốn từ thị trường liên ngân hàng.

Với định hướng tăng tính an toàn trong hoạt động và tuân thủ các chính sách quản lý rủi ro của Ngân hàng Nhà nước, Khối Kinh doanh Tiền tệ Eximbank đã chuyển dịch từ vai trò kinh doanh sang vai trò chủ đạo là cân đối sử dụng hiệu quả nguồn vốn, đảm bảo thanh khoản hệ thống.

Đvt: tỷ VNĐ

DOANH SỐ	2016	2017	TĂNG / GIẢM
NHẬN/VAY	83.767	57.414	-31%
GỬI/CHO VAY	184.596	274.478	+49%

Quy mô giao dịch vốn liên ngân hàng năm 2017

KINH DOANH NGOẠI TỆ

Năm 2017 chứng kiến sự phục hồi rõ nét của kinh tế thế giới, đồng thời tăng trưởng kinh tế của Việt Nam cũng rất khả quan đạt 6,81%, vượt mục tiêu đề ra. Vốn đầu tư trực tiếp (FDI) và vốn đầu tư gián tiếp (FII) đạt mức kỷ lục trong 10 năm của Việt Nam; trong đó: giải ngân FDI ước tính đạt 17,5 tỷ USD, tăng 10,8% so với năm 2016 và tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài (FII) là 6,2 tỷ USD, tăng 45,1% so với năm 2016. Điều này đã tạo tiền đề thuận lợi cho hoạt động kinh doanh ngoại tệ của Eximbank. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh ngoại tệ cũng gặp không ít khó khăn, thách thức khi tỷ giá USD/VND trên thị trường trong nước quá ổn định trong năm qua.

Với việc chủ động chuẩn bị về các mặt như:

- Hệ thống công nghệ hỗ trợ công tác quản lý: tích cực phát triển hệ thống Finance Core – Finance Treasury;
- Cơ chế Kinh doanh ngoại tệ tập trung: xây dựng đồng thời đưa vào triển khai từng bước song song với tiến độ của công tác chuyển đổi hệ thống Finance Core – Finance Treasury;
- Đội FX Sales: đào tạo, sắp xếp nhân sự, xây dựng sản phẩm và phục vụ trực tiếp các đối tượng Khách hàng lớn – Khách hàng FDI;
- Nhân sự: thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo, tổng kết, các lớp nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ kinh doanh của toàn hệ thống, áp dụng cơ chế KPI đối với kinh doanh ngoại tệ để khuyến khích đội ngũ bán hàng tăng doanh số;

Eximbank đã tiếp tục phát huy thế mạnh và đạt được những kết quả rất tích cực về mảng Kinh doanh ngoại tệ trong năm 2017: Doanh số kinh doanh ngoại tệ với khách hàng doanh nghiệp và cá nhân đạt gần 7 tỷ USD; Lợi nhuận thuần thu được từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ cũng có sự tăng trưởng rất khả quan trong năm 2017.



KINH DOANH VÀNG

Năm 2017, giá vàng quốc tế tăng hơn 13% do đồng USD suy yếu. Bên cạnh đó, giá vàng còn được hỗ trợ bởi những thông tin bất ổn về kinh tế và chính trị trên toàn thế giới. Tại thị trường trong nước, có sự chuyển dịch linh hoạt giữa tiền gửi tiết kiệm và đầu tư bảo toàn vốn bằng vàng: người dân có xu hướng mua vàng để bảo toàn vốn và ngược lại chuyển đổi vốn vàng thành VNĐ để đầu tư.

Với phương châm hoạt động “khách hàng là trên hết”, Eximbank luôn nỗ lực nâng cao chất lượng phục vụ, xây dựng mạng lưới Chi Nhánh, Phòng Giao Dịch mua bán vàng miếng rộng khắp đồng thời cung cấp các tiện ích đi kèm nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu đa dạng hóa, chuyển đổi linh hoạt giữa các loại hình đầu tư và bảo toàn vốn cho khách hàng cá nhân.

Năm 2017, Eximbank tiếp tục là đơn vị chiếm thị phần lớn nhất về kinh doanh vàng miếng SJC trong cả nước.



ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2016	31/12/2017	TĂNG / GIẢM
1. TRÁI PHIẾU	21.574	19.102	-11,46%
1.1. Trái phiếu chính phủ	9.455	9.035	-4,44%
1.2. Trái phiếu Tổ chức Tín dụng	3.500	4.000	+14,29%
1.3. Trái phiếu Doanh nghiệp	1.590	75	-95,28%
2. CỔ PHIẾU	2.961	2.502	-15,50%
3. TÍN PHIẾU	0	2.000	0

Giá trị ghi sổ danh mục đầu tư

Đvt: tỷ VNĐ

- 1. TRÁI PHIẾU:**
- 1.1 Trái phiếu Chính phủ: bao gồm các trái phiếu do Kho bạc Nhà nước phát hành nhằm phục vụ nhu cầu thanh khoản và kinh doanh của Ngân hàng.
 - 1.2 Trái phiếu Tổ chức Tín dụng: trong năm 2017 không tăng đầu tư mới trái phiếu Tổ chức Tín dụng do dành vốn cho hoạt động tín dụng của hệ thống mà chỉ tăng phần chứng chỉ tiền gửi cho tổ chức tín dụng khác phát hành.
 - 1.3 Trái phiếu Doanh nghiệp: trong năm 2017 danh mục giảm 1.515 tỷ đồng do thu hồi trái phiếu trước hạn. Số dư này không bao gồm trái phiếu VAMC
- 2. CỔ PHIẾU:** Năm 2017, thực hiện bán 2 loại cổ phiếu.

PHÁT TRIỂN NỀN TẢNG KHÁCH HÀNG

Tổng số lượng khách hàng đến cuối năm 2017 là 1.229.797 khách hàng, tăng 8,2% so với đầu năm (tương đương 93.111 khách hàng), trong đó:

- Khách hàng cá nhân đạt 1.176.133 khách hàng (chiếm tỷ trọng 96%), tăng 8,3% so với đầu năm (tương đương 90.446 khách hàng).
- Khách hàng doanh nghiệp đạt 53.664 khách hàng (chiếm tỷ trọng 4%), tăng 5,2% so với đầu năm (tương đương 2.665 khách hàng).

Tổng số lượng
khách hàng cuối năm 2017
1.229.797 khách hàng

TĂNG 8,2%
so với đầu năm

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tổng tài sản quy đổi ra tiền đồng đạt 149.370 tỷ đồng, tăng 16% so với đầu năm (tương đương 20.568 tỷ đồng), hoàn thành 99,6% kế hoạch (kế hoạch tổng tài sản năm 2017 là 150.000 tỷ đồng).

Tổng tài sản tăng so với đầu năm chủ yếu là do vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư tăng 14,8% (tương đương 15.188 tỷ đồng).

Tổng tài sản quy đổi ra tiền đồng đạt :

149.370 tỷ đồng



16%

so với đầu năm

Tương đương
20.568 tỷ đồng

Hoàn thành **99,6 %**
kế hoạch tổng tài sản năm 2017 là 150.000 tỷ đồng.

Tổng tài sản tăng so với đầu năm chủ yếu là do vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư tăng

14,8% Tương đương
15.188 tỷ



HUY ĐỘNG VỐN

Vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư quy đổi tiền đồng đạt 117.540 tỷ đồng, tăng 14,8% so với đầu năm (tương đương 15.188 tỷ đồng), hoàn thành 97,9% kế hoạch (kế hoạch huy động vốn năm 2017 là 120.000 tỷ đồng).

Vốn huy động tiền đồng đạt 109.218 tỷ đồng, tăng 16,9% so với đầu năm (tương đương 15.788 tỷ đồng). Vốn huy động ngoại tệ quy USD từ tổ chức kinh tế và dân cư là 367,1 triệu USD, giảm 6,6% so với đầu năm (tương đương 25,9 triệu USD).

Vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư quy đổi tiền đồng đạt:

117.540 tỷ đồng



14,8%

so với đầu năm

Tương đương
15.188 tỷ đồng

Hoàn thành **97,9 %**
kế hoạch huy động vốn năm 2017 là 120.000 tỷ đồng

Vốn huy động tiền đồng đạt:

109.218 tỷ đồng



16,9%

so với đầu năm

Tương đương
15.788 tỷ đồng

Vốn huy động ngoại tệ quy USD từ tổ chức kinh tế và dân cư là

367,1 Triệu USD



6,6%

so với đầu năm

Tương đương
25,9 Triệu USD

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Eximbank luôn nỗ lực cung cấp dịch vụ chăm sóc khách hàng tốt nhất về tư vấn, hỗ trợ giải đáp các thắc mắc/phản ánh về các sản phẩm dịch vụ, thái độ phục vụ của nhân viên; Không những vậy, trên cơ sở các dữ liệu thu thập từ các kênh tương tác với khách hàng như Tổng đài Call Center, khảo sát website,... Eximbank đã điều chỉnh, cải tiến các chính sách, quy định các sản phẩm dịch vụ để đáp ứng kỳ vọng của khách hàng kết hợp với các giải pháp tài chính đa dạng, chất lượng cao và các sản phẩm mang hàm lượng công nghệ cao.



QUẢN TRỊ RỦI RO NĂM 2017

QUẢN TRỊ RỦI RO THANH KHOẢN

Thanh khoản là yếu tố quan trọng đối với các tổ chức tài chính. Hầu hết các thất bại của các tổ chức tài chính đã xảy ra phần lớn là do không đảm bảo khả năng thanh khoản của mình. Để ngăn ngừa và xử lý các vấn đề về rủi ro thanh khoản, Eximbank đã xây dựng một hệ thống các quy định, quy trình nội bộ đầy đủ, thận trọng về quản lý rủi ro thanh khoản bắt kịp với tiêu chuẩn chung của toàn ngành, tuân thủ các quy định về quản lý khả năng chi trả, quy định tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của Ngân hàng Nhà nước và phù hợp hoạt động đặc thù của Eximbank. Mô hình đánh giá sức chịu đựng (Stress-test) được Eximbank áp dụng nhằm phòng đoán các trường hợp Ngân hàng đối mặt với các vấn đề về rủi ro thanh khoản theo đó đưa ra các phương án xử lý dự phòng tối ưu nhất.



QUẢN TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

1. Quản lý rủi ro lãi suất

Để kịp thời ứng phó, xử lý với rủi ro lãi suất, Eximbank đã nghiên cứu, xây dựng triển khai mô hình quản lý rủi ro lãi suất: Chênh lệch kỳ hạn định lại giá của tài sản Có – tài sản Nợ (kỹ thuật GAP lãi suất), tỷ lệ nhạy cảm lãi suất (ISR), đánh giá rủi ro lãi suất theo phương pháp tính giá trị ròng đối với các hạng mục nhạy lãi (NPV). Eximbank sẽ tiếp tục nghiên cứu xây dựng nâng cao hệ thống quy định nội bộ trong đó có Quy định quản lý rủi ro lãi suất nhằm đảm bảo an toàn hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, tuân thủ các quy định có liên quan của Ngân hàng Nhà nước cũng như từng bước tiếp cận thông lệ quốc tế trong tương lai là Hiệp ước quốc tế Basel II.

2. Quản lý rủi ro tỷ giá

Để quản lý rủi ro tỷ giá, Eximbank nghiên cứu xây dựng, ban hành các quy định về chính sách, hạn mức giao dịch, các công cụ đo lường và kiểm soát rủi ro ngoại hối tuân thủ nghiêm ngặt theo quy định của NHNN và pháp luật Việt Nam; đồng thời sử dụng các sản phẩm phái sinh với mục đích ngăn chặn và phòng ngừa rủi ro tỷ giá có thể phát sinh.

3. Quản lý rủi ro giá đầu tư

Để quản lý rủi ro giá đầu tư, Eximbank đã triển khai các phương pháp đo lường, đánh giá danh mục đầu tư theo giá thị trường, thiết lập các giới hạn rủi ro giá đầu tư (hạn mức đầu tư chứng khoán, hạn mức dừng lỗ, mức trích lập dự phòng rủi ro...) phù hợp với mục tiêu và chiến lược kinh doanh của ngân hàng trong từng thời kỳ.



QUẢN TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG HAY TÁC NGHIỆP

Với mong muốn hội nhập và tiếp cận với mô hình quản trị rủi ro quốc tế (đặc biệt là Basel II), Eximbank đã và đang tích cực xây dựng và đầu tư các khung quản trị rủi ro và các mô hình hỗ trợ theo chuẩn quốc tế; cụ thể, Eximbank đã ban hành và triển khai nhiều quy định nội bộ như: Chính sách quản lý rủi ro hoạt động, Tuyên bố Khẩu vị rủi ro hoạt động và Quy trình thu thập dữ liệu sự kiện rủi ro hoạt động... Đây là tiền đề để Eximbank tiến hành rà soát việc thực hiện của đơn vị và đánh giá lại các chốt chặn, các khâu kiểm soát khi thực hiện nghiệp vụ; từ đó, hướng đến việc đánh giá và xếp hạng chi nhánh trên cơ sở rủi ro hoạt động và xây dựng công cụ giám sát các chỉ tiêu rủi ro hoạt động chính KRIs.

Năm 2018, với sự hỗ trợ của đơn vị tư vấn quốc tế có uy tín, nhiều kinh nghiệm, Eximbank sẽ tiếp tục triển khai nhiều tiểu dự án liên quan đến cấu phần quản lý rủi ro hoạt động nhằm đáp ứng yêu cầu về Basel II Ngân hàng Nhà nước (NHNN) và thông lệ quốc tế.

Các nội dung chính trong quản lý rủi ro hoạt động đã thực hiện trong năm:

1. Quản lý rủi ro liên quan đến gian lận nội bộ

Thực hiện minh bạch, công khai, có định mức, tiêu chuẩn các hoạt động thu, chi, mua sắm tài sản cố định, xây dựng cơ bản và các hoạt động chi tiêu khác.

Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và đào tạo: được thực hiện công khai dân chủ theo đúng các quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và đào tạo của Eximbank.

Ngoài ra, với mong muốn nâng cao tính hiệu quả, chuyên nghiệp trong các hoạt động nghiệp vụ liên quan đến tín dụng, đồng thời, ngăn chặn tiêu cực, hạn chế rủi ro, từ tháng 04/2017, Eximbank đã triển khai tách bộ phận Hỗ trợ tín dụng (bộ phận BO) ra khỏi phòng Khách hàng cá nhân, Khách hàng doanh nghiệp tại các chi nhánh và ban hành Quy chế luân chuyển định kỳ Giám đốc chi nhánh.

Tháng 11/2017, tổ chức lại mô hình hoạt động phòng Quản lý nhân sự Hội sở, thành lập mới Ban Tuyển dụng, Ban Quan hệ lao động, Ban Lương và chế độ và Ban Phát triển nguồn nhân lực.

Eximbank đã ban hành Quy tắc đạo đức nghề nghiệp và ứng xử trong nội bộ nhằm thực hiện chuyên nghiệp hóa trong kỹ năng giao tiếp, quy tắc đạo đức nghề nghiệp; đồng thời, ban hành Quy định về giao tiếp khách hàng và Sổ tay giao tiếp khách hàng và phổ biến các tài liệu này đến từng cán bộ, nhân viên để áp dụng thực hiện.

Bên cạnh đó, Eximbank còn xây dựng đường dây nóng Call Center để kịp thời ghi nhận các phản ánh của khách hàng nhằm giải quyết thỏa đáng, hợp lý các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng và nhắc nhở, chấn chỉnh thái độ, hành vi nhân viên theo quy định.

Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nghiệp vụ đối với các đơn vị kinh doanh và các bộ phận nghiệp vụ nhằm kết hợp phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm có thể phát sinh.



2. Quản lý rủi ro liên quan đến việc gián đoạn hoạt động và lỗi hệ thống CNTT

Eximbank đã hoàn thành việc xây dựng và đưa vào vận hành chính thức Trung tâm dữ liệu tại Bình Dương, giúp tăng cường khả năng ứng phó khi có sự cố CNTT xảy ra.

3. Quản lý rủi ro liên quan đến sản phẩm dịch vụ

Eximbank thường xuyên rà soát, điều chỉnh hoặc ban hành mới các quy trình nghiệp vụ như: cho vay, bảo lãnh, thanh toán trong và ngoài nước, kinh doanh ngoại tệ, kế toán, ngân quỹ, nhân sự cho phù hợp với quy định của nhà nước và yêu cầu thực tiễn; thiết lập nhiều chốt kiểm tra, kiểm soát chéo trong các nghiệp vụ, xây dựng và quản lý các hạn mức phê duyệt trên các hệ thống giao dịch phù hợp với mô hình mới của hoạt động kinh doanh và giới hạn rủi ro; phát huy vai trò của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Thực hiện niêm yết công khai mức phí và lệ phí tại trụ sở làm việc.

4. Rủi ro liên quan đến gian lận bên ngoài

Eximbank luôn chú trọng công tác thẩm định khách hàng, thực hiện đúng quy trình nghiệp vụ đối với từng sản phẩm, cập nhật thông tin liên quan đến các rủi ro để cảnh báo hệ thống;

5. Quản lý rủi ro liên quan đến công tác rửa tiền

Nhằm thực hiện cam kết với các đối tác là các tổ chức nước ngoài, đồng thời, nâng cao hiệu quả của hệ thống phòng, chống rửa tiền, từ năm 2016, Eximbank đã tích hợp thành công các danh sách cá nhân, tổ chức quốc tế bị hạn chế hoặc bị cấm vận vào hệ thống kiểm soát trực tuyến các giao dịch; đồng thời, triển khai công cụ eNameCheck giúp hỗ trợ tra cứu thông tin đối tượng này đến từng giao dịch viên, tạo thuận lợi khi thực hiện thực hiện giao dịch.

Trong năm, Eximbank cũng đã tổ chức nhiều khóa đào tạo, bổ sung kiến thức cho cán bộ, nhân viên trong toàn hệ thống.



QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro lớn nhất cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng, do đó, quản lý rủi ro tín dụng là hoạt động được chú trọng và kiểm soát xuyên suốt từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đến các đơn vị trực tiếp kinh doanh.

Việc quản lý rủi ro tín dụng được vận hành theo nguyên tắc độc lập và tập trung hóa, theo đó: trong năm 2017, Eximbank tiếp tục duy trì thực hiện quản lý rủi ro tín dụng tập trung thông qua việc phân cấp giao thẩm quyền cho các Chi nhánh, Phòng giao dịch và các cấp thẩm quyền tại Hội sở như Giám đốc cấp cao phụ trách khu vực, Ban tín dụng Trung tâm tín dụng, Ban tín dụng Hội sở, Tổng giám đốc, Hội đồng tín dụng Trung ương để phê duyệt các hồ sơ vượt thẩm quyền của Chi nhánh, Phòng giao dịch; ngoài ra, nhằm đảm bảo nguyên tắc khách quan, minh bạch, việc giao thẩm quyền cho từng cấp phê duyệt, từng đơn vị kinh doanh được áp dụng theo các tiêu chí cụ thể và được đánh giá lại định kỳ hàng năm. Công tác xây dựng chính sách tín dụng, khẩu vị rủi ro, công tác theo dõi, báo cáo, kiểm soát được thực hiện thường xuyên, độc lập và tập trung tại Khối Giám sát hoạt động.

Hoạt động quản lý rủi ro tín dụng tại Eximbank được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- Tuân thủ quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, các quy định pháp luật khác có liên quan, và các quy định nội bộ của Eximbank;
- Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện ở tất cả các giai đoạn của quá trình cấp tín dụng và được duy trì thường xuyên, liên tục;
- Phân tán rủi ro, đa dạng hóa danh mục đầu tư trong hoạt động tín dụng;
- Phân định trách nhiệm của từng bộ phận trong quá trình cấp tín dụng và quản lý tiền vay.
- Kiểm tra, kiểm soát chéo trong hoạt động tín dụng của Eximbank;
- Thường xuyên rà soát các chính sách, quy định tín dụng để đánh giá lại tính đồng bộ và phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.
- Tự chủ trong hoạt động cho vay và chịu trách nhiệm về quyết định cho vay của mình; công khai, minh bạch, nhất quán trong tất cả các quy định cấp tín dụng;

Trong năm 2017, Eximbank đã ký hợp đồng triển khai xây dựng mới hệ thống xếp hạng tín dụng vận hành ngoài hệ thống Korebank, có tính năng xác định xác suất vỡ nợ (PD) nhằm phục vụ tốt hơn cho công tác quản trị rủi ro trong khâu phê duyệt tín dụng và từng bước đáp ứng yêu cầu tuân thủ Basel II, dự kiến dự án sẽ hoàn thành đưa vào vận hành vào giữa năm 2018.

Song song đó, hiện nay Eximbank đang thực hiện rà soát, đánh giá quy trình cấp tín dụng hiện hữu với sự tư vấn của Công ty TNHH Ernst & Young để cải tiến, nâng cấp toàn bộ nhằm tối ưu hóa về thời gian giải quyết hồ sơ vay vốn của khách hàng, đáp ứng môi trường cạnh tranh trong kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu quản trị rủi ro và là cơ sở từng bước tiếp cận Basel II.

Ngành ngân hàng đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc duy trì tăng trưởng kinh tế thông qua hoạt động cho vay và quyết định nguồn vốn đầu tư cho các dự án phát triển kinh tế - xã hội. Việc tăng cường quản lý rủi ro môi trường - xã hội là hoạt động cấp thiết giúp các ngân hàng hạn chế rủi ro, bảo toàn được nguồn vốn cho vay, hướng tới phát triển bền vững và nâng cao uy tín tổ chức, góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, xã hội và tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên.

Nhận thức được điều đó, hoạt động cho vay của Eximbank đối với khách hàng ngoài việc tuân thủ các quy định của Ngân hàng nhà nước, quy định của pháp luật có liên quan, Eximbank còn chú trọng đến vấn đề bảo vệ môi trường của các dự án tài trợ, qua đó Eximbank đang từng bước nghiên cứu, xây dựng hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong cấp tín dụng thông qua cải thiện chính sách, nguồn lực và thủ tục cấp tín dụng.



HỆ THỐNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Công nghệ thông tin đóng vai trò nòng cốt trong quản lý, phát triển kinh doanh và đáp ứng tuân thủ của một Ngân hàng hiện đại, là công cụ tạo ra lợi thế và khác biệt của Ngân hàng trong cạnh tranh trên thị trường. Nhận thức về tầm quan trọng của CNTT, Eximbank đã đẩy mạnh triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động ngân hàng, đầu tư trang bị các thiết bị hiện đại, thường xuyên nâng cấp hệ thống nhằm đáp ứng yêu cầu kinh doanh và tuân thủ của Ngân hàng.

Trong năm 2017, Eximbank đã tập trung nguồn lực để triển khai các dự án CNTT trọng tâm bao gồm dự án Trung tâm dữ liệu và các dự án khác để đáp ứng nhu cầu quản lý, tuân thủ và phát triển kinh doanh của Ngân hàng và đã đạt được các kết quả như sau:

- ➊ Triển khai các dự án CNTT

Dự án xây dựng Trung tâm dữ liệu: đã thi công xây dựng tòa nhà TTDL, lắp đặt xong hệ thống máy chủ và thực hiện di dời hệ thống máy chủ về TTDL mới tại Bình Dương.
- ➋ Ngoài các dự án CNTT trọng tâm, Eximbank đang triển khai các dự án khác và thực hiện công tác quản lý, bảo trì, phát triển hệ thống CNTT, đảm bảo hệ thống vận hành ổn định và an toàn đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh của Ngân hàng.
- ➌ Tiếp tục duy trì sự ổn định trong vận hành đối với các hệ thống CNTT trọng yếu như Corebanking, hệ thống Thẻ, Internet Banking, Mobile Banking đã giúp Eximbank không chỉ tập trung vào hoạt động kinh doanh truyền thống mà còn cung cấp các dịch vụ mới cho khách hàng, đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh của Ngân hàng.
- ➍ Tiếp tục tăng cường thực hiện các biện pháp kỹ thuật và các chính sách an toàn bảo mật cho hệ thống CNTT, thực hiện công tác quản trị và giám sát vận hành hệ thống mạng, bảo mật đảm bảo hệ thống hoạt động an toàn.
- ➎ Tiếp tục hoàn thiện quy trình nội bộ về CNTT để nâng cao hiệu quả công tác quản lý. Trong năm 2017 Eximbank đã tiếp tục ban hành các quy định, quy trình quan trọng để đáp ứng các thông tư mới của Ngân hàng nhà nước về an toàn bảo mật hệ thống CNTT và hệ thống thanh toán, hệ thống thẻ... đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh của Ngân hàng.
- ➏ Đồng bộ với chiến lược kinh doanh tập trung vào hoạt động bán lẻ, Eximbank hướng hoạt động CNTT tập trung vào hỗ trợ phát triển kinh doanh bán lẻ, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ và nâng cao chất lượng các sản phẩm dịch vụ Ngân hàng điện tử.

Trong năm 2018, Eximbank tiếp tục phát triển hệ thống CNTT theo định hướng như sau:

- ➊ Tiếp tục triển khai dự án quản lý quy nghiệp vụ thanh toán quốc tế tập trung, dự án hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ.
- ➋ Triển khai các dự án Thẻ và các dự án phát triển kinh doanh để tiếp tục cung cấp các sản phẩm dịch vụ mới về Thẻ, Ngân hàng điện tử theo chiến lược bán lẻ của Ngân hàng.
- ➌ Triển khai các dự án về an toàn bảo mật hệ thống CNTT nhằm kiện toàn hệ thống an toàn bảo mật về kỹ thuật, bảo vệ hạ tầng công nghệ trước nguy cơ tấn công tội phạm công nghệ cao.

Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, chuẩn hóa quy trình nội bộ liên quan đến hệ thống CNTT để nâng cao hiệu quả công tác quản lý và nâng cao tính minh bạch trong các hoạt động quản lý hệ thống CNTT của Eximbank.



HỢP TÁC VỚI CỔ ĐỒNG CHIẾN LƯỢC NƯỚC NGOÀI

Với cam kết đầu tư lâu dài vào thị trường Việt Nam, SMBC đã luôn đồng hành và hỗ trợ Eximbank về nguồn vốn, hỗ trợ về giáo dục đào tạo, giúp tăng năng lực quản trị rủi ro, quản trị doanh nghiệp. Nhằm phát huy thế mạnh của mỗi bên, SMBC và Eximbank đã thiết lập các cơ chế kết nối doanh nghiệp Việt Nam – Nhật Bản, giới thiệu đối tác và cung ứng dịch vụ tài chính cho khách hàng của nhau.

Ngoài ra, SMBC cũng biệt phái và cử nhiều cán bộ qua công tác tại Eximbank để cùng Eximbank phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, nghiên cứu cải tiến các sản phẩm, đặc biệt là xây dựng và triển khai kế hoạch Tái cấu trúc và chiến lược của Eximbank cho giai đoạn 2017 – 2020.



QUAN HỆ QUỐC TẾ

Năm 2017, với những yếu tố không thuận lợi liên quan đến ngân hàng, hoạt động quan hệ quốc tế tập trung vào việc duy trì và quản lý tốt quan hệ với những ngân hàng đại lý, đối tác quốc tế hiện hữu của Eximbank thông qua việc chủ động tiếp xúc đối tác nhằm cập nhật, chia sẻ thông tin, thảo luận các cơ hội tăng cường hợp tác, hỗ trợ tốt hơn nhu cầu giao dịch quốc tế của khách hàng. Nhờ vậy, các hợp tác, tiện ích, hỗ trợ về nhiều mặt như nghiệp vụ, thông tin, đào tạo... ngày càng được mở rộng.

Song song đó, đi cùng quá trình tái cơ cấu nội bộ của ngân hàng, yếu tố chất lượng chuyên môn của đội ngũ nhân sự cần được cải thiện hơn nữa. Vì lẽ đó, Eximbank thời gian qua đã phối hợp với các ngân hàng đại lý chính yếu của mình thực hiện các buổi đào tạo nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên liên quan, góp phần đem lại chất lượng thanh toán quốc tế cho Eximbank như ghi nhận bởi các ngân hàng hàng đầu thế giới như JPMorgan Chase, Bank of New York Mellon,...

Ngoài ra bên cạnh các trao đổi, đàm phán song phương, năm qua Eximbank cũng tích cực tham dự các hội nghị, hội thảo quốc tế hàng đầu trên thế giới cũng như khu vực của ngành tài chính ngân hàng như: Hội nghị thường niên Ngân hàng phát triển châu Á (ADB), Hội nghị thường niên Hiệp hội Ngân hàng Châu Á, Hội nghị Sibos 2017..., nhằm quảng bá tốt thương hiệu Eximbank đến cộng đồng tài chính ngân hàng thế giới, tìm kiếm các cơ hội kinh doanh mới với những đối tác hiện hữu cũng như tiềm năng.

Với những nỗ lực trong thời gian qua cùng quan hệ đại lý với gần 900 mã Swift của các ngân hàng/chi nhánh ngân hàng tại gần 80 quốc gia trên toàn thế giới, Eximbank sẽ tiếp tục tăng cường hơn nữa hoạt động quốc tế của mình để ngày càng khẳng định và nâng cao vị thế, thương hiệu Eximbank.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Lấy phương châm khách hàng là trên hết, từ các kênh tương tác với khách hàng, Eximbank cũng tổng hợp thành các bài học tình huống, phổ biến cho các giao dịch viên tại các đơn vị trong hệ thống tham khảo và có giải pháp xử lý phù hợp đáp ứng các yêu cầu tiêu chuẩn về đạo đức kinh doanh và tính minh bạch.

Đồng hành với việc nâng cao các giải pháp chính sách chăm sóc khách hàng thì Eximbank cũng nâng cao hoàn thiện sự tương tác, đồng nhất thông tin giữa các đơn vị nội bộ. Cụ thể Eximbank phát động chương trình thi đua chất lượng dịch vụ giữa các đơn vị trong hệ thống nhằm động viên khuyến khích các đơn vị nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và làm cơ sở cho việc đánh giá xếp loại các đơn vị hàng năm. Tổ chức khảo sát làm việc với các tập đoàn, công ty uy tín hàng đầu trong và ngoài nước đối với việc thiết kế, xây dựng hệ thống quản lý chất lượng.

Nhằm đảm bảo lợi ích cho các bên có liên quan, “Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của Eximbank” được xây dựng và tuyên truyền cho CNBV Eximbank hiểu rõ, nắm vững và thực hiện.

Tầm nhìn

Trở thành Ngân hàng thương mại chất lượng hàng đầu tại Việt Nam dẫn dắt bởi tính chuyên nghiệp và liêm chính.

Sứ mệnh

- Đáp ứng kỳ vọng khách hàng bằng việc cung cấp dịch vụ và giải pháp tài chính với mục tiêu lấy khách hàng làm trọng tâm.
- Cung cấp giải pháp tài chính và sản phẩm đa dạng, chất lượng cao, ứng dụng kỹ thuật công nghệ tiên tiến.
- Tạo môi trường làm việc nhằm khuyến khích và khen thưởng cho những nhân viên có năng lực và nhiệt huyết.
- Tối ưu hóa giá trị cho tất cả các bên liên quan bao gồm khách hàng, cổ đông, nhân viên và cộng đồng thông qua tăng trưởng ổn định trong hoạt động kinh doanh.

Giá trị cốt lõi

- Khách hàng trên hết và Dịch vụ tin cậy
- Đạo đức kinh doanh và Minh bạch
- Sáng tạo và Cải tiến.



TỔNG TÀI SẢN
178.000 tỷ đồng
TĂNG 19% SO VỚI NĂM 2017

HUY ĐỘNG TỪ TỔ CHỨC KINH
TẾ VÀ DÂN CƯ
148.000 tỷ đồng
TĂNG 26% SO VỚI NĂM 2017

TỔNG DƯ NỢ CẤP TÍN DỤNG
113.560 tỷ đồng
TĂNG 12% SO VỚI NĂM 2017
TRONG ĐÓ DƯ NỢ CHO VAY ĐẠT 113.485
TỶ ĐỒNG, TĂNG 12% SO VỚI NĂM 2017.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
1.600 tỷ đồng



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng số nhân sự của Eximbank tính đến ngày 31/12/2017 là 6.094 người, tăng 178 người (tương đương 3%) so với cuối năm 2016. Năm 2017, Eximbank tiếp tục đẩy mạnh phát triển lực lượng bán hàng để tăng nhân sự cho kênh phân phối trên toàn hệ thống, đồng thời cơ cấu lại các bộ phận hỗ trợ, vận hành nhằm tăng năng suất lao động.

Đội ngũ nhân sự của Eximbank phần lớn có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao với 80% nhân sự có trình độ từ Đại học trở lên; có thâm niên nhiều năm trong ngành Tài chính - Ngân hàng và gắn bó với sự nghiệp phát triển Eximbank với 60% nhân sự có từ 05 năm kinh nghiệm trở lên tại Eximbank.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA NGÂN HÀNG ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trong năm 2017, bên cạnh hoạt động kinh doanh của ngân hàng HĐQT và Ban Tổng giám đốc cũng quan tâm đến công tác an sinh và xã hội, HĐQT đã thông qua các Nghị quyết để Ban điều hành có ngân sách triển khai thực hiện các đóng góp cho xã hội, chăm lo đời sống cho cán bộ nhân viên Eximbank được thực hiện thông qua chế độ lương thưởng phù hợp. Ngoài ra, ngân hàng cũng chi tiền nghỉ mát để cán bộ nhân viên có điều kiện gần gũi và đoàn kết nhau trong công việc.

Công tác an sinh xã hội cũng được Eximbank ủng hộ như: ủng hộ Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ xây dựng nhà đại đoàn kết cho 25 hộ nghèo, hỗ trợ xây dựng nhà đại đoàn kết xã Long Vĩnh, Gò Công Tây, Tiền Giang, ủng hộ Bảo người lao động thực hiện chiến dịch "Kỳ nghỉ Hồng", ủng hộ Vụ Tổ chức cán bộ Ngân hàng Nhà nước đóng góp Quỹ học bổng Ngân hàng năm 2017.



Chương trình tặng sách vở cho trẻ em nghèo xã châu hưng với chủ đề "TIẾP SỨC ĐẾN TRƯỜNG"



Đoàn thanh niên Eximbank Long An tổ chức thăm và tặng quà cho các trẻ em tại mái ấm Kim Chi - Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An.



Chi đoàn EximBank Long Biên tổ chức chương trình thiện nguyện tiếp sức các học sinh nghèo vượt khó Chiềng Nưa



Tưng bừng ngày hội hiến máu nhân đạo "NHỮNG GIỌT MÁU HỒNG HÈ 2017"



Chương trình chung tay chăm lo cho trẻ em nghèo vui Tết trung thu



Tri ân các gia đình chính sách tại UBND xã Vĩnh Châu - TP.Châu Đốc



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

- 74 Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của ngân hàng
- 75 Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Ban Điều hành
- 75 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Với định hướng đúng đắn về mặt chủ trương, nỗ lực trong hoạt động kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc và toàn thể Cán bộ nhân viên, kết quả kinh doanh đến 31/12/2017 đã có nhiều khả quan với một số chỉ tiêu chính.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ:

1.018 TỶ ĐỒNG

VƯỢT KẾ HOẠCH
↑ 69,6 %

TỔNG TÀI SẢN:
↑ 149.370 TỶ ĐỒNG
TĂNG 16%

HUY ĐỘNG TỪ TỔ CHỨC
KINH TẾ VÀ DÂN CƯ:
↑ 117.540 TỶ ĐỒNG
TĂNG 14,8%

TỔNG DỰ NỢ CẤP TÍN DỤNG:
101.399 TỶ ĐỒNG
TĂNG 14,6%

DỰ NỢ CHO VAY:
101.324 TỶ ĐỒNG
TĂNG 16,6%

NỢ XẤU
(NHÓM 3 ĐẾN NHÓM 5):
2,27%
TRÊN TỔNG DỰ NỢ



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2017, Hội Đồng Quản Trị đã quyết định bước đột phá ở cấp cao nhất đó là việc tổ chức lại Hội sở chính để hoàn thành sứ mệnh của Eximbank nhằm “tạo ra giá trị cho tất cả các bên liên quan bao gồm khách hàng, cổ đông, nhân viên và cộng đồng thông qua tăng trưởng liên tục trong hoạt động kinh doanh”. Mục tiêu của quyết định này là tinh gọn bộ máy quản lý từ 15 thành viên thành 07 thành viên Ban Tổng giám đốc và nâng cao hiệu quả của quá trình ra quyết định. Việc tái sắp xếp Hội sở chính cũng là một phần của các khởi xướng chiến lược trung và dài hạn thuộc dự án “Eximbank Mới”.

Kết quả kinh doanh năm 2017 đã có nhiều khởi sắc, lợi nhuận trước thuế vượt 69,6% so với kế hoạch được Đại hội đồng Cổ đông giao. Kết quả kinh doanh năm 2017 thể hiện sự cố gắng, phấn đấu rất lớn từ Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các chỉ đạo, định hướng của HĐQT, giữ vững và phát triển nền tảng khách hàng, tăng trưởng hoạt động tín dụng và huy động, tích cực xử lý nợ xấu tồn đọng và thực hiện tái cơ cấu ngân hàng phù hợp với định hướng tái cấu trúc Eximbank Mới.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Với những kết quả và nền tảng đạt được từ năm 2017, để tiếp tục thực hiện Tầm nhìn của Eximbank là trở thành ngân hàng thương mại chất lượng hàng đầu tại Việt Nam dẫn dắt bởi tính chuyên nghiệp và liêm chính, HĐQT đã định hướng và chỉ đạo Ban Tổng giám đốc tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ theo định hướng của kế hoạch hoạt động của HĐQT trong năm 2018 cụ thể:

- ☑ Tiếp tục thực hiện việc tập trung dịch vụ hỗ trợ để tạo thành một khối vận hành.
- ☑ Xây dựng hệ thống thông tin quản trị (MIS) để hỗ trợ kinh doanh và quản trị điều hành.
- ☑ Tiếp tục thực hiện việc tìm kiếm đối tác chiến lược liên doanh xây dựng trụ sở tại số 7 Lê Thị Hồng Gấm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- ☑ Phê duyệt dự án ISO trong năm 2018 để áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 vào năm 2019.
- ☑ Định hướng, chỉ đạo và giám sát kết quả thực hiện của Ban điều hành liên quan đến kế hoạch kinh doanh hàng năm phù hợp mục tiêu và lộ trình của đề án Tái cấu trúc và Chiến lược Eximbank (dự án “Eximbank Mới”), chú trọng chất lượng tổng tài sản, không chạy theo quy mô.
- ☑ Thực hiện hiện đại hóa công nghệ ngân hàng thông qua việc chuyển đổi hệ thống ngân hàng lõi (Core-bank System).
- ☑ Thực hiện các nghĩa vụ của HĐQT theo Điều lệ Eximbank và pháp luật quy định trong từng thời kỳ.
- ☑ Trình ĐHCĐ Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và Quy chế quản trị nội bộ.
- ☑ Đánh giá lại mạng lưới hoạt động, phân bổ mạng lưới theo tình hình thực tế và chiến lược kinh doanh của Eximbank.
- ☑ Hoàn thiện mô hình tổ chức, cơ cấu tổ chức tại Hội sở và đơn vị kinh doanh để tăng hiệu quả quản lý và hiệu quả hoạt động, đảm bảo sự kết nối xuyên suốt từ Hội sở đến chi nhánh, phòng giao dịch.
- ☑ Xây dựng hành lang pháp lý nội bộ thông qua chỉ đạo rà soát, sửa đổi, cập nhật, ban hành quy trình quy chế để quản lý rủi ro: rủi ro thanh khoản, rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động; rủi ro danh tiếng.



QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

- 78 Hội đồng Quản trị
- 88 Ban Kiểm soát
- 92 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành



THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị gồm 9 thành viên: 1 Chủ tịch kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập và 8 thành viên.

ÔNG LÊ MINH QUỐC

CHỦ TỊCH - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Ông Lê Minh Quốc sinh năm 1951, quốc tịch Việt Nam và Canada, là Cử nhân Quản trị Kinh doanh tại Thụy Sĩ. Ông từng là Nhân viên, Chuyên viên, Trưởng phòng, Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng BNP Canada tại Canada; Giám đốc phụ trách Tài trợ thương mại vùng Châu Á, Úc và Ấn Độ - Ngân hàng Banque Nationale de Paris tại Pháp; Giám đốc phụ trách Tài trợ thương mại vùng Châu Á, Úc và Ấn Độ - Ngân hàng BNP Paribas tại Singapore; Giám đốc điều hành BNP Paribas tại Đài Loan; Tổng Giám đốc BNP Paribas Việt Nam; Phó Tổng Giám đốc, Phó Trưởng Ban Kiểm soát - Ngân hàng TMCP Phương Đông.

Hiện nay, ông là Chủ tịch và Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập của Eximbank.



ÔNG ĐẶNG ANH MAI

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Đặng Anh Mai sinh năm 1966, ông đã tốt nghiệp thạc sĩ tại Đại học Duke – Hoa Kỳ. Ông từng giữ các chức vụ: Chuyên viên Vụ hợp tác Quốc tế Ngân hàng Nhà nước; Phó trưởng Phòng Vụ hợp tác Quốc tế Ngân hàng Nhà nước; Trưởng Phòng Vụ Hợp tác Quốc tế Ngân hàng Nhà nước; Chuyên gia World Bank tại Hoa Kỳ; Trưởng Phòng Vụ Hợp tác Quốc tế Ngân hàng Nhà nước; Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế Ngân hàng Nhà nước; Trợ lý Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Á Châu; Thành viên HĐQT Ngân hàng Đại Á.

Hiện nay, ông đang là Phó Chủ tịch HĐQT Eximbank và là thành viên Công ty Cổ phần Phát triển BĐS DPV.



ÔNG YASUHIRO SAITOH

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Yasuhiro Saitoh sinh năm 1961, quốc tịch Nhật Bản, là Cử nhân Khoa học tại Nhật Bản; Cử nhân Chuyên ngành Nhân học văn hóa, chuyên ngành phụ: Kinh tế toàn cầu tại Nhật Bản; Cử nhân Khoa học - Chuyên ngành Nhân học văn hóa tại Pháp. Ông đã từng là Nhân viên Marketing - Ngân hàng Mitsui Bank Ltd; Phó Tổng Giám đốc - AVP, Tập đoàn đầu tư Thu nhập cố định toàn cầu, Khối giao dịch thị trường vốn (Tokyo); Phó Tổng Giám đốc cấp cao, Giám đốc Đầu tư (Trái phiếu, Cổ phiếu, Hàng hóa và đầu tư cổ phần tư nhân) - VP, Khối Quản lý tài sản tại công ty ủy thác Sakura (New York); Phó Tổng Giám đốc Điều hành cấp cao - Phòng Ngân quỹ Ngân hàng Manufacturers (Los Angeles); Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban quản lý rủi ro; Ủy viên Hội đồng Đầu tư Tài chính, Ủy viên Hội đồng Tín dụng Trung Ương - Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

Hiện nay ông đang là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Eximbank.



ÔNG LÊ VĂN QUYẾT

THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Lê Văn Quyết sinh năm 1961 tại Việt Nam, ông là Cử nhân kinh tế, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh và có bằng Cao cấp lý luận chính trị. Ông từng giữ nhiều chức vụ tại NHNN tỉnh Đồng Nai như nhân viên, Phó trưởng phòng - Phòng lưu thông tiền tệ, Phó trưởng phòng, Trưởng Phòng - Phòng tổng hợp và phân tích kinh tế; Tại Vietcombank Đồng Nai, ông từng là nhân viên, Phó trưởng phòng - Phòng Thanh toán quốc tế, Phó trưởng phòng - Phòng Tín dụng, Trưởng phòng - Phòng Tổng hợp và thẩm định, Phó Giám đốc, Giám đốc; Giám đốc Vietcombank Biên Hòa.

Hiện nay, ông là Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Eximbank.



ÔNG NGÔ THANH TÙNG

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Ngô Thanh Tùng sinh năm 1969 tại Việt Nam, ông có bằng Cử nhân Luật, Chứng chỉ Quản trị và lãnh đạo của Mỹ, Thạc sĩ Luật tại Mỹ, Nghiên cứu sinh tiến sĩ tại Mỹ. Ông từng giữ nhiều chức vụ như Cố vấn pháp luật - Giám đốc điều hành Văn phòng luật sư Hồng Đức; Thành viên Đoàn luật sư Tp.HCM - Liên đoàn luật sư Tp.Hồ Chí Minh; Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty liên doanh khách sạn Grand Imperial Saigon (Parkhyatt Hotel Saigon); Chủ tịch Hội đồng điều hành, Thành viên cao cấp Hội đồng điều hành - Công ty Luật TNHH Quốc tế Việt Nam (VILAF - Hồng Đức); Giảng viên thỉnh giảng - Học viện Tư pháp; Thành viên cố vấn nước ngoài Đoàn luật sư Bang Washington, Hoa Kỳ (Washington Bar Association); Hội đồng cố vấn doanh nghiệp - UNICEF Việt Nam; Thành viên Hội đồng Quản trị - Công ty cổ phần Âu Lạc; Thành viên - Hiệp hội luật sư tranh tụng quốc tế (International Association of Defense counsel "IADC").

Hiện nay, ông là Thành viên Hội đồng Quản trị Eximbank đồng thời là thành viên cao cấp Hội đồng điều hành Công ty TNHH Quốc tế Việt Nam (Vilaf-Hồng Đức).



ÔNG CAO XUÂN NINH

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Cao Xuân Ninh sinh năm 1962 tại Việt Nam, là Cử nhân chuyên ngành Tín dụng đối ngoại và Thạc sĩ Quản trị kinh doanh. Ông từng giữ các chức vụ chủ chốt tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam như Phó trưởng phòng, Trưởng phòng Phòng Thanh toán Quốc tế - Chi nhánh Vũng Tàu, Phó giám đốc - Chi nhánh Vũng Tàu, Phó giám đốc - Chi nhánh Hồ Chí Minh, Giám đốc - Chi nhánh Tiền Giang, Giám đốc - Chi nhánh Kỳ Đồng. Ông từng là Giám đốc Công ty tài chính Việt Nam tại Hồng Kông - VINAFICO; Phó Trưởng Văn phòng đại diện, Trưởng Văn phòng đại diện - Văn phòng đại diện Ngân hàng Nhà nước tại Tp.HCM.

Hiện nay, ông là Thành viên Hội đồng Quản trị Eximbank.



ÔNG HOÀNG TUẤN KHẢI

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Hoàng Tuấn Khải sinh năm 1962 tại Hà Nội. Ông đã tốt nghiệp Đại học Ngoại thương chuyên ngành Kinh tế Ngoại thương và học quản lý Kinh tế tại Hà Lan. Ông từng giữ các chức vụ: Phó Giám đốc Công ty XNK Tổng hợp I, Giám đốc Công ty XNK Tổng hợp I, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần BĐS Tổng hợp 1, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất.

Hiện ông đang là Thành viên Hội đồng Quản trị Eximbank đồng thời là Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Xuất Nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam, đại diện phần vốn góp của Eximbank và là thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP đầu tư và phát triển du lịch Vinaconex.



ÔNG NGUYỄN QUANG THÔNG

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Quang Thông sinh năm 1963 tại Kiên Giang, là Cử nhân Kinh tế. Ông từng giữ các chức vụ: thành viên Ban Kiểm soát Eximbank, thành viên Hội đồng Quản trị Eximbank.

Hiện ông đang là Thành viên Hội đồng Quản trị Eximbank, đồng thời là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty bảo hiểm Bảo Long và là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Long.



ÔNG YUTAKA MORIWAKI

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Yutaka Moriwaki sinh năm 1963, quốc tịch Nhật Bản. Cử nhân chuyên ngành khoa học chính trị và kinh tế tại Đại học Waseda. Ông từng là:

- Trợ lý Phó Giám đốc, Phó Giám đốc tại Ngân hàng Sumitomo Bank Limited - Chi nhánh Hồng Kông;

- Trưởng Bộ phận xúc tiến kinh doanh, Phó Giám đốc tại Ngân hàng Sumitomo Bank Limited Trung Quốc - Chi nhánh Quảng Châu.

- Trưởng Bộ phận Xúc tiến Kinh doanh, Phó Giám đốc Cấp cao, Đồng Giám đốc Phòng Khách hàng Doanh nghiệp tại Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation Trung Quốc - Chi nhánh Thượng Hải.

- Phó Giám đốc Phòng Khách hàng doanh nghiệp, Phó Giám đốc cấp cao - Phòng Khách hàng doanh nghiệp, Phó Giám đốc cấp cao - Phòng Giải pháp tài chính - Khối Ngân hàng đầu tư, Giám đốc Phòng Giải pháp tài chính - Khối Ngân hàng đầu tư, Giám đốc Bộ phận Kinh doanh thị trường mới nổi - Khối Ngân hàng quốc tế tại Ngân hàng Sumitomo Bank Limited Tokyo, Nhật Bản.

- Giám đốc Phòng Giải pháp Tài chính tại Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation Limited Thượng Hải, Trung Quốc.

- Giám đốc Phòng Giải pháp tài chính Châu Á tại Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation Singapore.

Hiện tại, Ông Yutaka Moriwaki là Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc cấp cao, Trưởng Ban quản lý dự án tái cấu trúc và chiến lược Eximbank.



THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. HĐQT Eximbank đã thông qua Nghị quyết số 323/2017/EIB/NQ-HĐQT ngày 12/6/2017 về việc bầu ông Đặng Anh Mai – Thành viên HĐQT giữ chức danh Phó Chủ tịch HĐQT Eximbank hiệu lực kể từ ngày 12/6/2017.
2. HĐQT Eximbank đã thông qua Nghị quyết số 324/2017/EIB/NQ-HĐQT ngày 12/6/2017 về việc bầu ông Yasuhiro Saitoh – Thành viên HĐQT giữ chức danh Phó Chủ tịch HĐQT Eximbank hiệu lực kể từ ngày 12/6/2017.
3. Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên Eximbank ngày 21/4/2017 thông qua:
 - Miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT nhiệm kỳ VI (2015-2020) đối với Ông Naoki Nishizawa.
 - Bầu bổ sung/thay thế ông Yutaka Moriwaki vào HĐQT Eximbank nhiệm kỳ VI (2015-2020).



TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ TẠI EXIMBANK	SỐ LƯỢNG CHỨC DANH THÀNH VIÊN HĐQT DO TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT NẮM GIỮ TẠI CÁC CÔNG TY KHÁC	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN CỦA CÁ NHÂN NGÀY 29/12/2017	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT CỦA CÁ NHÂN (%)	TÊN CỔ ĐÔNG LÀ TỔ CHỨC MÀ MÌNH LÀ ĐẠI DIỆN (NẾU CÓ)	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN CỦA TỔ CHỨC MÀ MÌNH LÀ ĐẠI DIỆN NGÀY 29/12/2017	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT CỦA TỔ CHỨC (%)
1	Ông Lê Minh Quốc	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch HĐQT	Không có	0	0,00	-	-	-
2	Ông Đặng Anh Mai	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT CTCP Phát triển Bất động sản DPV	50.000	0,004	-	-	-
3	Ông Yasuhiro Saitoh	Phó Chủ tịch HĐQT	Không có	0	0,00	-	-	-
4	Ông Lê Văn Quyết	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	Không có	0	0,00	-	-	-
5	Ông Hoàng Tuấn Khải	Thành viên HĐQT	Ông Hoàng Tuấn Khải là Thành viên HĐQT của 02 công ty khác như sau: 1. CTCP Xuất Nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam. 2. Ông Hoàng Tuấn Khải đại diện phần vốn góp của Eximbank và là thành viên HĐQT CTCP đầu tư và phát triển du lịch Vinaconex.	67.392	0,005	-	-	-

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ TẠI EXIMBANK	SỐ LƯỢNG CHỨC DANH THÀNH VIÊN HĐQT DO TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT NẮM GIỮ TẠI CÁC CÔNG TY KHÁC	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN CỦA CÁ NHÂN NGÀY 29/12/2017	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT CỦA CÁ NHÂN (%)	TÊN CỔ ĐÔNG LÀ TỔ CHỨC MÀ MÌNH LÀ ĐẠI DIỆN (NẾU CÓ)	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN CỦA TỔ CHỨC MÀ MÌNH LÀ ĐẠI DIỆN NGÀY 29/12/2017	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT CỦA TỔ CHỨC (%)
6	Ông Yutaka Moriwaki	Thành viên HĐQT	Không có	0	0,00	Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC)	185.329.207	15,074
7	Ông Cao Xuân Ninh	Thành viên HĐQT	Không có	0	0,00	-	-	-
8	Ông Nguyễn Quang Thông	Thành viên HĐQT	Ông Nguyễn Quang Thông là Phó chủ tịch HĐQT của 02 công ty khác như sau: 1. Công ty bảo hiểm Bảo Long. 2. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Long	152.714	0,012	-	-	-
9	Ông Ngô Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	Không có	0	0,00	-	-	-
Tổng cộng				270.106	0,021		185.329.207	15,074

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên HĐQT nhiệm kỳ VI (2015 - 2020) trong năm 2017 đã trực tiếp tham dự 38 phiên họp HĐQT và 109 lần lấy ý kiến bằng văn bản.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG, ỦY BAN THUỘC HĐQT

Hiện nay, các Hội đồng/Ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị gồm có:

- Hội đồng tín dụng trung ương:** Đã tổ chức 46 phiên họp và xử lý 283 hồ sơ tín dụng.
- Hội đồng xử lý rủi ro và ngăn chặn nợ quá hạn:** Đã tổ chức 29 phiên họp, 17 lần lấy ý kiến bằng văn bản, và xử lý 175 hồ sơ theo thẩm quyền.
- Hội đồng đầu tư tài chính:** Đã tổ chức 05 phiên họp thảo luận về phương án kinh doanh trái phiếu; tình hình hoạt động của các doanh nghiệp mà Eximbank góp vốn và định hướng cho giai đoạn sắp tới.
- Ủy ban nhân sự:** Đã tổ chức 24 phiên họp thảo luận các nội dung sau:
 - Nhân sự tham gia dự án tái cấu trúc;
 - Kế hoạch định biên nhân sự hệ thống;
 - Tiêu chuẩn hóa mô tả công việc và áp dụng chỉ số đánh giá hiệu quả công việc (KPI);
 - Kết quả đánh giá nhân sự và quyết định theo thẩm quyền liên quan tiếp nhận, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, luân chuyển, điều động nhân sự trong hệ thống.
- Ủy ban quản lý rủi ro:** đã tổ chức 05 phiên họp và kiến nghị HĐQT các nội dung sau:
 - Danh mục tín dụng;
 - Khẩu vị rủi ro hoạt động;
 - Thẩm quyền tín dụng theo sản phẩm;
 - Báo cáo hiện trạng và quản lý rủi ro tổng thể tại Eximbank;
 - Tình hình khắc phục chỉnh sửa các kiến nghị của Ban Kiểm toán nội bộ tại các chi nhánh và phòng giao dịch.
- Ban chỉ đạo dự án tái cấu trúc và chiến lược Eximbank:** Đã tổ chức 08 phiên họp thảo luận và đóng góp ý kiến. Tùy từng nội dung, các phê duyệt của Ban chỉ đạo mang tính định hướng để Ban quản lý dự án tái cấu trúc và chiến lược Eximbank phối hợp với Ban Tổng giám đốc triển khai hoặc trình HĐQT phê duyệt theo thẩm quyền các nội dung sau:
 - Nhân sự bổ sung vào Ban quản lý dự án tái cấu trúc và chiến lược Eximbank;
 - Tiến độ dự án tái cấu trúc và chiến lược Eximbank và các tiểu dự án;
 - Định hướng tổng quát về tái cơ cấu sơ đồ tổ chức của Eximbank;
 - Thành lập một số phòng tại Hội sở theo cơ cấu tổ chức mới;
 - Cải tiến quy trình nghiệp vụ của Eximbank;
 - Chuẩn hóa mô hình chức năng và nhiệm vụ một số Phòng/Ban tại Hội sở và Chi nhánh;
- Ban chỉ đạo dự án thay thế Korebank:** Đã tổ chức 08 phiên họp và 04 lần lấy ý kiến bằng văn bản để cập nhật hiện trạng, tiến độ xử lý, các vướng mắc và chi phí dự phòng liên quan triển khai dự án thay thế Korebank.
- Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng và tội phạm:** Đã tổ chức 02 phiên họp thảo luận kế hoạch phòng chống tham nhũng và tội phạm năm 2017, giao Ban Tổng giám đốc ban hành văn bản nhắc nhở cán bộ nhân viên về việc tố giác tham nhũng, tội phạm tại đơn vị, và nhắc nhở các đơn vị trong hệ thống hoàn tất các quy trình, quy định nội bộ liên quan công tác phòng chống tham nhũng và tội phạm tại đơn vị.
- Ban chỉ đạo hỗ trợ xử lý kiến nghị của Đoàn Thanh tra:** Bên cạnh các Hội đồng, Ủy ban, Ban nêu trên, Eximbank cũng có Ban chỉ đạo hỗ trợ xử lý kiến nghị của Đoàn Thanh tra. Trong năm 2017, Ban này đã tổ chức 05 phiên họp xem xét, thực hiện các phương án và biện pháp để thực hiện chỉnh sửa theo các kiến nghị của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước tại các Kết luận thanh tra còn tồn đọng.



HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Ông Lê Minh Quốc là Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch HĐQT Eximbank nhiệm kỳ VI (2015-2020). Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tham gia đóng góp ý kiến và biểu quyết đối với các nội dung theo quy định của Điều lệ và pháp luật liên quan.

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

ÔNG TRẦN LÊ QUYẾT

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Ông Trần Lê Quyết sinh năm 1981 tại Quảng Bình, là cử nhân kinh tế (chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán). Tháng 04/2014 Ông trúng cử thành viên Ban Kiểm Soát Eximbank nhiệm kỳ 2010 – 2015. Ông là người có rất nhiều kinh nghiệm trong ngành ngân hàng, đặc biệt ở lĩnh vực tín dụng, quản lý rủi ro và quản trị ngân hàng. Ông đã có gần 15 năm kinh nghiệm trong công tác tín dụng, đã từng giữ vị trí Phó Bộ phận Quản lý rủi ro tín dụng Hội sở chính đặt tại TP.HCM - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam; Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam – Chi nhánh Tiền Giang. Ông từng là Phó Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ V (2010-2015), sau đó tái đắc cử và được bầu làm Trưởng Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ VI (2015-2020).



ÔNG ĐẶNG HỮU TIẾN

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ông Đặng Hữu Tiến sinh năm 1962 tại Hà Nội. Ông đã tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) Đại học Columbia, Cao học kinh tế Đại học Thương mại, Cử nhân kinh tế Kế hoạch, Cử nhân kinh tế Ngoại thương. Ông là người có nhiều kinh nghiệm về lĩnh vực tiền tệ, tín dụng, kế toán kiểm toán, kiểm tra kiểm soát. Từ năm 1998 đến 2010, Ông là thành viên Ban Kiểm Soát chuyên trách của Eximbank, sau đó là Trưởng Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2010-2015. Hiện nay Ông là Thành viên Ban Kiểm Soát Eximbank nhiệm kỳ 2015-2020.



ÔNG TRẦN NGỌC DŨNG

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ông Trần Ngọc Dũng sinh năm 1966 tại Sài Gòn. Ông đã tốt nghiệp Cử nhân Tài chính Tín dụng, Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Luật học. Ông đã từng làm Trưởng đội phó – phường 8 và phường 13 Quận Phú Nhuận; Nhân viên kinh doanh – Công ty Lương thực TP.HCM; Kế toán, Kiểm soát viên – Eximbank Chi nhánh Chợ Lớn; Nhân viên kinh doanh – Sơn Expo; Kế toán, Kế toán trưởng Công ty TNHH Thiên Lộc; Chuyên viên phòng Kế hoạch Đầu tư, Phó phòng kiểm tra kiểm soát nội bộ, Giám đốc Chi nhánh Nha Trang, Trưởng phòng Tín dụng Hội sở, Giám đốc Chi nhánh Ngã Bảy, Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro, Thành viên BKS Ngân hàng Nam Á; Trợ lý Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á. Ông được ĐHCĐ bầu làm Thành viên Ban Kiểm Soát Eximbank nhiệm kỳ VI (2015-2020).



BÀ PHẠM THỊ MAI PHƯƠNG

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Bà Phạm Thị Mai Phương sinh năm 1982 tại Nha Trang. Bà đã tốt nghiệp Cử nhân kế toán, Cử nhân Kinh tế Đối ngoại, chứng chỉ Bồi dưỡng Kế toán trưởng, chứng chỉ Giám đốc Kinh doanh, chứng chỉ Giám đốc Tài chính. Bà đã từng làm nhân viên kế toán tổng hợp Công ty XNK Thủy sản Thái Bình Dương; Chuyên viên kế toán tổng hợp, chuyên viên Corebanking, Giám đốc Trung tâm dịch vụ khách hàng, Giám đốc PGD Bến Thành, Chuyên viên văn phòng Ban Tổng giám đốc, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ khách hàng – Đặc phái viên HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á. Bà được ĐHCĐ bầu làm Thành viên Ban Kiểm Soát Eximbank nhiệm kỳ VI (2015-2020).



ÔNG TRỊNH BẢO QUỐC

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ông Trịnh Bảo Quốc sinh năm 1971 tại Việt Nam. Ông đã tốt nghiệp Cử nhân Sinh vật học và Sử tại Hoa Kỳ, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Đại Học California Berkeley, Hoa Kỳ. Ông đã từng làm nhân viên điều phối dự án – US Viet nam Trade Council; Trợ lý luật sư và thông dịch viên – Công ty Luật quốc tế Baker & McKenzie; Trưởng phòng Tài chính & Phân tích Đầu tư – Phú Mỹ Hưng, Central & Development Group (Chủ đầu tư KCX Tân Thuận, Nhà máy điện Hiệp Phước, Khu đô thị Phú Mỹ Hưng); Giám đốc – QML Corporate Group; Giám đốc kiêm Trưởng đại diện tại VN– Avenue Capital Group; Đồng sáng lập & nhà đầu tư – Công ty Cổ phần Tư vấn & Đào tạo Summa; Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn Kim. Ông được ĐHCĐ bầu làm Thành viên Ban Kiểm Soát Eximbank nhiệm kỳ VI (2015-2020).



THAY ĐỔI THÀNH VIÊN CỦA BAN KIỂM SOÁT

Năm 2017, Ban Kiểm soát không có thay đổi thành viên.

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA BAN KIỂM SOÁT



STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ ĐANG NẪM GIỮ TẠI TỔ CHỨC TÍN DỤNG	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CÁ NHÂN	TÊN CỔ ĐÔNG LÀ TỔ CHỨC MÀ MÌNH LÀ ĐẠI DIỆN (NẾU CÓ)	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN CỦA TỔ CHỨC MÀ MÌNH LÀ ĐẠI DIỆN NGÀY 30/12/2017	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT CỦA TỔ CHỨC (%)
1	Ông Trần Lê Quyết	Trưởng Ban (chuyên trách)	0,00	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	101.245.131	8,24
2	Ông Đặng Hữu Tiến	Thành viên chuyên trách	0,01	-	-	-
3	Ông Trần Ngọc Dũng	Thành viên chuyên trách	0,00	-	-	-
4	Bà Phạm Thị Mai Phương	Thành viên chuyên trách	0,00	-	-	-
4	Ông Trịnh Bảo Quốc	Thành viên không chuyên trách	0,00	-	-	-

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm Soát là cơ quan giám sát hoạt động được Đại hội đồng cổ đông Eximbank bầu cử nhằm thực hiện đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Ngân hàng; kiểm soát, kiểm toán nội bộ việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ của ngân hàng và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.

- Trong năm 2017, để giám sát việc tuân thủ các quy định trong quản trị, điều hành Ngân hàng của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Eximbank, Trưởng BKS và các thành viên đã tham gia 40 cuộc họp của Hội đồng quản trị, 12 cuộc họp giao ban giữa HĐQT - BKS - Ban Điều hành, 39 cuộc họp với các Phòng/Ban/Chi nhánh/Công ty con trực thuộc trên toàn hệ thống liên quan đến các khuyến nghị của Đoàn KTNB, KPCS sau kiểm toán. Tại các phiên họp này, BKS cùng tham gia thảo luận, đưa ra khuyến nghị/ cảnh báo và đóng góp ý kiến vào các nội dung của từng phiên họp, đặc biệt là các nội dung liên quan đến công tác tổ chức ĐHCĐ năm 2017.
- Giám sát tính trung thực kết quả hoạt động tài chính thông qua việc phân công nhân sự thực hiện thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và hàng năm, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập.
- Giám sát các chỉ số tài chính, tình hình hoạt động kinh doanh của Eximbank thông qua các báo cáo độc lập của KTNB thực hiện hàng tuần, hàng tháng, quý, 6 tháng, năm.
- Giám sát việc lập danh sách cổ đông giữ cổ phần trọng yếu của ngân hàng và những người có liên quan của thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám Đốc, lưu giữ và cập nhật danh sách này khi có thay đổi.
- Giám sát việc thực hiện khắc phục chỉnh sửa các kiến nghị nêu tại Kết luận của Thanh tra Giám sát Ngân hàng Nhà nước, khuyến nghị của Ban kiểm soát, Kiểm toán nội bộ.
- Tăng cường hoạt động giám sát hoạt động của các Hội đồng, Ủy ban thông qua việc cử thành viên BKS tham gia các buổi họp định kỳ của các Ủy ban quản lý rủi ro, Hội đồng xử lý rủi ro và ngăn chặn nợ quá hạn,...
- Trong năm 2017, nhằm tăng cường chức năng giám sát nội bộ, BKS đã tổ chức 45 phiên họp nội bộ của BKS nhằm chỉ đạo công việc cho Ban KTNB, thống nhất các nội dung văn bản, khuyến nghị gửi đến HĐQT, Ban Điều Hành, Ngân hàng Nhà nước, Cổ đông.
- BKS tăng cường giám sát hoạt động của Ngân hàng thông qua việc chỉ đạo Ban kiểm toán nội bộ (KTNB) tiến hành 41 đợt kiểm toán (đã hoàn thành 36 đợt (gồm 5 đợt triển khai cuối năm 2016 và hoàn thành vào đầu năm 2017), đang triển khai 5 đợt dự kiến sẽ hoàn thành trong tháng 01 và 02/2018), trong đó kiểm toán 10 đơn vị tại Hội sở, 31 đơn vị là Chi nhánh, PGD. Phân công các thành viên BKS giám sát hoạt động các Đoàn KTNB, tham dự các buổi họp thông qua kết quả kiểm toán nhằm đánh giá chất lượng KTNB cũng như đánh giá thực tế tình hình hoạt động của Đơn vị được kiểm toán, từ đó đại diện BKS có các khuyến nghị kịp thời đến Lãnh đạo đơn vị được kiểm toán, cũng như Ban Điều hành, HĐQT.



LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Xin xem Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017, phần Thuyết minh mục 36 “Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan”

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG, GIẢM (MUA, BÁN, CHUYỂN ĐỔI, THƯỜNG...)
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ/ VỐN ĐIỀU LỆ	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ/ VỐN ĐIỀU LỆ	
1	Ông Đặng Anh Mai	Ông Đặng Anh Mai là Phó Chủ tịch HĐQT Eximbank	0	0%	50.000	0,004%	Mua cổ phiếu

STT	TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN	MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY	THỜI ĐIỂM GD VỚI CÔNG TY	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐHCĐ/ HĐQT... THÔNG QUA (NẾU CÓ, NẾU RÕ NGÀY BAN HÀNH)	SỐ LƯỢNG, TỶ LỆ NĂM GIỮ CỔ PHIẾU SAU KHI GIAO DỊCH
2	Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC)	SMBC là cổ đông lớn của Eximbank	29/3/2017	Trích Nghị quyết số 160A/2017/EIB/NQT-HĐQT ngày 29/3/2017 về việc tiếp nhận hạn mức do SMBC tài trợ.	185.329.207
3	Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC)	SMBC là cổ đông lớn của Eximbank	26/6/2017	Nghị quyết số 341/2017/EIB/NQT-HĐQT ngày 26/6/2017 về việc chấp thuận chọn ngân hàng SMBC chi nhánh Singapore là ngân hàng phát hành Standby L/C cho Eximbank, người thụ hưởng là tổ chức thẻ Visa và MasterCard.	185.329.207
4	Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC)	SMBC là cổ đông lớn của Eximbank	03/7/2017	Nghị quyết số 350/2017/EIB/NQ-HĐQT ngày 03/7/2017 về việc thanh toán tổng mức phí dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật do SMBC cung ứng cho Eximbank trong năm 2016.	185.329.207
5	Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC)	SMBC là cổ đông lớn của Eximbank	06/10/2017	Nghị quyết số 532/2017/EIB/NQ-HĐQT ngày 06/10/2017 Thông qua nội dung bản “Thỏa thuận Tiện ích tái tài trợ không cam kết” giữa SMBC Singapore và Eximbank.	185.329.207

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN	MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY	THỜI ĐIỂM GD VỚI CÔNG TY	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐHCĐ/ HĐQT... THÔNG QUA (NẾU CÓ, NẾU RÕ NGÀY BAN HÀNH)	SỐ LƯỢNG, TỶ LỆ NĂM GIỮ CỔ PHIẾU SAU KHI GIAO DỊCH
1	Minato Bank	Minato Bank là người có liên quan của SMBC (SMBC là cổ đông lớn của Eximbank)	22/3/2017	Nghị quyết số 145/2017/EIB/NQ-HĐQT ngày 22/3/2017 về việc thông qua giao dịch giữa Eximbank và Minato Bank, cụ thể Minato Bank phát hành thư bảo lãnh bằng điện Swift để bảo lãnh cho khoản vay của khách hàng tại Eximbank Chi nhánh Tp.HCM.	

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành (Luật Doanh nghiệp, Luật các Tổ chức tín dụng, Thông tư 121/2012/TT-BTC và các văn bản khác có liên quan), Eximbank đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về quản trị công ty.



NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT TRONG NĂM 2017



Ngày 29/01/2017, Eximbank đã phối hợp với Tổ chức thẻ quốc tế MasterCard ra mắt sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế UEFA Champions League.



Ngày 20/07/2017, Eximbank hân hạnh là ngân hàng độc quyền phân phối sản phẩm bảo hiểm của Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Generali Việt Nam, thông qua mạng lưới hơn 200 chi nhánh và 62 phòng giao dịch của Eximbank trên toàn quốc.



Ngày 28/09/2017, Eximbank đã ra mắt sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế cao cấp Eximbank One World MasterCard với sự phối hợp Tổ chức thẻ quốc tế MasterCard.



CÁC GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC



Giải thưởng Ghi nhận Chất lượng Thanh toán Bù trừ đồng Đô-la Mỹ 2017 của J.P.Morgan J.P.Morgan 2017 Quality Recognition Award for U.S. Dollar Clearing.



Giải thưởng Chất lượng Điện Thanh toán Xuyên suốt Xuất sắc 2016 của HSBC- HSBC 2016 Straight-Through Processing (STP) Excellence Award



Giải thưởng Vận hành Điện Thanh toán Xuất sắc 2016 của Wells Fargo-Wells Fargo 2016 Operational Excellence Award.



Giải thưởng Chất lượng Điện Thanh toán Xuyên suốt 2016 của Bank of New York Mellon BNY Mellon 2016 Straight-Through Processing (STP) Award



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 92 Ý kiến kiểm toán
- 102 Báo cáo tài chính hợp nhất
- 179 Báo cáo tài chính riêng



GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG SỐ

11/NH-GP ngày 6 tháng 4 năm 1992
Giấy phép Thành lập và Hoạt động Ngân hàng được cấp bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và giá trị trong vòng 50 năm kể từ ngày cấp.

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH SỐ

0301179079 ngày 23 tháng 7 năm 1992
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301179079 ngày 19 tháng 4 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Lê Minh Quốc	Chủ tịch
Ông Đặng Anh Mai	Phó Chủ tịch (từ ngày 12 tháng 6 năm 2017)
Ông Yasuhiro Saitoh	Phó Chủ tịch (từ ngày 12 tháng 6 năm 2017)
Ông Nguyễn Quang Thông	Thành viên
Ông Hoàng Tuấn Khải	Thành viên
Ông Ngô Thanh Tùng	Thành viên
Ông Cao Xuân Ninh	Thành viên
Ông Lê Văn Quyết	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc
Ông Yutaka Moriwaki	Thành viên (từ ngày 21 tháng 4 năm 2017)
Ông Naoki Nishizawa	Thành viên (đến ngày 18 tháng 4 năm 2017)

BAN KIỂM SOÁT

Ông Trần Lê Quyết	Trưởng Ban
Ông Trịnh Bảo Quốc	Thành viên
Ông Đặng Hữu Tiến	Thành viên
Bà Phạm Thị Mai Phương	Thành viên
Ông Trần Ngọc Dũng	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Lê Văn Quyết	Tổng Giám đốc
Ông Trần Tấn Lộc	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 7 tháng 8 năm 2017)
Ông Trần Tấn Lộc	Phó Tổng Giám đốc Thường trực (đến ngày 6 tháng 8 năm 2017)
Ông Đào Hồng Châu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đinh Thị Thu Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Bà Văn Thái Bảo Nhi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính
Ông Võ Quang Hiến	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 7 tháng 8 năm 2017)
Ông Lê Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 6 tháng 8 năm 2017)
Ông Bùi Văn Đạo	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 6 tháng 8 năm 2017)
Ông Yutaka Moriwaki	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 6 tháng 8 năm 2017)
Ông Nguyễn Văn Hào	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 6 tháng 8 năm 2017)
Ông Masashi Mochizuki	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 6 tháng 8 năm 2017)
Ông Nguyễn Quốc Hương	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 14 tháng 8 năm 2017)
Bà Bùi Đỗ Bích Vân	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 14 tháng 8 năm 2017)
Ông Lê Hải Lâm	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 3 tháng 8 năm 2017)
Ông Nguyễn Quang Triết	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 14 tháng 8 năm 2017)

TRỤ SỞ ĐĂNG KÝ

Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16 Tòa nhà Vincom Center, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

CÔNG TY KIỂM TOÁN

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 91 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Lê Văn Quyết
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2018

KÍNH GỬI CÁC CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (“Ngân hàng”) và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 6 đến trang 91.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 17-01-144/1

Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

ĐVT: Triệu VND

ĐVT: Triệu VND

	THUYẾT MINH	31/12/2017	31/12/2016
A TÀI SẢN			
I Tiền mặt, vàng	4	2.282.200	2.020.060
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	5	3.277.007	3.765.279
III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	15.245.884	8.281.291
1 Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		15.245.884	8.296.841
2 Cho vay các tổ chức tín dụng khác		-	95.000
3 Dự phòng rủi ro		-	(110.550)
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	7	30.274	9.841
VI Cho vay khách hàng		100.268.300	85.824.814
1 Cho vay khách hàng	8	101.324.328	86.891.327
2 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(1.056.028)	(1.066.513)
VIII Chứng khoán đầu tư	10	20.020.106	20.195.957
1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		9.458.122	9.388.719
2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		12.066.568	12.219.500
3 Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(1.504.584)	(1.412.262)
IX Góp vốn, đầu tư dài hạn	11	1.377.209	1.856.808
4 Đầu tư dài hạn khác		1.480.063	1.937.865
5 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(102.854)	(81.057)
X Tài sản cố định		3.214.194	3.367.929
1 Tài sản cố định hữu hình	12	785.170	854.498
a Nguyên giá		1.960.023	1.935.088
b Giá trị hao mòn lũy kế		(1.174.853)	(1.080.590)
3 Tài sản cố định vô hình	13	2.429.024	2.513.431
a Nguyên giá		2.551.024	2.621.600
b Giá trị hao mòn lũy kế		(122.000)	(108.169)
XII Tài sản Có khác	14	3.654.380	3.479.529
1 Các khoản phải thu		1.455.678	1.271.087
2 Các khoản lãi, phí phải thu		993.424	840.414
4 Tài sản Có khác		1.211.309	1.374.053
5 Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(6.031)	(6.025)
TỔNG TÀI SẢN		149.369.554	128.801.508

	THUYẾT MINH	31/12/2017	31/12/2016
B NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
NỢ PHẢI TRẢ			
I Các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	15	55.717	1.111.672
II Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	16	11.256.430	6.484.335
1 Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		7.697.240	5.122.335
2 Vay các tổ chức tín dụng khác		3.559.190	1.362.000
III Tiền gửi của khách hàng	17	117.539.696	102.351.494
VI Phát hành giấy tờ có giá	18	3.000.000	3.000.000
VII Các khoản nợ khác		3.266.530	2.405.588
1 Các khoản lãi, phí phải trả		2.153.139	2.000.279
3 Các khoản phải trả và công nợ khác	19	1.113.391	405.309
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		135.118.373	115.353.089
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
VIII Vốn chủ sở hữu	21	14.251.181	13.448.419
1 Vốn		12.448.674	12.448.674
a Vốn điều lệ		12.355.229	12.355.229
b Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định		15.396	15.396
c Thặng dư vốn cổ phần		156.322	156.322
d Cổ phiếu quỹ		(78.273)	(78.273)
2 Các quỹ		1.587.009	1.462.854
5 Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế)		215.498	(463.109)
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		14.251.181	13.448.419
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		149.369.554	128.801.508

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017 (TIẾP THEO)**

ĐVT: Triệu VND

	THUYẾT MINH	31/12/2017	31/12/2016
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
1	Bảo lãnh vay vốn	8.061	37.181
2	Cam kết giao dịch hối đoái	67.636.042	30.121.833
	<i>Trong đó:</i>		
	- Cam kết mua ngoại tệ	2.379.058	2.265.219
	- Cam kết bán ngoại tệ	1.623.301	648.175
	- Cam kết giao dịch hoán đổi tiền tệ	63.633.683	27.208.439
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	3.097.547	2.447.872
5	Bảo lãnh khác	3.051.765	2.735.979
6	Các cam kết khác	165.222	165.441

Người lập

Người kiểm soát

Người đại diện
theo pháp luật

Nguyễn Minh Thanh
Kế toán tổng hợp

Nguyễn Ngọc Hà
Kế toán trưởng

Lê Văn Quyết
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT CHO
NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

ĐVT: Triệu VND

	THUYẾT MINH	2017	2016
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	8.950.649	8.310.573
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(6.282.831)	(5.228.494)
I	Thu nhập lãi thuần	2.667.818	3.082.079
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	619.088	610.947
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	(287.894)	(311.095)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	331.194	299.852
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	227.832	259.839
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	62.621	24.725
5	Thu nhập từ hoạt động khác	698.732	141.892
6	Chi phí hoạt động khác	(267.622)	(74.022)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	431.110	67.870
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	107.648	545
VIII	Chi phí hoạt động	(2.206.068)	(2.255.214)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.622.155	1.479.696
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(604.576)	(1.089.066)
XI	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.017.579	390.630
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(194.749)	(81.698)
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
XII	Chi phí thuế TNDN	(194.749)	(81.698)
XIII	Lợi nhuận sau thuế TNDN	822.830	308.932
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	669	251

Người lập

Người kiểm soát

Người đại diện
theo pháp luật

Nguyễn Minh Thanh
Kế toán tổng hợp

Nguyễn Ngọc Hà
Kế toán trưởng

Lê Văn Quyết
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Mẫu B04/TCTD-HN

Mẫu B04/TCTD-HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017
(PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)**

ĐVT: Triệu VND

ĐVT: Triệu VND

	2017	2016
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	8.806.500	8.468.208
2 Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(6.129.971)	(4.738.579)
3 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	331.194	299.852
4 Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, vàng và chứng khoán	290.074	284.943
5 (Chi phí khác)/thu nhập khác	(35.023)	220
6 Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	441.114	57.777
7 Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý	(2.030.549)	(2.042.233)
8 Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp	(32.520)	(2.767)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động	1.640.819	2.327.421
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
9 Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	110.550	-
10 Giảm/(tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán	1.045.597	(673.493)
11 (Tăng)/giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(20.433)	20.956
12 Tăng các khoản cho vay khách hàng	(13.395.069)	(3.065.965)
13 Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	(632.910)	(347.237)
14 (Tăng)/giảm khác về tài sản hoạt động	(161.535)	267.476
Những thay đổi về công nợ hoạt động		
15 (Giảm)/tăng các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	(1.055.955)	566.727
16 Tăng/(giảm) tiền gửi và tiền vay các tổ chức tín dụng khác	4.772.095	(1.448.982)
17 Tăng tiền gửi của khách hàng	15.188.202	3.920.952
18 Giảm phát hành giấy tờ có giá	-	(392)
21 Tăng khác về công nợ hoạt động	583.167	35.375
22 Chi từ các quỹ	(68)	(5.225)
I LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8.074.460	1.597.613

	2017	2016
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1 Mua sắm tài sản cố định	(165.185)	(200.246)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	241.958	81.027
8 Tiền thu từ thanh lý đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	583.980	13.226
9 Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn	3.267	345
II LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	664.020	(105.648)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
4 Cổ tức trả cho cổ đông	(19)	(72)
III LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	(19)	(72)
IV LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	8.738.461	1.491.893
V TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM	14.066.630	12.574.737
VII TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM (THUYẾT MINH SỐ 32)	22.805.091	14.066.630

ĐVT: Triệu VND

	2017	2016
CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TRỌNG YẾU TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Phân loại tài sản gắn nợ từ tài sản cố định sang tài sản có khác	-	1.319.329

Người lập

Người kiểm soát

Người đại diện theo pháp luật

Nguyễn Minh Thanh
Kế toán tổng hợp

Nguyễn Ngọc Hà
Kế toán trưởng

Lê Văn Quyết
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Mẫu B05/TCTD-HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(a) Thành lập và hoạt động

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (“Ngân hàng”) là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký hoạt động tại Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Ngân hàng số 11/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”) cấp ngày 6 tháng 4 năm 1992 và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0301179079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 7 năm 1992. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Ngân hàng có giá trị 50 năm kể từ ngày cấp.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận gửi tiền ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của các tổ chức và cá nhân khác nhau; hoạt động cho vay ngắn hạn, trung hạn các tổ chức và cá nhân khác nhau dựa vào tính chất và năng lực nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung ứng dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.

(b) Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và năm 2016, vốn điều lệ của Ngân hàng là 12.355.229 triệu Việt Nam Đồng. Ngân hàng đã phát hành 1.235.522.904 cổ phiếu phổ thông, với mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND. Cổ phiếu của Ngân hàng được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

(c) Địa điểm và mạng lưới hoạt động

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16 Tòa nhà Vincom Center, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Ngân hàng có một (1) hội sở chính, bốn mươi bốn (44) chi nhánh, một trăm sáu mươi ba (163) phòng giao dịch và một (1) văn phòng đại diện đặt tại Hà Nội (31/12/2016: một (1) hội sở chính, bốn mươi bốn (44) chi nhánh, một trăm sáu mươi ba (163) phòng giao dịch, một (1) quỹ tiết kiệm và một (1) văn phòng đại diện đặt tại Hà Nội).

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và năm 2016, Ngân hàng có một công ty con như sau:

TÊN CÔNG TY	GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG	LĨNH VỰC KINH DOANH	TỶ LỆ SỞ HỮU VÀ QUYỀN BIỂU QUYẾT	
			31/12/2017	31/12/2016
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	Số 031028097 ngày 24 tháng 8 năm 2010	Quản lý tài sản	100%	100%

Công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm báo cáo tài chính của Ngân hàng và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”).

(e) Tổng số nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có 6.094 nhân viên (31/12/2016: 5.916 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chuẩn mực và quy định pháp lý có liên quan này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính, được làm tròn tới hàng triệu gần nhất (“Triệu VND”).

(e) Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức phần mềm kế toán để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

(f) Thay đổi về chính sách kế toán

Ngày 7 tháng 8 năm 2017, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ban hành chế độ tài chính áp dụng cho các tổ chức tín dụng (“Nghị định 93”). Nghị định 93 thay thế cho Nghị định số 57/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 (“Nghị định 57”). Nghị định 93 có hiệu lực từ ngày 25 tháng 9 năm 2017 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 hoặc sau đó.

Những thay đổi trong chính sách kế toán của Tập đoàn và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, nếu có, được trình bày trong Thuyết minh 3(t)(i).

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Khi có sự khác biệt giữa chính sách kế toán của công ty con và Ngân hàng thì các điều chỉnh cần thiết được thực hiện nhằm đảm bảo tính nhất quán của các chính sách kế toán được áp dụng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Mẫu B05/TCTD-HN

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tập đoàn, và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh của Tập đoàn được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái quy định vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và năm 2016 tại Thuyết minh 38(c)(ii)), các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Tập đoàn được quy đổi sang VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND tại ngày báo cáo hàng tháng được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào cuối kỳ kế toán năm.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, vàng, tiền gửi tại NHNNVN, tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác có kỳ hạn gốc không quá ba tháng và chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua.

(d) Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác (trừ tiền gửi thanh toán) là tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có kỳ hạn gốc không quá ba tháng.

Cho vay các tổ chức tín dụng khác là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc không quá 12 tháng.

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác (trừ tiền gửi thanh toán) và cho vay các tổ chức tín dụng khác được phân ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác (trừ tiền gửi thanh toán) và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21 tháng 1 năm 2013 (“Thông tư 02”) do NHNNVN ban hành và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 3 năm 2014 (“Thông tư 09”) do NHNNVN ban hành về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02. Theo đó, Tập đoàn phân loại rủi ro tín dụng và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(g).

Theo Thông tư 02, Tập đoàn không phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

(e) Các công cụ tài chính phái sinh

Các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ và các hợp đồng hoán đổi tiền tệ

Các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ và các hợp đồng hoán đổi tiền tệ được ghi nhận theo giá trị thuần trong báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên giá trị hợp đồng. Chênh lệch giữa số lượng tiền tệ cam kết mua/bán theo tỷ giá ghi trên hợp đồng và số lượng tiền tệ cam kết mua/bán được quy đổi theo tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ và hợp đồng hoán đổi tiền tệ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hiệu lực của các hợp đồng này.

Số dư của hợp đồng kỳ hạn tiền tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao ngay vào cuối mỗi tháng. Lãi/lỗ chưa thực hiện tại ngày báo cáo hàng tháng được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào cuối kỳ kế toán năm.

(f) Cho vay khách hàng

Cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng. Dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể và dự phòng rủi ro tín dụng chung.

Cho vay ngắn hạn là các khoản cho vay có kỳ hạn đến một năm kể từ ngày giải ngân; cho vay trung hạn có kỳ hạn từ trên một năm đến năm năm kể từ ngày giải ngân và cho vay dài hạn có kỳ hạn trên năm năm kể từ ngày giải ngân.

Các khoản cho vay được dừng ghi nhận khi quyền lợi theo hợp đồng của Tập đoàn đối với các dòng tiền phát sinh từ các khoản vay này chấm dứt, hay khi Tập đoàn chuyển giao các khoản cho vay này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với khoản cho vay được chuyển giao cho bên khác.

Riêng đối với các khoản cho vay được bán cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (“VAMC”), Tập đoàn tiến hành xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán theo các hướng dẫn trong Công văn số 8499/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 11 năm 2013 (“Công văn 8499”) do NHNNVN ban hành và Công văn số 925/NHNN-TCKT ngày 19 tháng 2 năm 2014 (“Công văn 925”) do NHNNVN ban hành.

Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cho các khoản cho vay khách hàng được thực hiện theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như được trình bày tại Thuyết minh 3(g).

(g) Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

(i) Phân loại nợ

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác (trừ tiền gửi thanh toán), trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng (gọi chung là “các khoản nợ”), các khoản nợ đã bán nhưng chưa thu được tiền được thực hiện theo phương pháp dựa trên yếu tố định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 02.

(ii) Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể

Theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09, dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể tại cuối mỗi quý được xác định dựa trên tỷ lệ dự phòng tương ứng đối với kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày làm việc cuối cùng của mỗi quý (riêng đối với Quý 4, dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể được tính dựa trên kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày làm việc cuối cùng của tháng 11) trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn tính dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể dựa trên kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 11 năm 2017 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: dựa trên kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 11 năm 2016).

Mẫu B05/TCTD-HN

(g) Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể đối với từng nhóm nợ như sau

NHÓM	TÌNH HÌNH QUÁ HẠN	TỶ LỆ DỰ PHÒNG
1	Nợ đủ tiêu chuẩn (a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	0%
2	Nợ cần chú ý (a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn (a) Nợ quá hạn từ 91 đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc (c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: - Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc - Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc - Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng. (e) Nợ đang thu hồi theo kết luận thanh tra.	20%
4	Nợ nghi ngờ (a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng đã quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được.	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn (a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc (d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc (e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng đã quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (g) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNNVN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản.	100%

Đối với các khoản trả thay cam kết ngoại bảng, Ngân hàng phân loại nợ dựa trên số ngày quá hạn tính từ ngày Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ theo cam kết:

- Nhóm 3 – Nợ dưới tiêu chuẩn: nếu quá hạn dưới 30 ngày;
- Nhóm 4 – Nợ nghi ngờ: nếu quá hạn từ 30 ngày đến dưới 90 ngày;
- Nhóm 5 – Nợ có khả năng mất vốn: nếu quá hạn từ 90 ngày trở lên.

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng buộc phải phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Khi Ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, Ngân hàng thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối, các ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn và đánh giá của Ngân hàng.

Ngân hàng cũng thu thập kết quả phân loại nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng thuộc NHNNVN (“CIC”) cung cấp tại thời điểm phân loại nợ để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ. Trường hợp nợ và cam kết ngoại bảng của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Ngân hàng điều chỉnh kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Theo Công văn số 5482/NHNN-TTGSNH ngày 30 tháng 7 năm 2014 do NHNNVN ban hành hướng dẫn thực hiện Thông tư 02 và Thông tư 09, Ngân hàng không phải sử dụng kết quả phân loại nợ do CIC cung cấp đối với các khoản nợ đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Thông tư 02 còn trong hạn theo thời hạn đã được cơ cấu.

Giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm được xác định theo các quy định của Thông tư 02, cụ thể như sau:

- Tài sản bảo đảm có giá trị từ 50 tỷ VND trở lên đối với khoản nợ của khách hàng là bên có liên quan của Ngân hàng và các đối tượng khác theo quy định tại Điều 127 của Luật các tổ chức tín dụng và tài sản bảo đảm có giá trị từ 200 tỷ VND phải được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá; và
- Đối với các trường hợp khác các trường hợp nêu trên, tài sản bảo đảm được định giá theo quy định và quy trình nội bộ của Ngân hàng.

Mẫu B05/TCTD-HN

(g) Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với các tài sản bảo đảm được xác định như sau:

LOẠI TÀI SẢN BẢO ĐẢM	TỶ LỆ KHẤU TRỪ TỐI ĐA
(a) Tiền gửi của khách hàng bằng Đồng Việt Nam	100%
(b) Vàng miếng, trừ vàng miếng quy định tại điểm (i); tiền gửi của khách hàng bằng ngoại tệ	95%
(c) Trái phiếu Chính phủ, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá do Ngân hàng phát hành; thẻ tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành: • Có thời hạn còn lại dưới 1 năm • Có thời hạn còn lại từ 1 năm đến 5 năm • Có thời hạn còn lại trên 5 năm	95% 85% 80%
(d) Chứng khoán do các tổ chức tín dụng khác phát hành được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	70%
(e) Chứng khoán do doanh nghiệp khác phát hành được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	65%
(f) Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá, trừ các khoản quy định tại điểm (c), do tổ chức tín dụng có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành; Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá, trừ các khoản quy định tại điểm (c), do tổ chức tín dụng không có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	50% 30%
(g) Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá do doanh nghiệp có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành; Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá do doanh nghiệp không có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	30% 10%
(h) Bất động sản	50%
(i) Vàng miếng không có giá niêm yết, vàng khác và các loại tài sản bảo đảm khác	30%

Tài sản bảo đảm nào không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Khoản 3, Điều 12 của Thông tư 02 thì giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm đó phải xem như bằng không.

(iii) Dự phòng rủi ro tín dụng chung

Theo Thông tư 02, một khoản dự phòng rủi ro tín dụng chung cũng được trích lập với mức bằng 0,75% tổng số dư nợ gốc tại ngày làm việc cuối cùng của mỗi quý (riêng đối với Quý 4, dự phòng chung được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư nợ gốc tại ngày làm việc cuối cùng của tháng 11) của các khoản nợ trừ các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng và các khoản nợ được phân loại vào Nhóm nợ có khả năng mất vốn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Ngân hàng trích dự phòng rủi ro tín dụng chung dựa trên các số dư nêu trên tại ngày 30 tháng 11 năm 2017 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: dự phòng chung được trích lập dựa trên các số dư nêu trên tại ngày 30 tháng 11 năm 2016).

(iv) Xử lý nợ xấu

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, các khoản nợ sẽ được xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro sau khi được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi khách hàng vay bị phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức, doanh nghiệp), hoặc khi khách hàng vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân).

Các khoản nợ đã được xử lý rủi ro bằng nguồn dự phòng được ghi nhận vào tài khoản ngoại bảng phù hợp để theo dõi và thu nợ. Số tiền thu hồi được từ nợ đã xử lý rủi ro, kể cả số tiền thu hồi được từ việc xử lý tài sản bảo đảm, được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thu được.

(v) Dự phòng đối với các cam kết ngoại bảng

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, việc phân loại nợ các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng. Tập đoàn không cần trích lập dự phòng cho các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng, trừ khi Tập đoàn được yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ trả thay theo hợp đồng bảo lãnh, trong trường hợp đó, khoản trả thay được phân loại và trích lập dự phòng theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(g)(ii).

(h) Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Tập đoàn phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua là chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán hoặc chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Tập đoàn được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi phân loại lần đầu tại thời điểm mua.

(i) Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Phân loại

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được mua và nắm giữ trong thời hạn không ấn định trước và có thể được bán ra vào bất cứ thời điểm nào.

Ghi nhận

Tập đoàn ghi nhận chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán vào ngày Tập đoàn trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

Đo lường

Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng. Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng của trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được thực hiện theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09 như được trình bày tại Thuyết minh 3(g).

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, phí ngân hàng (nếu có). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá đang ghi nhận trên sổ sách và giá thị trường với số lỗ giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giá thị trường của chứng khoán sẵn sàng để bán đã niêm yết là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Giá thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("sàn UPCOM") là giá đóng cửa của sàn UPCOM tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Mẫu B05/TCTD-HN

Giá thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng được đăng ký giao dịch trên thị trường phi tập trung (“OTC”) là giá bình quân của các giá giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ VND.

Trong trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán, các chứng khoán này được hạch toán theo giá gốc.

Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ đầu tư sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của các chứng khoán đó, trường hợp chứng khoán đó được bán trước ngày đáo hạn thì giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu chưa phân bổ được ghi nhận toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại ngày bán.

Thu nhập lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi Tập đoàn mua sẽ được ghi giảm giá gốc khi nhận được.

Dự phòng rủi ro tín dụng của trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết và dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán khác được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng lên sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào được ghi nhận.

Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu các chứng khoán này.

(ii) *Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn*

Phân loại

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Ghi nhận

Tập đoàn ghi nhận chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn vào ngày Tập đoàn trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

Đo lường

Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng. Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được thực hiện theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09 như được trình bày trong Thuyết minh 3(g).

Các chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá được trích lập khi có dấu hiệu về sự giảm giá chứng khoán kéo dài hoặc có bằng chứng chắc chắn là Tập đoàn khó có thể thu hồi đầy đủ khoản đầu tư và Tập đoàn không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đối với những thay đổi giá trong ngắn hạn.

Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của các chứng khoán đó.

Thu nhập lãi sau khi mua của chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi Tập đoàn mua sẽ được ghi giảm giá gốc khi nhận được.

Dự phòng rủi ro tín dụng của trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết giữ đến ngày đáo hạn và dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào được ghi nhận.

Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu các chứng khoán này.

(iii) *Trái phiếu đặc biệt do Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (“VAMC”) phát hành*

Tập đoàn kế toán nghiệp vụ mua bán nợ bằng trái phiếu đặc biệt theo các hướng dẫn trong Công văn 8499 và Công văn 925.

Phân loại

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng và được phân loại là chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế phát hành được giữ đến ngày đáo hạn.

Ghi nhận

Trái phiếu đặc biệt được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và sau đó được phản ánh theo mệnh giá trừ dự phòng rủi ro.

Đo lường

Cho mỗi khoản nợ xấu được bán cho VAMC, Tập đoàn nhận được tương ứng một trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành. Mệnh giá trái phiếu đặc biệt tương ứng với giá trị ghi sổ dư nợ gốc của khoản nợ xấu sau khi khấu trừ số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng cho khoản nợ xấu đó.

Khi hoàn thành thủ tục mua bán nợ xấu, Tập đoàn ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản nợ xấu, sử dụng dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng và tất toán tài khoản ngoại bảng theo dõi lãi chưa thu được của khoản nợ xấu đó. Đồng thời, Tập đoàn ghi nhận trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành vào tài khoản chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành được giữ đến ngày đáo hạn.

Đối với các trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành, dự phòng cụ thể được tính và trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 6 tháng 9 năm 2013 (“Thông tư 19”) do NHNNVN ban hành quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của VAMC và Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2015 (“Thông tư 14”), Thông tư số 08/2016/TT-NHNN ngày 16 tháng 6 năm 2016 (“Thông tư 08”) và Thông tư số 09/2017/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 8 năm 2017 do NHNNVN ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 19. Theo đó, dự phòng cụ thể tối thiểu phải trích lập mỗi năm trong kỳ hạn của trái phiếu đặc biệt là khoản chênh lệch dương giữa 20% mệnh giá của trái phiếu đặc biệt đối với trái phiếu có kỳ hạn 5 năm trừ số tiền thu hồi nợ của khoản nợ xấu có liên quan. Riêng đối với các trái phiếu đặc biệt được gia hạn thời hạn từ 5 năm lên 10 năm theo các văn bản khác có liên quan của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Tập đoàn trích lập dự phòng cho khoản chênh lệch dương giữa 10% mệnh giá của trái phiếu đặc biệt trừ số tiền thu hồi nợ của khoản nợ xấu có liên quan. Hàng năm, trong thời hạn 5 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày trái phiếu đặc biệt đến hạn, Tập đoàn cần trích lập đủ số dự phòng cụ thể nói trên. Dự phòng rủi ro cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tập đoàn không phải trích lập dự phòng chung cho các trái phiếu đặc biệt này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

(i) Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty khác mà Tập đoàn không nắm quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại thời điểm đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư. Theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Dự phòng giảm giá được tính bằng tổng vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị được đầu tư trừ (-) vốn chủ sở hữu thực có nhân với (x) tỷ lệ sở hữu thực tế của Ngân hàng tại đơn vị đó. Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư đó tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào được ghi nhận.

(j) Tài sản có khác

(i) Tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu đang chờ xử lý

Tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu đang chờ xử lý là tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu cho Tập đoàn. Đối với các tài sản gán nợ chưa chuyển quyền sở hữu cho Tập đoàn, Tập đoàn theo dõi ngoại bảng.

(ii) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(iii) Các tài sản có khác

Các tài sản có khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng, được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng.

Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng được trích lập theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm.

Đối với các tài sản có quá hạn thanh toán, Tập đoàn áp dụng mức trích lập dự phòng theo thời gian quá hạn theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành, cụ thể như sau:

Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Tập đoàn sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

(k) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

☉ nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
☉ máy móc thiết bị	5 - 10 năm
☉ thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
☉ phương tiện vận chuyển	3 - 10 năm
☉ tài sản cố định khác	5 - 10 năm

(l) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn nhận chuyển nhượng hợp pháp. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới, mà phần mềm máy vi tính này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và được hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 10 năm.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

(n) Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác được phản ánh theo giá gốc.

(o) Tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi của khách hàng được phản ánh theo giá gốc.

(p) Phát hành giấy tờ có giá

Giấy tờ có giá đã phát hành được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của giấy tờ có giá đã phát hành bao gồm số tiền thu được từ việc phát hành trừ đi các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc phát hành.

(q) Phải trả khác

Các khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(r) Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi người lao động làm việc cho Tập đoàn từ 12 tháng trở lên (“người lao động đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC (“Thông tư 180”) hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Thông tư này quy định rằng khi lập báo cáo tài chính năm 2012, nếu nguồn quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp còn số dư, doanh nghiệp phải hạch toán tăng thu nhập khác năm 2012 và không được chuyển số dư quỹ sang năm sau sử dụng. Theo đó, Tập đoàn đã hoàn nhập số dư dự phòng trợ cấp thôi việc. Việc thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ năm 2012.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Bảo hiểm thất nghiệp do Tập đoàn đóng cho thời gian làm việc của nhân viên được ghi nhận vào chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

(s) Vốn

(i) Vốn điều lệ

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(iii) Cổ phiếu quỹ

Khi Ngân hàng mua lại cổ phiếu đã phát hành của chính Ngân hàng (“cổ phiếu quỹ”), tổng số tiền thanh toán, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu quỹ, sẽ ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Các cổ phiếu này được phân loại là cổ phiếu quỹ và được trình bày là một khoản giảm trừ tổng vốn chủ sở hữu.

Khi các cổ phiếu quỹ này được tái phát hành sau đó, số tiền nhận được sẽ được ghi nhận là khoản tăng vốn chủ sở hữu và chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá ghi sổ của cổ phiếu quỹ được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần.

(t) Các quỹ

(i) Quỹ dự trữ bắt buộc

NGÂN HÀNG

Trước ngày 25 tháng 9 năm 2017

Theo Nghị định 57, Ngân hàng phải trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	Phân bổ hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	25% vốn điều lệ

Từ ngày 25 tháng 9 năm 2017

Theo Nghị định 93, Ngân hàng phải trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	Phân bổ hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí; sử dụng cho các mục đích khác theo quy định của pháp luật. Các quỹ dự trữ bắt buộc này không được phép phân phối và được ghi nhận như là một phần của vốn chủ sở hữu.

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – công ty con

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2002 do Bộ Tài chính ban hành, việc trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc được thực hiện theo các quy định áp dụng cho Ngân hàng như mô tả ở trên.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

(t) Các quỹ (tiếp theo)

(ii) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi không do pháp luật quy định và được phép phân phối hết, chủ yếu được dùng để chi trả cho cán bộ, công nhân viên của Tập đoàn. Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và được ghi nhận trong nợ phải trả của Tập đoàn. Tỷ lệ trích lập do Đại hội đồng Cổ đông của Ngân hàng quyết định.

(iii) Các quỹ dự trữ khác

Các quỹ dự trữ khác bao gồm quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông của Ngân hàng. Các quỹ dự trữ này không do pháp luật quy định, được phép phân phối hết và được ghi nhận như là một phần của vốn chủ sở hữu.

(u) Các chỉ tiêu ngoại bảng

Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Tại từng thời điểm, Tập đoàn có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Tập đoàn cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Cam kết và các khoản nợ tiềm tàng có thể đáo hạn trước khi giải ngân một phần hoặc toàn bộ các khoản đã cam kết. Do đó, các khoản này không thể hiện một cam kết về dòng tiền chắc chắn trong tương lai.

(v) Thu nhập lãi

Tập đoàn ghi nhận thu nhập lãi trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được trình bày tại Thuyết minh 3(g) được ghi nhận khi Tập đoàn thực sự thu được. Khi một khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 như được trình bày tại Thuyết minh 3(g) thì số lãi dự thu được xuất toán và được ghi nhận ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản nợ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thu được.

(w) Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(x) Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ bao gồm phí nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ bảo lãnh, dịch vụ ngân quỹ và các dịch vụ khác. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(y) Chi phí hoạt động dịch vụ

Chi phí hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

(z) Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của Tập đoàn được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập và Tập đoàn chỉ cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(aa) Doanh thu bán tài sản

Doanh thu bán tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng tài sản bị trả lại.

(ab) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(ac) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ kế toán năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ kế toán, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(ad) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Ngân hàng chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(ae) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Mẫu B05/TCTD-HN

(af) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận cần báo cáo là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn được chia theo khu vực địa lý và mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu được chia theo hoạt động kinh doanh.

(ag) Các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Tập đoàn phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Tập đoàn có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các khoản cho vay và phải thu;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Tập đoàn phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(ah) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 do NHN-VN ban hành mà không được thể hiện trong báo cáo tài chính hợp nhất này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Mẫu B05/TCTD-HN

4. TIỀN MẶT, VÀNG

ĐVT: Triệu VNĐ

	31/12/2017	31/12/2016
Tiền mặt bằng VND	979.060	998.702
Tiền mặt bằng ngoại tệ	1.132.046	854.982
Vàng	171.094	166.376
	2.282.200	2.020.060

5. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Tiền gửi tại NHNNVN bao gồm quỹ dự trữ bắt buộc và tài khoản tiền gửi thanh toán.

Theo quy định của NHNNVN về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thà nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc. Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn tỷ lệ dự trữ bắt buộc nhân với bình quân số dư tiền gửi của tháng trước tại Ngân hàng như sau:

Tiền gửi tại Ngân hàng	Tỷ lệ dự trữ bắt buộc	
	31/12/2017	31/12/2016
Số dư tiền gửi bình quân tháng trước của:		
Khách hàng:		
• Tiền gửi bằng ngoại tệ có kỳ hạn dưới 12 tháng	8%	8%
• Tiền gửi bằng ngoại tệ có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	6%	6%
• Tiền gửi bằng VND có kỳ hạn dưới 12 tháng	3%	3%
• Tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	1%	1%
Tổ chức tín dụng nước ngoài:		
• Tiền gửi bằng ngoại tệ	1%	1%

ĐVT: Triệu VNĐ

	31/12/2017	31/12/2016
Tài khoản tiền gửi thanh toán và quỹ dự trữ bắt buộc		
• Bằng VND	2.620.235	3.058.005
• Bằng USD	656.772	707.274
	3.277.007	3.765.279

6. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

ĐVT: Triệu VNĐ

	31/12/2017	31/12/2016
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		
Tiền gửi không kỳ hạn		
• Bằng VND	310.499	117.215
• Bằng ngoại tệ	3.662.181	1.851.464
Tiền gửi có kỳ hạn		
• Bằng VND	10.044.490	4.546.212
• Bằng ngoại tệ	1.228.714	1.781.950
	15.245.884	8.296.841
Dự phòng rủi ro tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng khác (i)	-	(15.550)
	15.245.884	8.281.291
Cho vay các tổ chức tín dụng khác		
• Bằng VND	-	95.000
Dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác (ii)	-	(95.000)
	-	-
	15.245.884	8.281.291

Phân tích chất lượng dư nợ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác như sau:

ĐVT: Triệu VNĐ

	31/12/2017	31/12/2016
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	11.273.204	6.312.612
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	-	110.550
	11.273.204	6.423.162

Mẫu B05/TCTD-HN

6. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC (TIẾP THEO)

(i) Biến động dự phòng rủi ro tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng khác trong năm như sau:

ĐVT: Triệu VNĐ

	2017	2016
Số dư đầu năm	15.550	-
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh số 29)	-	15.550
Sử dụng dự phòng trong năm	(15.550)	-
Số dư cuối năm	-	15.550

(ii) Biến động dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác trong năm như sau:

ĐVT: Triệu VNĐ

	2017	2016
Số dư đầu năm	95.000	95.000
Sử dụng dự phòng trong năm	(95.000)	-
Số dư cuối năm	-	95.000

7. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

ĐVT: Triệu VNĐ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng)	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2017)	
		Tài sản	Công nợ
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ			
• Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	12.432.963	105.236	-
• Giao dịch hoán đổi tiền tệ	30.944.269	-	(74.962)
	43.377.232	105.236	(74.962)

ĐVT: Triệu VNĐ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng)	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2016)	
		Tài sản	Công nợ
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ			
• Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	475.481	-	(3.355)
• Giao dịch hoán đổi tiền tệ	10.275.173	13.196	-
	10.750.654	13.196	(3.355)

8. CHO VAY KHÁCH HÀNG

ĐVT: Triệu VNĐ

	31/12/2017	31/12/2016
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước	100.996.617	86.500.444
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	327.711	390.883
	101.324.328	86.891.327

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay khách hàng như sau:

ĐVT: Triệu VNĐ

	31/12/2017	31/12/2016
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	98.578.105	83.919.657
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	447.793	411.522
Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	884.448	1.069.988
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	352.827	357.925
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	1.061.155	1.132.235
	101.324.328	86.891.327

Mẫu B05/TCTD-HN

8. CHO VAY KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)

Phân tích dư nợ cho vay khách hàng theo thời hạn cho vay như sau:

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2017	31/12/2016
Nợ ngắn hạn	46.678.797	34.015.359
Nợ trung hạn	12.353.685	14.901.279
Nợ dài hạn	42.291.846	37.974.689
	101.324.328	86.891.327

Phân tích dư nợ cho vay khách hàng theo ngành nghề kinh doanh như sau:

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2017	31/12/2016
Dịch vụ cá nhân và cộng đồng	35.193.145	34.578.236
Thương mại	23.483.431	20.794.532
Dịch vụ tài chính	9.104.172	945.606
Sản xuất và gia công chế biến	8.042.712	6.892.794
Nông, lâm, ngư nghiệp	8.034.862	5.764.675
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước	5.851.546	5.773.962
Xây dựng	5.191.002	4.881.466
Kho bãi, giao thông vận tải và thông tin liên lạc	2.178.595	2.723.863
Hoạt động các tổ chức và đoàn thể quốc tế	1.365.313	1.278.498
Nhà hàng và khách sạn	1.025.557	1.425.265
Các hoạt động liên quan kinh doanh tài sản và dịch vụ tư vấn	788.241	665.135
Giáo dục và đào tạo	478.303	388.277
Y tế và hoạt động cứu trợ xã hội	236.430	303.795
Công nghiệp khai thác mỏ	186.063	289.607
Hoạt động khoa học và công nghệ	114.520	128.154
Hoạt động văn hóa, thể thao	50.436	57.462
	101.324.328	86.891.327

Phân tích dư nợ cho vay khách hàng theo đối tượng khách hàng và loại hình doanh nghiệp như sau:

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2017	31/12/2016
Cá nhân	48.586.979	39.840.054
Công ty trách nhiệm hữu hạn	28.662.847	22.550.382
Công ty cổ phần	11.082.242	11.120.501
Doanh nghiệp nhà nước	10.781.632	10.321.575
Doanh nghiệp tư nhân	1.296.011	2.139.490
Công ty 100% vốn nước ngoài	680.462	723.528
Kinh tế tập thể	174.605	153.802
Khác	59.550	41.995
	101.324.328	86.891.327

9. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng bao gồm:

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2017	31/12/2016
Dự phòng chung (i)	749.877	619.785
Dự phòng cụ thể (ii)	306.151	446.728
	1.056.028	1.066.513

(i) Biến động dự phòng chung của dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm như sau:

ĐVT: Triệu VND

	2017	2016
Số dư đầu năm	619.785	628.462
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm (Thuyết minh số 29)	130.092	(8.677)
	749.877	619.785

Mẫu B05/TCTD-HN

9. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)

(ii) Biến động dự phòng cụ thể của dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm như sau:

	ĐVT: Triệu VND	
	31/12/2017	31/12/2016
Số dư đầu năm	446.728	241.443
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh số 29)	337.725	687.862
Sử dụng dự phòng trong năm	(478.302)	(347.237)
Sử dụng dự phòng cho các khoản nợ được bán cho VAMC	-	(135.340)
Số dư cuối năm	306.151	446.728

10. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	ĐVT: Triệu VND	
	31/12/2017	31/12/2016
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
<i>Chứng khoán nợ</i>		
• Trái phiếu Chính phủ	9.425.292	9.354.769
<i>Chứng khoán vốn</i>		
• Do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	32.830	33.950
	9.458.122	9.388.719
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (i)	-	(379)
Số dư cuối năm	9.458.122	9.388.340

	ĐVT: Triệu VND	
	31/12/2017	31/12/2016
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)		
<i>Chứng khoán nợ</i>		
• Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước	2.000.000	-
• Trái phiếu Chính phủ	-	100.000
• Do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành – chưa niêm yết	4.000.000	3.500.000
• Do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành – chưa niêm yết	75.000	1.590.000
	6.075.000	5.190.000
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)		
• Dự phòng rủi ro tín dụng chung (ii)	-	(11.363)
	6.075.000	5.178.637

	ĐVT: Triệu VND	
	31/12/2017	31/12/2016
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành (iii)		
• Mệnh giá trái phiếu đặc biệt	5.991.568	7.029.500
• Dự phòng trái phiếu đặc biệt	(1.504.584)	(1.400.520)
	4.486.984	5.628.980
	20.020.106	20.195.957

(i) Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán trong năm như sau:

	ĐVT: Triệu VND	
	2017	2016
Số dư đầu năm	379	-
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh số 25)	(379)	379
Số dư cuối năm	-	379

Mẫu B05/TCTD-HN

10. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (TIẾP THEO)

(ii) Biến động dự phòng rủi ro tín dụng chung của chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn trong năm như sau:

ĐVT: Triệu VND

	2017	2016
Số dư đầu năm	11.363	38.422
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh số 29)	(11.363)	(27.059)
Số dư cuối năm	-	11.363

(iii) Đây là trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành nhằm mua lại các khoản nợ xấu của Tập đoàn với tổng giá trị nợ gốc được mua là 6.301.906 triệu VND (31/12/2016: 7.378.530 triệu VND). Tính đến thời điểm bán nợ cho VAMC, dự phòng rủi ro cụ thể đã được Tập đoàn trích lập cho các khoản nợ này là 310.339 triệu VND (31/12/2016: 349.030 triệu VND).

Biến động dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành trong năm như sau:

ĐVT: Triệu VND

	2017	2016
Số dư đầu năm	1.400.520	979.130
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh số 29)	340.266	474.543
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh số 29)	(192.144)	(53.153)
Sử dụng dự phòng trong năm	(44.058)	-
Số dư cuối năm	1.504.584	1.400.520

11. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2017	31/12/2016
Đầu tư vào cổ phiếu của các tổ chức tín dụng khác trong nước		
• Đã niêm yết	1.214.861	1.672.663
Đầu tư vào cổ phiếu của các tổ chức kinh tế trong nước		
• Đã niêm yết	52.483	52.483
• Chưa niêm yết	212.719	212.719
	1.480.063	1.937.865
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (i)	(102.854)	(81.057)
	1.377.209	1.856.808

(i) Biến động dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn trong năm như sau:

ĐVT: Triệu VND

	2017	2016
Số dư đầu năm	81.057	161.811
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh số 27)	21.797	4.952
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh số 27)	-	(85.706)
Số dư cuối năm	102.854	81.057

Mẫu B05/TCTD-HN

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

ĐVT: Triệu VND

2017	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	464.864	610.223	232.196	46.165	581.640	1.935.088
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	963	58.815	829	773	5.707	67.087
Chuyển từ tài sản có khác	499	-	-	-	-	499
Phân loại lại	(2.858)	(646)	(983)	-	4.487	-
Thanh lý	(22.836)	(3.102)	(15.832)	(606)	(275)	(42.651)
Số dư cuối năm	440.632	665.290	216.210	46.332	591.559	1.960.023
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	52.626	413.382	175.031	35.715	403.836	1.080.590
Khấu hao trong năm	10.917	48.725	19.788	3.286	41.875	124.591
Phân loại lại	(582)	(335)	(196)	-	1.113	-
Thanh lý	(10.513)	(3.102)	(15.832)	(606)	(275)	(30.328)
Số dư cuối năm	52.448	458.670	178.791	38.395	446.549	1.174.853
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	412.238	196.841	57.165	10.450	177.804	854.498
Số dư cuối năm	388.184	206.620	37.419	7.937	145.010	785.170

ĐVT: Triệu VND

2016	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	605.215	598.159	231.850	42.949	555.074	2.033.247
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.049	12.573	10.749	3.372	26.666	59.409
Phân loại sang tài sản có khác	(90.301)	-	-	-	-	(90.301)
Phân loại lại	(53.207)	157	5.733	(37)	(14)	(47.368)
Thanh lý	(2.892)	(666)	(16.136)	(119)	(86)	(19.899)
Số dư cuối năm	464.864	610.223	232.196	46.165	581.640	1.935.088
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	28.297	357.824	163.272	32.506	346.324	928.223
Khấu hao trong năm	10.800	56.358	24.855	3.328	57.365	152.706
Phân loại lại	13.529	(217)	2.398	-	222	15.932
Thanh lý	-	(583)	(15.494)	(119)	(75)	(16.271)
Số dư cuối năm	52.626	413.382	175.031	35.715	403.836	1.080.590
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	576.918	240.335	68.578	10.443	208.750	1.105.024
Số dư cuối năm	412.238	196.841	57.165	10.450	177.804	854.498

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, bao gồm trong tài sản cố định hữu hình là các tài sản có nguyên giá 622.769 triệu VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2016: 394.083 triệu VND).

Mẫu B05/TCTD-HN

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

ĐVT: Triệu VND

2017	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	2.461.195	160.405	2.621.600
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	9.531	9.531
Chuyển từ tài sản cố khác	17.713	-	17.713
Thanh lý	(97.820)	-	(97.820)
Số dư cuối năm	2.381.088	169.936	2.551.024
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	108.169	108.169
Khấu hao trong năm	-	13.831	13.831
Số dư cuối năm	-	122.000	122.000
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	2.461.195	52.236	2.513.431
Số dư cuối năm	2.381.088	47.936	2.429.024

ĐVT: Triệu VND

2016	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	3.582.433	147.837	3.730.270
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	85.604	12.568	98.172
Phân loại sang tài sản cố khác	(1.229.028)	-	(1.229.028)
Phân loại lại	66.737	-	66.737
Thanh lý	(44.551)	-	(44.551)
Số dư cuối năm	2.461.195	160.405	2.621.600
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	94.667	94.667
Khấu hao trong năm	-	13.502	13.502
Số dư cuối năm	-	108.169	108.169
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	3.582.433	53.170	3.635.603
Số dư cuối năm	2.461.195	52.236	2.513.431

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, bao gồm trong tài sản cố định vô hình là các tài sản cố nguyên giá 67.462 triệu VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2016: 48.329 triệu VND).

14. TÀI SẢN CÓ KHÁC

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2017	31/12/2016
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (i)		
• Tạm ứng mua sắm bất động sản	409.929	355.364
• Chi phí xây dựng công trình	287.591	284.868
	697.520	640.232
Các khoản phải thu		
• Phải thu từ chuyển nhượng trái phiếu	176.090	-
• Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần (ii)	141.310	285.859
• Phải thu từ chuyển nhượng khoản đầu tư dài hạn	115.470	-
• Các khoản phải thu trong hoạt động thanh toán thẻ	82.537	43.313
• Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ	81.269	53.315
• Các khoản phải thu trong cho vay hỗ trợ lãi suất	38.451	38.451
• Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp ở nước ngoài chờ tất toán	23.332	23.362
• Đặt cọc thuê nhà và ký quỹ hoạt động khác	19.777	22.063
• Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	6.036	5.035
• Phải thu cổ tức bằng tiền mặt	5.865	5.865
• Tạm ứng thu nợ chờ tất toán	254	1.398
• Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa (Thuyết minh số 20)	-	50.630
• Phải thu từ xử lý nợ của Vinashin (iii)	-	43.750
• Các khoản phải thu khác	67.767	57.814
	758.158	630.855
Các khoản lãi, phí phải thu		
	993.424	840.414
Tài sản Có khác		
• Tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu, đang chờ xử lý	1.139.800	1.296.359
• Chi phí chờ phân bổ	56.806	49.294
• Vật liệu, công cụ lao động	14.703	19.064
• Thanh toán giữa các tổ chức tín dụng	-	9.336
	1.211.309	1.374.053
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		
	(6.031)	(6.025)
	3.654.380	3.479.529

Mẫu B05/TCTD-HN

14. TÀI SẢN CÓ KHÁC (TIẾP THEO)

(i) Biến động của chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

ĐVT: Triệu VND

	2017	2016
Số dư đầu năm	640.232	611.021
Tăng trong năm	165.185	200.246
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(67.087)	(59.409)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(9.531)	(98.172)
Chuyển sang tài sản có khác	(9.914)	(13.454)
Xóa sổ	(3.675)	-
Thanh lý	(17.690)	-
Số dư cuối năm	697.520	640.232

(ii) Đây là các khoản phải thu từ việc chuyển nhượng cổ phần của hai công ty mà Tập đoàn đã đầu tư. Các khoản phải thu này sẽ đáo hạn trong năm 2018 và năm 2019.

(iii) Đây là khoản phải thu từ việc xử lý nợ vay của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu Thủy (Vinashin) theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và được phân bổ vào chi phí đến hết năm 2017.

Phân tích chất lượng tài sản Có khác được phân loại là tài sản Có rủi ro tín dụng:

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2017	31/12/2016
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	1.739.261	1.364.431
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	-	107
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	6.031	49.668
	1.745.292	1.414.206

15. CÁC KHOẢN NỢ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2017	31/12/2016
Vay NHNNVN		
• Bằng VND	55.717	1.111.672

16. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2017	31/12/2016
Tiền gửi không kỳ hạn		
• Bằng VND	154.463	80.900
• Bằng ngoại tệ	15.921	12.645
Tiền gửi có kỳ hạn		
• Bằng VND	3.143.600	795.240
• Bằng ngoại tệ	4.383.256	4.233.550
	7.697.240	5.122.335
Tiền vay		
• Bằng ngoại tệ	3.559.190	1.362.000
	11.256.430	6.484.335

17. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2017	31/12/2016
Tiền gửi không kỳ hạn		
• Bằng VND	12.236.421	11.157.315
• Bằng ngoại tệ	3.394.044	3.061.176
Tiền gửi có kỳ hạn		
• Bằng VND	21.409.041	16.809.835
• Bằng ngoại tệ	394.090	447.720
Tiền gửi tiết kiệm		
• Bằng VND	74.725.680	64.618.248
• Bằng ngoại tệ	4.456.703	5.345.732
Tiền gửi vốn chuyên dùng		
• Bằng VND	323.867	215.912
• Bằng ngoại tệ	34.359	17.240
Tiền gửi ký quỹ		
• Bằng VND	522.836	628.298
• Bằng ngoại tệ	42.655	50.018
	117.539.696	102.351.494

Mẫu B05/TCTD-HN

17. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng và loại hình doanh nghiệp như sau:

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2017	31/12/2016
Cá nhân	87.606.899	77.039.085
Công ty cổ phần	10.357.745	8.481.254
Công ty trách nhiệm hữu hạn	8.633.092	6.980.180
Doanh nghiệp nhà nước	5.660.620	5.413.294
Công ty 100% vốn nước ngoài	4.597.749	3.873.317
Doanh nghiệp tư nhân	106.316	113.467
Các đối tượng khác	577.275	450.897
	117.539.696	102.351.494

18. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2017	31/12/2016
Chứng chỉ tiền gửi		
• Từ 5 năm trở lên	3.000.000	3.000.000

Các giấy tờ có giá được phát hành theo mệnh giá.

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CÔNG NỢ KHÁC

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2017	31/12/2016
Các khoản phải trả nội bộ		
• Các khoản phải trả nhân viên	5.810	12.404
• Các khoản phải trả nội bộ khác	523	594
Các khoản phải trả bên ngoài		
• Phải trả tiền mua chứng khoán	407.830	-
• Các khoản phải trả trong dịch vụ thanh toán thẻ	275.997	106.089
• Các khoản thuế phải nộp Nhà nước (Thuyết minh số 20)	130.116	15.912
• Các khoản phải trả trong nghiệp vụ L/C	117.148	116.609
• Chuyển tiền phải trả	60.951	50.258
• Các khoản phải trả NHNNVN trong cho vay hỗ trợ lãi suất	29.806	29.863
• Các khoản phải trả trong nghiệp vụ xử lý nợ	4.173	4.747
• Cổ tức phải trả	2.465	2.484
• Phải trả khác	51.135	50.487
Quỹ khen thưởng và phúc lợi (i)	27.437	15.862
	1.113.391	405.309

(i) Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

ĐVT: Triệu VND

	2017	2016
Số dư đầu năm	15.862	24.375
Trích lập từ lợi nhuận sau thuế (Thuyết minh số 21)	30.000	-
Sử dụng trong năm	(11.410)	(8.513)
Biến động khác	(7.015)	-
Số dư cuối năm	27.437	15.862

20. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

ĐVT: Triệu VND

2017	Số dư đầu năm	Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(50.630)	194.749	(32.520)	111.599
Thuế giá trị gia tăng phải trả	9.618	68.516	(67.850)	10.284
Thuế thu nhập cá nhân	6.294	56.262	(54.323)	8.233
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	14.320	(14.320)	-
Các loại thuế khác	-	5.822	(5.822)	-
	(34.718)	339.669	(174.835)	130.116

ĐVT: Triệu VND

2016	Số dư đầu năm	Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(129.561)	81.698	(2.767)	(50.630)
Thuế giá trị gia tăng phải trả	9.309	70.688	(70.379)	9.618
Thuế thu nhập cá nhân	6.419	49.694	(49.819)	6.294
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	9.475	(9.475)	-
Các loại thuế khác	-	6.429	(6.429)	-
	(113.833)	217.984	(138.869)	(34.718)

Mẫu B05/TCTD-HN

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

(a) Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu

ĐVT: Triệu VND

2017	Vốn điều lệ	Vốn đầu tư XDCB và mua sắm TSCĐ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối/ (lỗ lũy kế)	Tổng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	12.355.229	15.396	156.322	(78.273)	517.338	995.852	326	(817.469)	13.144.721
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	308.932	308.932
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	15.371	30.741	-	(46.112)	-
Sử dụng các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	(5.225)	-	-	(5.225)
Hoàn nhập từ các quỹ đã được trích lập cho các năm trước	-	-	-	-	(31.195)	(60.354)	-	91.549	-
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	-	(9)	(9)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	12.355.229	15.396	156.322	(78.273)	501.514	961.014	326	(463.109)	13.448.419
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	822.830	822.830
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	41.408	82.815	-	(124.223)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(68)	-	-	(68)
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(30.000)	(30.000)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	-	10.000	10.000
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	12.355.229	15.396	156.322	(78.273)	542.922	1.043.761	326	215.498	14.251.181

(b) Vốn điều lệ

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2017		31/12/2016	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá	Số cổ phiếu	Mệnh giá
Vốn điều lệ được duyệt	1.235.522.904	12.355.229	1.235.522.904	12.355.229
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.235.522.904	12.355.229	1.235.522.904	12.355.229
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(6.090.000)	(60.900)	(6.090.000)	(60.900)
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.229.432.904	12.294.329	1.229.432.904	12.294.329

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Ngân hàng. Các cổ đông có quyền nhận cổ tức mà Ngân hàng công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Ngân hàng. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Ngân hàng mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

22. THU NHẬP LÃI THUẦN

ĐVT: Triệu VND

	2017	2016
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự từ		
• Cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng khác	7.544.254	6.887.042
• Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	232.227	105.716
• Chứng khoán đầu tư	1.064.833	1.198.748
• Nghiệp vụ bảo lãnh	87.332	91.519
• Thu nhập khác từ hoạt động tín dụng	22.003	27.548
	8.950.649	8.310.573
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự cho		
• Tiền gửi của khách hàng và các tổ chức tín dụng khác	(5.796.571)	(4.802.285)
• Vay ngân hàng nhà nước và các tổ chức tín dụng khác	(63.640)	(27.901)
• Chứng chi tiền gửi	(397.505)	(390.862)
• Chi phí khác cho hoạt động tín dụng	(25.115)	(7.446)
	(6.282.831)	(5.228.494)
Thu nhập lãi thuần	2.667.818	3.082.079

Mẫu B05/TCTD-HN

23. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

ĐVT: Triệu VND

	2017	2016
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		
• Dịch vụ thanh toán	502.461	493.489
• Dịch vụ ngân quỹ	41.857	42.326
• Dịch vụ khác	74.770	75.132
	619.088	610.947
Chi phí hoạt động dịch vụ		
• Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	(204.162)	(219.644)
• Cước phí bưu điện, mạng viễn thông	(44.151)	(38.260)
• Vận chuyển, bốc xếp tiền	(8.658)	(7.294)
• Hoa hồng môi giới	(10.314)	(12.583)
• Các dịch vụ khác	(20.609)	(33.314)
	(287.894)	(311.095)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	331.194	299.852

24. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

ĐVT: Triệu VND

	2017	2016
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		
• Lãi từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	1.617.017	1.296.010
• Lãi từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	216.063	289.365
• Lãi từ kinh doanh vàng	103.295	330.741
	1.936.375	1.916.116
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối		
• Lỗ từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(1.350.704)	(1.034.974)
• Lỗ từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(278.912)	(343.282)
• Lỗ từ kinh doanh vàng	(78.927)	(278.021)
	(1.708.543)	(1.656.277)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	227.832	259.839

25. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

ĐVT: Triệu VND

	2017	2016
Lãi từ mua bán chứng khoán đầu tư	62.705	27.388
Lỗ từ mua bán chứng khoán đầu tư	(463)	(2.284)
Trích lập dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư (Thuyết minh số 10(i))	-	(379)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư (Thuyết minh số 10(i))	379	-
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	62.621	24.725

26. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

ĐVT: Triệu VND

	2017	2016
Thu nhập từ hoạt động khác		
Thu từ các khoản nợ đã được xử lý trước đây	441.114	57.777
Thu từ thanh lý quyền sử dụng đất và tài sản cố định khác	241.958	81.027
• Quyền sử dụng đất	89.709	46.838
• Tài sản cố định	5.726	9.400
• Tài sản gán nợ khác	146.523	24.789
Thu nhập khác	15.660	3.088
	698.732	141.892
Chi phí hoạt động khác		
Giá trị ghi sổ của quyền sử dụng đất và tài sản cố định khác được thanh lý	(216.939)	(71.154)
• Quyền sử dụng đất	(91.295)	(44.466)
• Tài sản cố định	(12.323)	(3.439)
• Tài sản gán nợ khác	(113.321)	(23.249)
Chi phí khác	(50.683)	(2.868)
	(267.622)	(74.022)
Lãi thuần từ hoạt động khác	431.110	67.870

Mẫu B05/TCTD-HN

27. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

ĐVT: Triệu VNĐ

	2017	2016
Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia trong năm từ:	3.267	345
• Chứng khoán vốn đầu tư sẵn sàng để bán	2.311	-
• Góp vốn, đầu tư dài hạn	956	345
Lãi/(lỗ) từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	126.178	(80.554)
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (Thuyết minh số 11(i))	(21.797)	(4.952)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (Thuyết minh số 11(i))	-	85.706
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	107.648	545

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

ĐVT: Triệu VNĐ

	2017	2016
1. Chi phí cho nhân viên:	1.261.055	1.172.904
Trong đó:		
• Chi lương và phụ cấp	1.061.228	1.004.504
• Chi đóng góp theo lương	81.017	79.362
• Chi ăn ca	67.291	65.828
• Chi trợ cấp	19.897	5.079
• Chi y tế	8.136	4.764
• Chi trang phục và phương tiện bảo hộ lao động	350	13.367
• Chi khác	23.136	-
2. Chi về tài sản	448.982	483.102
Trong đó:		
• Chi phí thuê tài sản	200.630	199.857
• Chi phí khấu hao tài sản cố định	138.422	166.208
• Bảo dưỡng và sửa chữa tài sản	85.480	82.371
• Mua sắm công cụ lao động	22.512	32.293
• Chi bảo hiểm tài sản	1.938	2.373
3. Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	114.043	96.394
4. Chi hội nghị, lễ tân, khánh tiết	70.154	72.192
5. Chi điện nước, vệ sinh cơ quan	51.232	50.424
6. Chi dự phòng rủi ro khác	43.756	43.774
7. Chi xuất bản tài liệu, quảng cáo	38.319	54.832
8. Chi vật liệu, giấy tờ in	35.726	36.248
9. Công tác phí	21.546	18.901
10. Chi bưu phí và điện thoại	9.794	10.181
11. Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	8.253	15.428
12. Chi phí mua tài liệu sách báo	6.174	5.867
13. Chi phí thuê chuyên gia	3.565	10.813
14. Chi đào tạo, huấn luyện	3.273	3.565
15. Chi phí cho việc thanh tra, kiểm tra	1.694	1.752
16. Các khoản chi phí khác	88.502	178.837
Chi phí hoạt động	2.206.068	2.255.214

29. CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

ĐVT: Triệu VNĐ

	2017	2016
Trích lập dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác (Thuyết minh số 6(i))	-	15.550
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng chung cho vay khách hàng (Thuyết minh số 9(i))	130.092	(8.677)
Trích lập dự phòng cụ thể cho vay khách hàng (Thuyết minh số 9(ii))	337.725	687.862
Hoàn nhập dự phòng rủi ro tín dụng chung các chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 10(ii))	(11.363)	(27.059)
Trích lập dự phòng cho trái phiếu đặc biệt (Thuyết minh số 10(iii))	340.266	474.543
Hoàn nhập dự phòng cho trái phiếu đặc biệt (Thuyết minh số 10(iii))	(192.144)	(53.153)
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	604.576	1.089.066

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

ĐVT: Triệu VNĐ

	2017	2016
Chi phí thuế TNDN hiện hành	194.749	81.698
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
Chi phí thuế TNDN	194.749	81.698

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

ĐVT: Triệu VNĐ

	2017	2016
Lợi nhuận trước thuế	1.017.579	390.630
Các khoản mục điều chỉnh:		
• Thu nhập không chịu thuế	(9.347)	-
• Chi phí không được khấu trừ thuế	12.590	17.536
• Dự phòng chứng khoán đầu tư trên Báo cáo tài chính hợp nhất	5.320	(1.524)
Thu nhập chịu thuế	1.026.142	406.642
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	205.228	81.328
Thuế trích thiếu trong những năm trước	-	370
Thuế trích thừa trong những năm trước	(10.479)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	194.749	81.698

Mẫu B05/TCTD-HN

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Ngân hàng và Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam là 20%.

Việc tính toán thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào xem xét và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Ngân hàng là 822.830 triệu VND (2016: 308.932 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 1.229.432.904 (2016: 1.229.432.904), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

ĐVT: Triệu VND

	2017	2016
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	822.830	308.932

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

ĐVT: Cổ phiếu

	2017	2016
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm	1.229.432.904	1.229.432.904

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

ĐVT: VND

	2017	2016
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	669	251

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 2016, Ngân hàng không có bất kỳ loại cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào. Do vậy, yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

32. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2017	31/12/2016
Tiền mặt, vàng	2.282.200	2.020.060
Tiền gửi tại NHNNVN	3.277.007	3.765.279
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có kỳ hạn gốc không quá ba tháng	15.245.884	8.281.291
Chứng khoán có thời hạn thu hồi dưới 3 tháng kể từ ngày mua	2.000.000	-
	22.805.091	14.066.630

33. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

ĐVT: Triệu VND

	2017	2016
Tổng số nhân viên bình quân trong năm	5.936	6.010
Thu nhập của nhân viên		
1. Lương	1.061.228	1.004.504
2. Thưởng	7.961	8.170
3. Thu nhập khác	67.291	65.828
4. Tổng thu nhập (4=1+2+3)	1.136.480	1.078.502
Tiền lương bình quân hàng tháng/nhân viên	15	14
Thu nhập bình quân hàng tháng/nhân viên	16	15

34. LOẠI HÌNH VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN BẢO ĐẢM NHẬN TỪ KHÁCH HÀNG

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2017	31/12/2016
Bất động sản	135.367.663	112.791.441
Cổ phiếu và giấy tờ có giá	17.024.205	14.982.604
Máy móc và thiết bị	14.995.501	15.226.619
Hàng tồn kho	708.905	705.539
Tài sản khác	27.495.470	28.259.473
	195.591.744	171.965.676

Ngoại trừ tài sản bảo đảm có giá trị nhỏ được định giá bởi các chi nhánh, tài sản bảo đảm được định giá bởi Trung tâm Thẩm định Giá Tài sản trực thuộc Hội sở chính của Ngân hàng. Đối với các tài sản bảo đảm (i) có giá trị từ 50 tỷ VND trở lên đối với khoản nợ của khách hàng là người có liên quan của Tập đoàn và các đối tượng bị hạn chế cấp tín dụng theo quy định tại Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng, hoặc (ii) có giá trị từ 200 tỷ VND trở lên, Tập đoàn sử dụng dịch vụ định giá tài sản của các tổ chức có chức năng thẩm định giá độc lập theo danh sách được chấp thuận bởi Tổng Giám đốc Ngân hàng.

Mẫu B05/TCTD-HN

35. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2017		31/12/2016			
	Giá trị theo hợp đồng – gộp	Tiền gửi ký quỹ	Giá trị theo hợp đồng – thuần	Giá trị theo hợp đồng – gộp		Tiền gửi ký quỹ
Bảo lãnh vay vốn	8.061	-	8.061	37.181	-	37.181
Cam kết giao dịch hối đoái	67.636.042	-	67.636.042	30.121.833	-	30.121.833
Trong đó:						
• Cam kết mua ngoại tệ	2.379.058	-	2.379.058	2.265.219	-	2.265.219
• Cam kết bán ngoại tệ	1.623.301	-	1.623.301	648.175	-	648.175
• Cam kết giao dịch hoán đổi tiền tệ	63.633.683	-	63.633.683	27.208.439	-	27.208.439
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	3.244.725	(147.178)	3.097.547	2.610.340	(162.468)	2.447.872
Bảo lãnh khác	3.204.309	(152.544)	3.051.765	2.943.896	(207.917)	2.735.979
Cam kết khác	165.222	-	165.222	165.441	-	165.441

36. GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm và trong năm như sau:

ĐVT: Triệu VND

Số dư cuối năm	31/12/2017		31/12/2016	
	Phải thu/(Phải trả)			
Các cổ đông lớn				
Tiền gửi từ các cổ đông lớn	(1.397.271)		(1.830.566)	
Vay từ các cổ đông lớn	(1.065.490)		(454.000)	
Tiền gửi tại các cổ đông lớn	1.849.452		736.132	
Các bên liên quan khác (*)				
Tiền gửi từ các bên liên quan khác	(86.463)		(264.466)	
Lãi phải trả cho các bên liên quan khác	(625)		(6.873)	
Cho các bên liên quan khác vay	2.637		156.785	
Lãi phải thu các bên liên quan khác	-		1.495	

Giao dịch phát sinh trong năm	2017		2016	
	Thu nhập/(Chi phí)			
Các cổ đông lớn				
Thu nhập lãi	898		902	
Chi phí lãi	(22.332)		(14.533)	
Các bên liên quan khác (*)				
Thu nhập lãi	176		3.748	
Chi phí lãi	(6.065)		(6.440)	
Thù lao trả cho các Thành viên Hội đồng Quản trị (**)	(21.175)		-	
Thù lao trả cho Ban Kiểm soát (**)	(4.500)		-	
Tiền lương và phụ cấp trả cho Ban Tổng Giám đốc	(38.285)		(40.560)	

(*) Các bên liên quan khác bao gồm những nhân sự quản lý chủ chốt là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân này và những doanh nghiệp do các cá nhân này nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Tập đoàn.

(**) Thù lao trả cho các Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm 2017 bao gồm khoản thù lao cho năm 2016 với số tiền là 14.500 triệu VND đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

37. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG CỦA TÀI SẢN, NỢ PHẢI TRẢ VÀ CÁC CAM KẾT NGOẠI BẢNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

ĐVT: Triệu VND

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017									
	Cho vay khách hàng – gộp	Tiền gửi của khách hàng	Phát hành giấy tờ có giá	Nợ tiềm tàng và các cam kết tín dụng – gộp	Chứng khoán đầu tư – gộp	Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác – gộp	Tiền gửi và vay từ các TCTD khác	Công cụ tài chính phái sinh (Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)	
Trong nước	101.324.328	116.283.545	3.000.000	6.444.948	21.524.690	1.480.063	12.983.029	8.150.640	43.374.571	
Nước ngoài	-	1.256.151	-	12.147	-	-	2.262.855	3.105.790	2.661	
	101.324.328	117.539.696	3.000.000	6.457.095	21.524.690	1.480.063	15.245.884	11.256.430	43.377.232	

Mẫu B05/TCTD-HN

37. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG CỦA TÀI SẢN, NỢ PHẢI TRẢ VÀ CÁC CAM KẾT NGOẠI BẢNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

ĐVT: Triệu VNĐ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Cho vay khách hàng – gộp	Tiền gửi của khách hàng	Phát hành giấy tờ có giá	Nợ tiềm tàng và các cam kết tín dụng – gộp	Chứng khoán đầu tư – gộp	Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác – gộp	Tiền gửi và vay từ các TCTD khác	Công cụ tài chính phái sinh (Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)
Trong nước	86.891.327	101.104.909	3.000.000	5.589.633	21.608.219	1.937.865	7.123.099	5.235.835	8.896.857
Nước ngoài	-	1.246.585	-	1.784	-	-	1.268.742	1.248.500	1.853.797
	86.891.327	102.351.494	3.000.000	5.591.417	21.608.219	1.937.865	8.391.841	6.484.335	10.750.654

38. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Rủi ro luôn luôn tiềm ẩn trong hoạt động của Tập đoàn, và được quản lý thông qua các quy trình phát hiện, đánh giá và kiểm soát thường xuyên tùy thuộc vào giới hạn rủi ro và các kiểm soát khác. Quy trình quản lý rủi ro là then chốt đối với khả năng sinh lợi của Tập đoàn và mỗi cá nhân trong Tập đoàn có trách nhiệm ngăn chặn các rủi ro liên quan đến quyền hạn công việc của họ. Tập đoàn đối mặt với các loại rủi ro như: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường (được phân loại thành rủi ro kinh doanh và rủi ro không liên quan đến kinh doanh). Ngoài ra, Tập đoàn cũng chịu rủi ro hoạt động.

Quy trình kiểm soát rủi ro độc lập không bao gồm các rủi ro kinh doanh chẳng hạn như những thay đổi của môi trường, công nghệ và ngành nghề. Những rủi ro này được kiểm soát bởi quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược của Tập đoàn.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Cơ cấu quản lý rủi ro

Cơ cấu quản lý rủi ro của Tập đoàn bao gồm Hội đồng Quản trị, Ủy ban Quản lý rủi ro, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng, lãnh đạo các đơn vị kinh doanh và các phòng có chức năng quản lý rủi ro tại Hội sở chính của Ngân hàng.

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Tập đoàn.

Ủy ban Quản lý Rủi ro

Ủy ban Quản lý Rủi ro tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị liên quan đến quản lý rủi ro trong hoạt động của Tập đoàn.

Ủy ban Quản lý Rủi ro phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Tập đoàn trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.

Ủy ban Quản lý Rủi ro xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Tập đoàn để đưa ra các khuyến nghị, đề xuất đối với Hội đồng Quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm kiểm soát quy trình quản lý rủi ro tổng quát trong Tập đoàn.

Kiểm toán nội bộ

Theo kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm, các quy trình hoạt động của Tập đoàn sẽ được kiểm toán bởi bộ phận kiểm toán nội bộ nhằm kiểm tra tính đầy đủ và tính tuân thủ của các thủ tục. Kiểm toán nội bộ thảo luận kết quả đánh giá với Ban Tổng Giám đốc và báo cáo những phát hiện và đề xuất lên Ban Kiểm soát.

Hệ thống báo cáo và đo lường rủi ro

Rủi ro của Tập đoàn được đo lường bằng cách sử dụng phương pháp phân tích cả những tổn thất dự đoán được gần như phát sinh trong các trường hợp thông thường và những tổn thất không dự đoán được mà chỉ là những ước tính những tổn thất thực tế sau cùng dựa trên những mô hình thống kê.

Việc theo dõi và quản lý rủi ro chủ yếu được thực hiện dựa trên những hạn mức được thiết lập bởi Tập đoàn và tuân thủ các quy định an toàn của NHNNVN. Những hạn mức này phản ánh chiến lược kinh doanh và môi trường thị trường của Tập đoàn cũng như mức độ rủi ro mà Tập đoàn sẵn sàng chấp nhận.

Các thông tin kết hợp từ hoạt động kinh doanh được kiểm tra và xử lý để nhằm phân tích, kiểm soát và phát hiện sớm hơn các rủi ro. Thông tin này được trình bày và giải thích cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các Trưởng phòng ban. Báo cáo bao gồm tổng hạn mức rủi ro tín dụng, dự báo hệ thống lượng hóa rủi ro tín dụng, các ngoại lệ hạn mức, các chỉ số thanh khoản và thay đổi hồ sơ rủi ro. Ban lãnh đạo sẽ đánh giá tính thích hợp của việc lập dự phòng cho những tổn thất tín dụng hàng quý. Ban lãnh đạo sẽ nhận được báo cáo tổng hợp mỗi quý cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết cho việc đánh giá và đưa ra kết luận về rủi ro của Tập đoàn.

Đối với tất cả các cấp trong Tập đoàn, các báo cáo rủi ro cụ thể sẽ được lập và phân phối nhằm đảm bảo rằng tất cả các phòng ban kinh doanh đều cập nhật tất cả các thông tin cần thiết một cách đầy đủ và kịp thời.

Giảm thiểu rủi ro

Tập đoàn đã chủ động sử dụng các tài sản bảo đảm nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Mức độ tập trung rủi ro

Sự tập trung rủi ro phát sinh khi một số lượng lớn các khách hàng của Tập đoàn cùng liên quan đến một hoạt động kinh doanh, hoặc các hoạt động kinh doanh cùng trên một khu vực địa lý, hoặc có cùng các đặc điểm kinh tế là những yếu tố có thể ảnh hưởng đến nghĩa vụ thanh toán hoặc quyền lợi được thanh toán của nhóm khách hàng khi nghĩa vụ đến hạn đo ảnh hưởng của các thay đổi về kinh tế, chính trị hoặc các yếu tố khác.

Những mức độ tập trung trên phản ánh các mức độ nhạy cảm của hoạt động Tập đoàn đối với sự phát triển của một khu vực địa lý hoặc ngành nghề nhất định nào đó.

Để có thể giảm thiểu các rủi ro tập trung, Tập đoàn đã có các chính sách và thủ tục cần thiết bao gồm các hướng dẫn cụ thể nhằm đa dạng hóa các danh mục hoạt động. Theo đó mức độ tập trung rủi ro tín dụng sẽ được kiểm soát và quản lý. Tập đoàn cũng áp dụng các biện pháp phòng tránh rủi ro có chọn lọc đối với các ngành nghề và các yếu tố liên quan khác.

38. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro phát sinh từ việc khách hàng vay không trả nợ gốc và lãi như cam kết hoặc các bên đối tác không đáp ứng tuân thủ theo các điều kiện hoặc theo hợp đồng. Rủi ro tín dụng bao gồm tất cả các loại sản phẩm tài chính: các giao dịch ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như các khoản tiền gửi, cho vay, thấu chi, trái phiếu, và các tài sản có khác; và các giao dịch ghi nhận ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất như là công cụ tài chính phái sinh, thư tín dụng và thư bảo lãnh.

Quản lý rủi ro tín dụng

Tập đoàn xây dựng cơ cấu tổ chức các chức năng tín dụng dựa trên hệ thống kiểm soát và cân bằng. Các đơn vị kinh doanh được tách riêng hoàn toàn với các đơn vị phê duyệt tín dụng. Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng, như sau:

- Các đơn vị kinh doanh được tách riêng với các đơn vị quản lý rủi ro, định giá tài sản bảo đảm và phê duyệt tín dụng.
- Các đơn vị kinh doanh đề xuất cấp tín dụng và thực hiện định giá sơ bộ tài sản bảo đảm.
- Các đơn vị quản lý rủi ro độc lập với các đơn vị đề xuất ban đầu và thực hiện rà soát và tái thẩm định các đề xuất của đơn vị kinh doanh.
- Ngoại trừ việc phê duyệt các giao dịch có giá trị thấp và rủi ro thấp được ủy quyền cho Giám đốc Chi nhánh, thẩm quyền phê duyệt tín dụng được tập trung tại Hội sở. Các chính sách và các quy định liên quan đến quản lý rủi ro tín dụng đối với các rủi ro tín dụng trọng yếu được xây dựng và phê duyệt tương ứng bởi Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, bao gồm:
 - Chính sách Tín dụng;
 - Quy định về phân loại nợ, trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng xử lý rủi ro tín dụng;
 - Quy định về tài sản bảo đảm và định giá tài sản bảo đảm;
 - Quy định về hệ thống xếp hạng tín dụng;
 - Hướng dẫn hạn mức tín dụng cho đối tác;
 - Quy trình Tín dụng;
 - Quy định về quy trình, nội dung kiểm tra và giám sát trước, trong và sau khi gia hạn tín dụng; và
 - Quy định về hoạt động, chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban Quản lý Rủi ro.
- Các đơn vị quản lý rủi ro định kỳ gửi Báo cáo Rủi ro đến Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban Quản lý Rủi ro, Hội đồng Quản trị, báo cáo này gồm báo cáo về tăng trưởng tín dụng, chất lượng tín dụng, phân phối tín dụng theo hệ thống xếp hạng rủi ro tín dụng, dự phòng tín dụng, tín dụng có vấn đề, giám sát rà soát khách hàng, dư nợ theo ngành nghề, nhóm nợ và tập trung tín dụng.
- Kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm toán và kiểm tra thường xuyên đảm bảo sự tuân thủ và tính hiệu lực của các chính sách và quy trình nghiệp vụ.

Tài sản bảo đảm

Tài sản bảo đảm được định giá bởi một bộ phận độc lập với bộ phận kinh doanh dựa trên giá trị thị trường tại thời điểm định giá. Việc định giá tài sản bảo đảm được cập nhật thường xuyên.

Các loại tài sản bảo đảm chính bao gồm bất động sản, máy móc và thiết bị và giấy tờ có giá. Hướng dẫn đánh giá tài sản là động sản, bất động sản đang được rà soát và cập nhật nhằm tuân thủ các quy định của NHNNVN.

Các cam kết và bảo lãnh

Để đáp ứng nhu cầu tài chính của khách hàng, Tập đoàn phát hành các cam kết không hủy ngang và các nợ tiềm ẩn khác nhau. Các cam kết và bảo lãnh cũng được xếp hạng và phân loại rủi ro tín dụng.

Rủi ro tín dụng tập trung

Mức độ rủi ro tín dụng tập trung của Tập đoàn được quản lý theo khách hàng, theo bộ phận địa lý và ngành nghề.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn tại ngày báo cáo, không tính đến tài sản bảo đảm, bao gồm:

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2017	31/12/2016
Các khoản cho vay và phải thu		
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	3.277.007	3.765.279
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp (i)	15.245.884	8.391.841
Cho vay khách hàng – gộp (ii)	101.324.328	86.891.327
Các khoản phải thu – gộp	751.868	573.792
Các khoản lãi, phí phải thu	993.424	840.414
	121.592.511	100.462.653
Chứng khoán đầu tư – gộp (iii)		
Chứng khoán nợ đầu tư sẵn sàng để bán	9.425.292	9.354.769
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	12.066.568	12.219.500
	21.491.860	21.574.269
Các cam kết tín dụng – gộp		
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	3.244.725	2.610.340
Bảo lãnh khác	3.212.370	2.981.077
	6.457.095	5.591.417
	149.541.466	127.628.339

(i) Tiền gửi và cho vay các tổ chức gửi dưỡng tín dụng khác

Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác của Tập đoàn chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu được giao dịch với các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi và cho vay này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(ii) Cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu là từ các khách hàng có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tập đoàn.

(iii) Chứng khoán đầu tư

Tập đoàn giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào trái phiếu chính phủ, trái phiếu của các tổ chức tín dụng, trái phiếu các công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán hay sàn UPCOM. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cho rằng sẽ không có tổn thất tài chính trọng yếu nào có thể phát sinh từ các chứng khoán đầu tư này.

Mẫu B05/TCTD-HN

ĐVT: Triệu VNĐ

38. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(b) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Bảng phân tích tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá tại ngày báo cáo như sau:

ĐVT: Triệu VNĐ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	Quá hạn				Tổng
	Từ 10 đến 90 ngày	Từ 91 đến 180 ngày	Từ 181 đến 360 ngày	Trên 360 ngày	
Các khoản cho vay và phải thu					
Cho vay khách hàng – gộp	178.920	134.804	29.831	546.204	889.759

ĐVT: Triệu VNĐ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	Quá hạn				Tổng
	Từ 10 đến 90 ngày	Từ 91 đến 180 ngày	Từ 181 đến 360 ngày	Trên 360 ngày	
Các khoản cho vay và phải thu					
Cho vay khách hàng – gộp	79.863	25.491	38.997	365.124	509.475

Bảng phân tích tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn và bị giảm giá tại ngày báo cáo như sau:

ĐVT: Triệu VNĐ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	Quá hạn				Tổng
	Từ 10 đến 90 ngày	Từ 91 đến 180 ngày	Từ 181 đến 360 ngày	Trên 360 ngày	
Các khoản cho vay và phải thu					
Cho vay khách hàng – gộp	268.873	749.644	322.996	514.951	1.856.464
Tài sản Có khác – gộp	-	-	-	6.031	6.031
	268.873	749.644	322.996	520.982	1.862.495

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Quá hạn				Tổng
	Từ 10 đến 90 ngày	Từ 91 đến 180 ngày	Từ 181 đến 360 ngày	Trên 360 ngày	
Các khoản cho vay và phải thu					
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	-	-	-	110.550	110.550
Cho vay khách hàng – gộp	331.659	1.044.497	318.928	767.111	2.462.195
Tài sản Có khác – gộp	-	-	107	49.668	49.775
	331.659	1.044.497	319.035	927.329	2.622.520

Xem Thuyết minh số 34 về các loại và giá trị tài sản bảo đảm nhận được từ khách hàng. Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản bảo đảm cho các tài sản tài chính đã quá hạn và bị tổn thất để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các tài sản bảo đảm này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các tài sản bảo đảm này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc giá trị của dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động do sự biến động giá trên thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh từ trạng thái mờ của lãi suất, các sản phẩm tiền tệ và công cụ vốn, tất cả các sản phẩm này đều chịu tác động từ biến động trên thị trường nói chung và từng loại thị trường nói riêng và sự thay đổi của mức độ biến động của giá thị trường như: lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá cổ phiếu.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các dòng tiền của công cụ tài chính biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Tập đoàn sẽ có nguy cơ chịu rủi ro lãi suất do sự không tương xứng hay chênh lệch giữa ngày đáo hạn hoặc ngày xác định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả và các công cụ ngoại bảng trong một giai đoạn nhất định. Tập đoàn quản lý rủi ro này thông qua việc cân đối ngày xác định lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả.

Phân tích tài sản và nợ phải trả theo kỳ định lại lãi suất thực tế

Kỳ định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất hoặc thời hạn đáo hạn của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, tùy theo yếu tố nào đến sớm hơn.

Các giả định và điều kiện sau đây được áp dụng trong phân tích kỳ định lại lãi suất thực tế của các tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn:

- Tiền mặt, vàng; các công cụ tài chính phái sinh và tài sản tài chính khác; góp vốn, đầu tư dài hạn; các tài sản có khác (bao gồm tài sản cố định và tài sản có khác) và các khoản nợ khác được xếp loại vào khoản mục không chịu lãi.
- Tiền gửi tại NHNNVN được xếp loại vào tiền gửi thanh toán do đó kỳ định lại lãi suất thực tế được xếp loại vào khoản mục dưới một tháng.
- Kỳ định lại lãi suất thực tế của chứng khoán nợ đầu tư được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán của từng loại chứng khoán.
- Kỳ định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác; cho vay khách hàng; tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác và tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng; kỳ định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian còn lại của hợp đồng tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán.
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi; kỳ định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Kỳ định lại lãi suất thực tế của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn còn lại của từng loại giấy tờ có giá.

Mẫu B05/TCTD-HN

38. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(i) Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Bảng sau trình bày tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn được phân loại theo thời hạn ngắn hơn giữa kỳ định giá lại lãi suất hoặc ngày đáo hạn hợp đồng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: Triệu VNĐ

	Quá hạn	Không chịu lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ trên 3 đến 6 tháng	Từ trên 6 đến 12 tháng	Từ trên 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Tài sản									
Tiền mặt, vàng	-	2.282.200	-	-	-	-	-	-	2.282.200
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	3.277.007	-	-	-	-	-	3.277.007
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	-	-	15.018.724	227.160	-	-	-	-	15.245.884
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	30.274	-	-	-	-	-	-	30.274
Cho vay khách hàng – gộp (*)	2.746.223	-	38.983.047	19.445.810	21.321.833	16.332.547	2.447.833	47.035	101.324.328
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	6.024.398	5.000.000	50.342	151.228	3.177.457	6.996.505	124.760	21.524.690
Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	-	1.480.063	-	-	-	-	-	-	1.480.063
Tài sản cố định	-	3.214.194	-	-	-	-	-	-	3.214.194
Tài sản có khác – gộp	6.031	3.654.380	-	-	-	-	-	-	3.660.411
Tổng tài sản (1)	2.752.254	16.685.509	62.278.778	19.723.312	21.473.061	19.510.004	9.444.338	171.795	152.039.051
Nợ phải trả									
Các khoản nợ NHNNVN	-	-	3.423	24.384	15.182	12.728	-	-	55.717
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	6.107.530	3.970.060	1.178.840	-	-	-	11.256.430
Tiền gửi của khách hàng	-	2.188.121	49.976.797	17.160.797	17.946.949	18.557.638	11.708.975	419	117.539.696
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	3.000.000	-	-	-	-	-	3.000.000
Các khoản nợ khác	-	3.266.530	-	-	-	-	-	-	3.266.530
Tổng nợ phải trả (2)	-	5.454.651	59.087.750	21.155.241	19.140.971	18.570.366	11.708.975	419	135.118.373
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng [(3)-(1)-(2)]	2.752.254	11.230.858	3.191.028	(1.431.929)	2.332.090	939.638	(2.264.637)	171.376	16.920.678
Mức chênh lệch cảm với lãi suất ngoại bảng (4)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội, ngoại bảng [(5)=(3)+(4)]	2.752.254	11.230.858	3.191.028	(1.431.929)	2.332.090	939.638	(2.264.637)	171.376	16.920.678

Mẫu B05/TCTD-HN

38. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(i) Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: Triệu VND

	Quá hạn	Không chịu lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ trên 3 đến 6 tháng	Từ trên 6 đến 12 tháng	Từ trên 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Tài sản									
Tiền mặt, vàng	-	2.020.060	-	-	-	-	-	-	2.020.060
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	3.765.279	-	-	-	-	-	3.765.279
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	110.550	-	7.628.491	652.800	-	-	-	-	8.391.841
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	9.841	-	-	-	-	-	-	9.841
Cho vay khách hàng – gộp (*)	2.971.670	-	39.120.151	16.871.273	14.202.055	11.531.813	2.146.105	48.260	86.891.327
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	7.063.450	-	250.828	1.719.251	3.123.025	9.376.665	75.000	21.608.219
Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	-	1.937.865	-	-	-	-	-	-	1.937.865
Tài sản cố định	-	3.367.929	-	-	-	-	-	-	3.367.929
Tài sản có khác – gộp	49.775	3.435.779	-	-	-	-	-	-	3.485.554
Tổng tài sản (1)	3.131.995	17.834.924	50.513.921	17.774.901	15.921.306	14.654.838	11.522.770	123.260	131.477.915
Nợ phải trả									
Các khoản nợ NHNNVN	-	-	1.048.581	24.384	15.182	23.525	-	-	1.111.672
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	2.716.135	3.768.200	-	-	-	-	6.484.335
Tiền gửi của khách hàng	-	-	46.472.362	19.926.252	17.265.919	14.473.416	4.213.041	504	102.351.494
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	-	3.000.000	-	3.000.000
Các khoản nợ khác	-	2.405.588	-	-	-	-	-	-	2.405.588
Tổng nợ phải trả (2)	-	2.405.588	50.237.078	23.718.836	17.281.101	14.496.941	7.213.041	504	115.353.089
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng [(3)-(1)-(2)]	3.131.995	15.429.336	276.843	(5.943.935)	(1.359.795)	157.897	4.309.729	122.756	16.124.826
Mức chênh lệch cảm với lãi suất ngoại bảng (4)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội, ngoại bảng [(5)=(3)+(4)]	3.131.995	15.429.336	276.843	(5.943.935)	(1.359.795)	157.897	4.309.729	122.756	16.124.826

(*) Các số dư này được tính toán dựa trên cơ sở khách hàng thay vì trên cơ sở từng khoản vay.

Mẫu B05/TCTD-HN

38. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(i) Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Bảng dưới đây thể hiện lãi suất thực tế bình quân của những công cụ tài chính chịu lãi với thời hạn và đơn vị tiền tệ khác nhau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: Triệu VNĐ

	Quá hạn	Không chịu lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ trên 3 đến 6 tháng	Từ trên 6 đến 12 tháng	Từ trên 1 đến 5 năm	Trên 5 năm
Tài sản								
Tiền gửi tại NHNNVN								
• VND	-	0,60%	-	-	-	-	-	-
• Ngoại tệ	-	0,03%	-	-	-	-	-	-
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác								
• VND	-	-	1,88%	4,15%	-	-	-	-
• Ngoại tệ	-	-	1,81%	-	-	-	-	-
Cho vay khách hàng								
• VND	10,94%	-	9,38%	8,10%	8,77%	10,00%	9,52%	8,42%
• Ngoại tệ	5,81%	-	3,10%	3,07%	3,63%	2,26%	4,55%	-
Chứng khoán đầu tư								
• VND	-	-	13,25%	9,20%	7,70%	6,29%	5,73%	6,25%
Nợ phải trả								
Các khoản nợ NHNNVN								
• VND	-	-	3,50%	3,50%	3,50%	3,50%	-	-
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác								
• VND	-	-	2,36%	4,51%	-	-	-	-
• Ngoại tệ	-	-	1,42%	2,39%	2,45%	-	-	-
Tiền gửi của khách hàng								
• VND	-	-	5,50%	5,38%	5,40%	7,46%	7,90%	5,98%
• Ngoại tệ	-	-	0,02%	0,01%	0,02%	0,01%	-	-
Phát hành giấy tờ có giá								
• VND	-	-	13,25%	-	-	-	-	-

Mẫu B05/TCTD-HN

38. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(i) Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

ĐVT: Triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Quá hạn	Không chịu lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ trên 3 đến 6 tháng	Từ trên 6 đến 12 tháng	Từ trên 1 đến 5 năm	Trên 5 năm
Tài sản								
Tiền gửi tại NHNNVN								
• VND	-	0,60%	-	-	-	-	-	-
• Ngoại tệ	-	0,03%	-	-	-	-	-	-
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác								
• VND	-	-	4,71%	5,26%	-	-	-	-
• Ngoại tệ	-	-	1,58%	-	-	-	-	-
Cho vay khách hàng								
• VND	10,22%	-	9,35%	8,25%	8,71%	9,89%	8,94%	8,33%
• Ngoại tệ	5,93%	-	2,96%	3,32%	3,42%	1,83%	4,65%	-
Chứng khoán đầu tư								
• VND	-	-	-	6,12%	7,34%	6,38%	5,70%	7,46%
Nợ phải trả								
Các khoản nợ NHNNVN								
• VND	-	-	3,50%	3,50%	3,50%	3,50%	-	-
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác								
• VND	-	-	4,79%	-	-	-	-	-
• Ngoại tệ	-	-	1,51%	1,75%	-	-	-	-
Tiền gửi của khách hàng								
• VND	-	0,30%	5,17%	5,69%	6,11%	7,02%	7,26%	7,86%
• Ngoại tệ	-	0,11%	0,03%	0,05%	0,12%	0,04%	0,13%	-
Phát hành giấy tờ có giá								
• VND	-	-	-	-	-	-	13,25%	-

Phân tích độ nhạy với lãi suất

Tập đoàn chưa thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016 do chưa đủ các điều kiện về hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin đầu vào.

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro phát sinh từ những thay đổi về tỷ giá hối đoái đối với đồng VND, đồng tiền hạch toán kế toán của Tập đoàn, gây ảnh hưởng đến giá trị của các công cụ tài chính hoặc có thể gây ra những biến động đối với thu nhập của Tập đoàn. Tập đoàn quản lý rủi ro tiền tệ bằng cách xây dựng các hạn mức rủi ro về trạng thái tiền tệ. Những hạn mức này bao gồm hạn mức trạng thái giới hạn mở, trạng thái mở theo từng loại tiền tệ.

Đồng tiền giao dịch chính của Tập đoàn là VND. Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bằng VND, một phần bằng USD, EUR và vàng. Tập đoàn đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của từng loại tiền tệ. Trạng thái tiền tệ được quản lý hàng ngày để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Mẫu B05/TCTD-HN

38. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(ii) Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

Sau đây là những tỷ giá hối đoái chính được Tập đoàn áp dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Tỷ giá hối đoái tại ngày	
	31/12/2017	31/12/2016
USD/VND	22.670	22.700
EUR/VND	27.102	23.793
XAU/VND (chi)	3.614.000	3.500.000
GBP/VND	30.527	27.928
CHF/VND	23.188	22.236
CAD/VND	17.963	16.852
AUD/VND	17.624	16.329
SGD/VND	16.894	15.632
NZD/VND	16.009	15.709
HKD/VND	2.892	2.919
NOK/VND	2.744	2.492
THB/VND	694	631
JPY/VND	201	194

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: Triệu VND

	VND	USD	Vàng	EUR	Tiền tệ khác	Tổng
Tài sản						
Tiền mặt, vàng	979.060	707.988	171.094	139.051	285.007	2.282.200
Tiền gửi tại NHNNVN	2.620.235	656.772	-	-	-	3.277.007
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	10.354.989	3.886.189	-	511.251	493.455	15.245.884
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	1.710.099	(1.678.253)	-	-	(1.572)	30.274
Cho vay khách hàng – gộp	90.609.860	10.653.388	32.516	25.050	3.514	101.324.328
Chứng khoán đầu tư – gộp	21.524.690	-	-	-	-	21.524.690
Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	1.480.063	-	-	-	-	1.480.063
Tài sản cố định	3.214.194	-	-	-	-	3.214.194
Tài sản có khác – gộp	3.632.639	27.772	-	-	-	3.660.411
Tổng tài sản (1)	136.125.829	14.253.856	203.610	675.352	780.404	152.039.051
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu						
Các khoản nợ NHNNVN	55.717	-	-	-	-	55.717
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	3.298.063	7.660.176	-	298.156	35	11.256.430
Tiền gửi của khách hàng	109.217.845	7.447.648	-	294.683	579.520	117.539.696
Phát hành giấy tờ có giá	3.000.000	-	-	-	-	3.000.000
Các khoản nợ khác	3.084.917	134.838	-	634	46.141	3.266.530
Vốn chủ sở hữu	14.251.181	-	-	-	-	14.251.181
Tổng nợ phải trả (2)	132.907.723	15.242.662	-	593.473	625.696	149.369.554
Trạng thái tiền tệ nội bảng [(3)=(1)-(2)]	3.218.106	(988.806)	203.610	81.879	154.708	2.669.497
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng (4)	(756.009)	1.073.203	(38.778)	(95.535)	(183.133)	(252)
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng [(5)=(3)+(4)]	2.462.097	84.397	164.832	(13.656)	(28.425)	2.669.245

Mẫu B05/TCTD-HN

38. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(ii) Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: Triệu VND

	VND	USD	Vàng	EUR	Tiền tệ khác	Tổng
Tài sản						
Tiền mặt, vàng	998.702	595.614	166.376	82.479	176.889	2.020.060
Tiền gửi tại NHNNVN	3.058.005	707.274	-	-	-	3.765.279
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	4.758.427	3.351.672	-	109.716	172.026	8.391.841
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	1.002.519	(1.668.878)	-	257.742	418.458	9.841
Cho vay khách hàng – gộp	77.246.364	9.548.794	56.205	26.195	13.769	86.891.327
Chứng khoán đầu tư – gộp	21.608.219	-	-	-	-	21.608.219
Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	1.937.865	-	-	-	-	1.937.865
Tài sản cố định	3.367.929	-	-	-	-	3.367.929
Tài sản có khác – gộp	3.458.799	26.127	-	-	628	3.485.554
Tổng tài sản (1)	117.436.829	12.560.603	222.581	476.132	781.770	131.477.915
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu						
Các khoản nợ NHNNVN	1.111.672	-	-	-	-	1.111.672
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	876.140	5.608.050	-	104	41	6.484.335
Tiền gửi của khách hàng	93.429.607	7.701.911	-	470.931	749.045	102.351.494
Phát hành giấy tờ có giá	3.000.000	-	-	-	-	3.000.000
Các khoản nợ khác	2.226.495	161.469	-	1.779	15.845	2.405.588
Vốn chủ sở hữu	13.448.419	-	-	-	-	13.448.419
Tổng nợ phải trả (2)	114.092.333	13.471.430	-	472.814	764.931	128.801.508
Trạng thái tiền tệ nội bảng [(3)=(1)-(2)]	3.344.496	(910.827)	222.581	3.318	16.839	2.676.407
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng (4)	(1.620.978)	1.673.544	(40.110)	(3.569)	(12.821)	(3.934)
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng [(5)=(3)+(4)]	1.723.518	762.717	182.471	(251)	4.018	2.672.473

Dưới đây là bảng phân tích tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo.

ĐVT: Triệu VND

Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế Tăng/(giảm)
USD (mạnh lên 1%)	675
EUR (mạnh lên 14%)	(1.529)
XAU (mạnh lên 3%)	3.956

ĐVT: Triệu VND

Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế Tăng/(giảm)
USD (mạnh lên 1%)	6.102
EUR (yếu đi 3%)	6
XAU (mạnh lên 9%)	13.138

(iii) Rủi ro về giá chứng khoán

Rủi ro về giá chứng khoán là rủi ro mà giá thị trường của chứng khoán giảm do việc thay đổi giá của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán phát sinh từ chứng khoán vốn đầu tư sẵn sàng để bán của Tập đoàn.

Chứng khoán vốn đầu tư sẵn sàng để bán của Tập đoàn chịu ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Tập đoàn quản lý rủi ro giá chứng khoán bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016, ảnh hưởng rủi ro về giá chứng khoán của Tập đoàn là không đáng kể do Tập đoàn nắm giữ danh mục chứng khoán vốn đầu tư sẵn sàng để bán không đáng kể tại ngày báo cáo.

(d) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Tập đoàn huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Tập đoàn, đồng thời Tập đoàn cần có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Tập đoàn cũng đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản bảo đảm hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Rủi ro thanh khoản còn được hạn chế thông qua việc nắm giữ tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả thể hiện thời hạn còn lại của tài sản và nợ phải trả tính từ ngày báo cáo đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Mẫu B05/TCTD-HN

38. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(d) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn:

- Tiền gửi tại NHNNVN được xếp vào loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi của khách hàng.
- Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản/nợ phải trả tài chính khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn.
- Thời gian đến hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán.
- Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là trên 5 năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định và Tập đoàn có ý định nắm giữ lâu dài.
- Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.
- Các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản tiền gửi thanh toán từ các tổ chức tín dụng khác và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu.

Dưới đây là bảng phân tích tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn theo nhóm dựa trên thời gian còn lại tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày đáo hạn. Trên thực tế, thời gian đáo hạn của tài sản và nợ phải trả có thể khác với cam kết, tùy thuộc vào các phụ lục hợp đồng được ký.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: Triệu VNĐ

	Quá hạn			Trong hạn				Tổng
	Quá hạn trên 3 tháng	Quá hạn đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ trên 1 đến 3 tháng	Từ trên 3 đến 12 tháng	Từ trên 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	
Tài sản								
Tiền mặt, vàng	-	-	2.282.200	-	-	-	-	2.282.200
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	3.277.007	-	-	-	-	3.277.007
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	-	-	15.018.724	227.160	-	-	-	15.245.884
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	30.274	-	-	-	-	30.274
Cho vay khách hàng – gộp (*)	2.298.430	447.793	6.771.201	14.370.578	27.081.514	12.871.040	37.483.772	101.324.328
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	-	5.000.150	50.342	2.828.684	8.247.686	5.397.828	21.524.690
Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	-	-	1.214.861	-	-	-	265.202	1.480.063
Tài sản cố định	-	-	366	13	7.673	225.269	2.980.873	3.214.194
Tài sản cố khác – gộp	6.031	-	1.187.696	120.216	877.480	1.468.988	-	3.660.411
Tổng tài sản (1)	2.304.461	447.793	34.782.479	14.768.309	30.795.351	22.812.983	46.127.675	152.039.051
Nợ phải trả								
Các khoản nợ NHNNVN	-	-	3.423	24.384	27.910	-	-	55.717
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	6.107.530	3.970.060	1.178.840	-	-	11.256.430
Tiền gửi của khách hàng	-	-	52.164.918	17.160.797	36.504.587	11.708.975	419	117.539.696
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	3.000.000	-	-	-	-	3.000.000
Các khoản nợ khác	-	-	2.919.756	32.441	197.185	117.148	-	3.266.530
Tổng nợ phải trả (2)	-	-	64.195.627	21.187.682	37.908.522	11.826.123	419	135.118.373
Mức chênh thanh khoản ròng [(3)-(1)-(2)]	2.304.461	447.793	(29.413.148)	(6.419.373)	(7.113.171)	10.986.860	46.127.256	16.920.678

Mẫu B05/TCTD-HN

38. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(d) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: Triệu VNĐ

	Quá hạn			Trong hạn				Tổng
	Quá hạn trên 3 tháng	Quá hạn đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ trên 1 đến 3 tháng	Từ trên 3 đến 12 tháng	Từ trên 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	
Tài sản								
Tiền mặt, vàng	-	-	2.020.060	-	-	-	-	2.020.060
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	3.765.279	-	-	-	-	3.765.279
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	110.550	-	7.628.491	652.800	-	-	-	8.391.841
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	9.841	-	-	-	9.841
Cho vay khách hàng – gộp (*)	2.560.148	411.522	3.499.824	11.014.281	19.459.125	15.819.722	34.126.705	86.891.327
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	-	1.270	250.832	2.827.276	17.953.841	575.000	21.608.219
Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	-	-	-	-	-	-	1.937.865	1.937.865
Tài sản cố định	-	-	10.740	4.174	55.479	237.722	3.059.814	3.367.929
Tài sản có khác – gộp	49.775	-	967.151	135.047	714.841	1.618.740	-	3.485.554
Tổng tài sản (1)	2.720.473	411.522	17.892.815	12.066.975	23.056.721	35.630.025	39.699.384	131.477.915
Nợ phải trả								
Các khoản nợ NHNNVN	-	-	1.048.581	24.384	38.707	-	-	1.111.672
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	2.716.135	3.768.200	-	-	-	6.484.335
Tiền gửi của khách hàng	-	-	46.472.362	19.926.252	31.739.335	4.213.041	504	102.351.494
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	3.000.000	-	3.000.000
Các khoản nợ khác	-	-	2.179.189	27.425	82.365	116.609	-	2.405.588
Tổng nợ phải trả (2)	-	-	52.416.267	23.746.261	31.860.407	7.329.650	504	115.353.089
Mức chênh thanh khoản ròng [(3)=(1)-(2)]	2.720.473	411.522	(34.523.452)	(11.679.286)	(8.803.686)	28.300.375	39.698.880	16.124.826

Mẫu B05/TCTD-HN

38. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(e) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch trên cơ sở ngang giá tại ngày đo lường.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày báo cáo như sau:

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:				
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	30.274	(*)	9.841	(*)
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:				
• Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước không có giá niêm yết	2.000.000	(*)	-	-
• Trái phiếu Chính phủ không có giá niêm yết	-	-	100.000	(*)
• Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác	8.561.984	(*)	10.707.617	(*)
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
• Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	3.277.007	3.277.007	3.765.279	3.765.279
• Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	15.245.884	(*)	8.281.291	(*)
• Cho vay khách hàng	100.268.300	(*)	85.824.814	(*)
• Các khoản phải thu	745.837	(*)	567.767	(*)
• Các khoản lãi, phí phải thu	993.424	(*)	840.414	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
• Trái phiếu Chính phủ có giá niêm yết	4.000.222	4.201.520	6.432.211	6.565.945
• Cổ phiếu có giá niêm yết	32.830	38.638	33.570	33.570
• Trái phiếu Chính phủ không có giá niêm yết	5.425.070	(*)	2.922.558	(*)
• Góp vốn, đầu tư dài hạn	1.377.209	(*)	1.856.808	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
• Các khoản nợ NHNNVN	(55.717)	(*)	(1.111.672)	(*)
• Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	(11.256.430)	(*)	(6.484.335)	(*)
• Tiền gửi của khách hàng	(117.539.696)	(*)	(102.351.494)	(*)
• Phát hành giấy tờ có giá	(3.000.000)	(*)	(3.000.000)	(*)
• Các khoản lãi, phí phải trả	(2.153.139)	(*)	(2.000.279)	(*)
• Nợ phải trả tài chính khác	(955.838)	(*)	(373.535)	(*)

(*) Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

39. BÁO CÁO BỘ PHẬN

(a) Báo cáo bộ phận chính yếu

Thông tin báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý của Tập đoàn được trình bày như sau:

ĐVT: Triệu VND

	Năm kết thúc ngày 31/12/2017				
	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Khu vực Miền Nam	Loại trừ	Tổng
I. Doanh thu					
1. Doanh thu lãi					
Doanh thu lãi từ khách hàng bên ngoài	1.208.984	906.749	6.834.916	-	8.950.649
Doanh thu lãi nội bộ	1.102.044	518.125	11.772.491	(13.392.660)	-
2. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	68.203	28.155	522.730	-	619.088
3. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	263.437	21.769	811.627	-	1.096.833
II. Chi phí					
1. Chi phí lãi					
Chi phí lãi cho khách hàng bên ngoài	(873.702)	(438.317)	(4.970.812)	-	(6.282.831)
Chi phí lãi nội bộ	(1.066.890)	(794.950)	(11.530.820)	13.392.660	-
2. Chi phí khấu hao tài sản cố định	(20.078)	(12.275)	(106.069)	-	(138.422)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(299.027)	(166.820)	(2.157.315)	-	(2.623.162)
Kết quả hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	382.971	62.436	1.176.748	-	1.622.155
Chi phí dự phòng rủi ro	(141.008)	(252.690)	(210.878)	-	(604.576)
Kết quả kinh doanh bộ phận trước thuế TNDN	241.963	(190.254)	965.870	-	1.017.579

ĐVT: Triệu VND

	Năm kết thúc ngày 31/12/2017				
	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Khu vực Miền Nam	Loại trừ	Tổng
Tài sản					
Tiền mặt, vàng	543.773	252.399	1.486.028	-	2.282.200
Tài sản cố định	24.310	7.656	3.182.228	-	3.214.194
Tài sản khác	19.149.271	11.409.858	115.203.208	(1.889.177)	143.873.160
Nợ phải trả					
Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	(19.462.878)	(8.466.877)	(104.639.834)	717.747	(131.851.842)
Nợ phải trả nội bộ	(59)	(18)	(6.256)	-	(6.333)
Nợ phải trả khác	(12.451)	(3.393.271)	(65.586)	211.110	(3.260.198)

Mẫu B05/TCTD-HN

39. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

(a) Báo cáo bộ phận chính yếu (tiếp theo)

Thông tin báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý của Tập đoàn được trình bày như sau:

ĐVT: Triệu VND

Năm kết thúc ngày 31/12/2016					
	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Khu vực Miền Nam	Loại trừ	Tổng
I. Doanh thu					
1. Doanh thu lãi					
<i>Doanh thu lãi từ khách hàng bên ngoài</i>	1.120.645	858.655	6.331.273	-	8.310.573
<i>Doanh thu lãi nội bộ</i>	927.025	395.311	10.478.044	(11.800.380)	-
2. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	71.276	24.762	514.909	-	610.947
3. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	32.841	32.585	361.574	-	427.000
II. Chi phí					
1. Chi phí lãi					
<i>Chi phí lãi cho khách hàng bên ngoài</i>	(721.430)	(320.328)	(4.186.736)	-	(5.228.494)
<i>Chi phí lãi nội bộ</i>	(974.072)	(721.107)	(10.105.201)	11.800.380	-
2. Chi phí khấu hao tài sản cố định	(21.269)	(13.151)	(131.788)	-	(166.208)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(322.286)	(169.761)	(1.982.075)	-	(2.474.122)
Kết quả hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	112.730	86.966	1.280.000	-	1.479.696
Chi phí dự phòng rủi ro	(331.677)	(156.656)	(600.733)	-	(1.089.066)
Kết quả kinh doanh bộ phận trước thuế TNDN	(218.947)	(69.690)	679.267	-	390.630

ĐVT: Triệu VND

Năm kết thúc ngày 31/12/2016					
	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Khu vực Miền Nam	Loại trừ	Tổng
Tài sản					
Tiền mặt, vàng	513.907	225.625	1.280.528	-	2.020.060
Tài sản cố định	31.046	10.758	3.326.125	-	3.367.929
Tài sản khác	16.840.222	8.951.935	99.497.354	(1.875.992)	123.413.519
Nợ phải trả					
Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	(15.857.628)	(6.746.371)	(90.453.269)	109.767	(112.947.501)
Nợ phải trả nội bộ	(1.287)	(1.630)	(10.081)	-	(12.998)
Nợ phải trả khác	(291.760)	(139.250)	(2.772.805)	811.225	(2.392.590)

(b) Báo cáo bộ phận thứ yếu

Tập đoàn chủ yếu hoạt động kinh doanh trong một lĩnh vực ngân hàng thương mại.

40. CAM KẾT

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2017	31/12/2016
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	263.518	135.062

(b) Cam kết thuê

Tại ngày báo cáo, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2017	31/12/2016
Đến một năm	190.684	184.257
Trên một đến năm năm	243.947	382.034
Trên năm năm	22.193	28.655
Tổng	456.824	594.946

41. CÁC VỤ KHIẾU NẠI LỚN CHƯA ĐƯỢC GIẢI QUYẾT

Ngân hàng hiện có hai vụ khiếu nại lớn bao gồm: (i) vụ khiếu nại của một (01) khách hàng về việc bị rút mất số tiền tiết kiệm tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh của Ngân hàng theo thông báo của khách hàng này là 245 tỷ VND và trong vụ việc này có dấu hiệu về hành vi lừa đảo của Nguyễn Phó Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh của Ngân hàng; và (ii) vụ khiếu nại của sáu (06) khách hàng về việc bị rút mất số tiền gửi tiết kiệm tại Phòng Giao dịch Đô Lương – Chi nhánh Vinh của Ngân hàng theo thông báo của các khách hàng này là 50 tỷ VND và trong vụ việc này có dấu hiệu về hành vi lừa đảo của một cựu nhân viên Phòng Giao dịch Đô Lương – Chi nhánh Vinh của Ngân hàng. Một số cá nhân có liên quan của hai vụ việc này đã bị khởi tố, tạm giam trong quá trình điều tra. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, hai vụ khiếu nại này đang chờ cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật. Ảnh hưởng của các vấn đề này đối với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn phụ thuộc vào những sự kiện trong tương lai mà tại thời điểm hiện tại không thể xác định chắc chắn. Báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm khoản dự phòng nào cho hai vụ khiếu nại này.

Người lập

Người kiểm soát

Người đại diện theo pháp luật

Nguyễn Minh Thanh
Kế toán tổng hợp

Nguyễn Ngọc Hà
Kế toán trưởng

Lê Văn Quyết
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính riêng được công bố trên website của ngân hàng tại địa chỉ:
<https://www.eximbank.com.vn/home/Static/baocaotaichinh.aspx>

STT	Tên CN/PGD	Địa chỉ	STT	Tên CN/PGD	Địa chỉ	STT	Tên CN/PGD	Địa chỉ	STT	Tên CN/PGD	Địa chỉ
1	Chi nhánh Hà Nội	19 Trần Hưng Đạo, P.Phân Chu Trinh, Q.Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội	35	PGD Tô Hiệu	172 Tô Hiệu, P.Trại Cau, Q.Lê Chân, Tp.Hải Phòng	70	Chi nhánh Buôn Ma Thuột	114-116 Phan Bội Châu, Tp.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	104	PGD Lê Lợi	08 Lê Lợi, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM
2	PGD Nguyễn Du	(Tầng 1+2) Tòa nhà số 76 Mai Hắc Đế, P.Bùi Thị Xuân, Q.Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội	36	Chi nhánh Vinh	182 Nguyễn Văn Cừ, P.Hưng Phúc, Tp.Vinh, tỉnh Nghệ An	71	PGD Chợ Buôn Ma Thuột	Kiot số C21 Chợ Buôn Ma Thuột, P.Thống Nhất, Tp.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	105	PGD Minh Khai	(Tầng trệt) Tòa nhà 278 Nguyễn Đình Chiểu, P.6, Q.3, Tp.HCM
3	PGD Bạch Mai	(Tầng 2+3) Tòa nhà số 134 Phố Bạch Mai, P.Cầu Dền, Q.Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội	37	PGD Thanh Chương	Khối 4, TT.Thanh Chương, H.Thanh Chương, Nghệ An	72	PGD Nguyễn Tất Thành	316 Nguyễn Tất Thành, P.Tân Lập, Tp.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	106	PGD Trương Định	(Tầng trệt) Tòa nhà số 24B Trương Định, P.6, Q.3, Tp.HCM
4	PGD Hàng Than	18 Phố Hàng Than, P.Nguyễn Trung Trực, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội	38	PGD Yên Thành	Khối 1, TT.Yên Thành, H.Yên Thành, Nghệ An	73	PGD Phan Chu Trinh	240 Phan Chu Trinh, P.Tân Lợi, Tp.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	107	PGD Bến Thành	36-38 Ngô Đức Kế, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM
5	PGD Xuân Diệu	96 Yên Phụ, P.Yên Phụ, Q.Tây Hồ, Tp.Hà Nội	39	PGD Diễn Châu	Kiot số 02, TTTM Diễn Châu, TT.Diễn Châu, H.Diễn Châu, Nghệ An	74	PGD Buôn Hồ	327 Hùng Vương, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	108	PGD Thanh Đa	629-631 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.26, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM
6	PGD Tây Hồ	509B Phố Lạc Long Quân, P.Xuân La, Q.Tây Hồ, Tp.Hà Nội	40	PGD Đô Lương	Khối 3, TT.Đô Lương, H.Đô Lương, Nghệ An	75	PGD Lê Duẩn	420 Lê Duẩn, P.Ea Tam, Tp.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	109	PGD Bùi Thị Xuân	(Tầng trệt + lửng) Tòa nhà 122A-B-C Bùi Thị Xuân, P.Phạm Ngũ Lão, Q.1, Tp.HCM
7	PGD Lý Thường Kiệt	15 Liễu Giai, P.Liễu Giai, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội	41	PGD Thái Phiên	80 Thái Phiên, P.Hồng Sơn, Tp.Vinh, tỉnh Nghệ An	76	Chi nhánh Đà Lạt	2D-2D/1-2E Nguyễn Văn Trỗi, P.1, Tp.Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	110	PGD Văn Thánh	(Tầng trệt + 1 phần lầu 1) số 85 Đường D2, P.25, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM
8	PGD Bà Triệu	113-115 Lê Duẩn, P.Cửa Nam, Q.Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội	42	PGD Nam Vinh	343 Lê Duẩn, P.Trung Đô, Tp.Vinh, Nghệ An	77	PGD Chi Lăng	(Tầng trệt + lầu 1) số 101 Phan Chu Trinh, P.9, Tp.Đà Lạt	111	Chi nhánh Chợ Lớn	141 Nguyễn Chí Thanh, P.9, Q.5, Tp.HCM
9	PGD Nguyễn Chí Thanh	Tầng 1 (lô số 9) Tòa nhà M3-M4, số 91A Nguyễn Chí Thanh, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, Tp.Hà Nội	43	PGD Bắc Vinh	150 Nguyễn Trãi, Tp.Vinh, Nghệ An	78	PGD Bảo Lộc	11 Đờ Thám, P.1, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	112	PGD Lý Thái Tổ	291 Lý Thái Tổ, P.9, Q.10, Tp.HCM
10	Chi nhánh Ba Đình	(Tầng 1 + 2) Tòa nhà HAREC, số 4A Láng Hạ, P.Thành Công, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội	44	Chi nhánh Quảng Ninh	14-16 Trần Hưng Đạo, P.Trần Hưng Đạo, Tp.Hạ Long, Quảng Ninh	79	PGD Đức Trọng	25 Thống Nhất, TT.Liên Nghĩa, H.Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	113	PGD Nhật Tảo	410 Nguyễn Tri Phương, P.4, Q.10, Tp.HCM
11	PGD Trung Yên	143 Trung Kính, P.Trung Hòa, Q.Cầu Giấy, Tp.Hà Nội	45	PGD Móng Cái	01 Hùng Vương, P.Hòa Lạc, Tp.Móng Cái, Quảng Ninh	80	Chi nhánh Đồng Nai	223 Hà Huy Giáp, Kp4, P.Quyết Thắng, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	114	PGD Quận 6	41 Hậu Giang, P.2, Q.6, Tp.HCM
12	PGD Trung Hòa	Lô NV-B30 Phố Nguyễn Thị Định, KĐT Trung Hòa Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, Tp.Hà Nội	46	PGD Quảng Yên	66 Lê Lợi, TT.Quảng Yên, H.Yên Hưng, Quảng Ninh	81	PGD Biên Hòa	881 Quốc lộ 15, P.Tam Hiệp, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	115	PGD Kim Biên	161 Hải Thượng Lãn Ông, P.13, Q.5, Tp.HCM
13	PGD Cửa Đông	(Tầng 1,2) số 152 Khuất Duy Tiến, P.Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, Tp.Hà Nội	47	PGD Uông Bí	434 Quang Trung, P.Quang Trung, Tx.Uông Bí, Quảng Ninh	82	PGD Gia Kiệm	số 5/1E Quốc lộ 20, ấp Võ Đông 1, xã Gia Kiệm, H.Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai	116	PGD Phú Thọ	286 Lý Thường Kiệt, P.14, Q.10, Tp.HCM
14	PGD Mỹ Đình	B1-12 Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình, Q.Từ Liêm, Tp.Hà Nội	48	PGD Hạ Long	(Tầng trệt) Tòa nhà Bưu Điện Hạ Long, Tổ 2, khu 2, P.Bãi Cháy, Tp.Hạ Long, Quảng Ninh	83	PGD Tân Biên	122/5 Khu phố 9, P.Tân Biên, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	117	PGD Hồng Bàng	258 Hồng Bàng, P.15, Q.5, Tp.HCM
15	PGD Hàng Bông	(Tầng 1) số 10-12-14 Cửa Nam, P.Cửa Nam, Q.Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội	49	PGD Cẩm Phá	144 Trần Phú, Tổ 30B, P.Cẩm Tây, Tx.Cẩm Phá, Quảng Ninh	84	PGD Trảng Bom	118 Ấp An Chu, H.Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	118	PGD Hưng Đạo	466 Trần Hưng Đạo, P.2, Q.5, Tp.HCM
16	PGD Thăng Long	Trung Tâm Công Nghệ - KCN Thăng Long, H.Đông Anh, Tp.Hà Nội	50	Chi nhánh Quảng Ngãi	35A-35B Đại lộ Hùng Vương, P.Trần Hưng Đạo, Tp.Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	85	PGD Long Thành	Quốc lộ 51A, tổ 19, Khu Văn Hải, TT.Long Thành, H.Long Thành, tỉnh Đồng Nai	119	PGD An Đông	265 Trần Phú, P.8, Q.5, Tp. HCM.
17	Chi nhánh Long Biên	558 Nguyễn Văn Cừ, P.Gia Thụy, Q.Long Biên, Tp.Hà Nội	51	PGD Nguyễn Nghiêm	268 Nguyễn Nghiêm, P.Nguyễn Nghiêm, Tp.Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	86	PGD Long Khánh	245 Hùng Vương, KP5, P.Xuân Hòa, Tx.Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	120	PGD Quận 8	390-392 Phạm Hùng, P.5, Q.8, Tp.HCM
18	PGD Việt Hưng	(Tầng 1) Căn nhà số 567 Ngô Gia Tự, P.Đức Giang, Q.Long Biên, Tp.Hà Nội	52	Chi nhánh Đà Nẵng	48 Trần Phú, Q.Hải Châu, Tp.Đà Nẵng	87	Chi nhánh Bình Dương	244 Đại lộ Bình Dương, P.Phú Hòa, Tp.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	121	Chi nhánh Hòa Bình	78 Nguyễn Trãi, P.3, Q.5, Tp.HCM
19	PGD Lò Đúc	(Tầng 1) Tòa nhà 73 Lò Đúc, P.Phạm Đình Hổ, Q.Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội	53	PGD Thanh Khê	203 Ông Ích Khiêm, P.Thạch Thang, Q.Hải Châu, Tp.Đà Nẵng	88	PGD Tân Phước Khánh	01 Tổ 1, Khu phố Khánh Thạnh, P.Tân Phước Khánh, Tx.Tân Uyên, H.Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	122	PGD Hòa Hưng	138 Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
20	PGD Nguyễn Thái Học	(Tầng 1 + 2) Tòa nhà số 91 Phố Nguyễn Thái Học, P.Điện Biên, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội	54	PGD Hải Châu	484 Hoàng Diệu, P.Bình Thuận, Q.Hải Châu, Tp.Đà Nẵng	89	PGD Lái Thiêu	499 Nguyễn Trãi, TT.Lái Thiêu, H.Thuận An, tỉnh Bình Dương	123	PGD Kỳ Hòa	773 Lê Hồng Phong (nd), P.12, Q.10, Tp.HCM
21	PGD Đồng Xuân	16 Trần Nhật Duật, P.Đồng Xuân, Q.Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội	55	PGD Hàm Nghi	44A Hàm Nghi, P.Thạc Gián, Q.Thanh Khê, Tp.Đà Nẵng	90	PGD Dĩ An	Khu phố Bình Minh 2, P.Dĩ An, Tx.Dĩ An, tỉnh Bình Dương	124	PGD Đồng Khánh	81 Bùi Hữu Nghĩa, P.5, Q.5, Tp.HCM
22	Chi nhánh Thủ Đức	(Tầng 1 và tầng 5) Tòa nhà số 257 Giải Phóng, P.Phương Mai, Q.Đống Đa, Tp.Hà Nội	56	PGD Sơn Trà	794-796 Ngô Quyền, P.An Hải Bắc, Q.Sơn Trà, Tp.Đà Nẵng	91	PGD Mỹ Phước	C4-Ô16 khu I đường DA1-1-Rupby Land, TT.Mỹ Phước, H.Bến Cát, tỉnh Bình Dương	125	Chi nhánh Tân Định	78 Trần Quang Khải, P.Tân Định, Q.1, Tp.HCM
23	PGD Trần Khánh Chân	439 Trần Khánh Chân, P.Thanh Nhân, Q.Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội	57	Chi nhánh Hùng Vương	151-153 Nguyễn Văn Linh, P.Vĩnh Trung, Q.Thanh Khê, Tp.Đà Nẵng	92	PGD Bình Dương Canary	Lô G22 Tầng trệt Tòa nhà AEON CANARY, Đại lộ Bình Dương, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	126	PGD Nguyễn Thái Sơn	250 Nguyễn Thái Sơn, P.4, Q.Gò Vấp, Tp.HCM
24	PGD Nguyễn Phong Sắc	(Tầng 1) Tòa nhà Sannam, P.Dịch Vọng Hậu, Q.Cầu Giấy, Tp.Hà Nội	58	PGD Thuận Phước	180-182 Đống Đa, P.Thuận Phước, Q.Hải Châu, Tp.Đà Nẵng	93	Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	43 Trần Hưng Đạo, P.1, Tp.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	127	PGD Bến Nghé	11A-11B Nguyễn Thị Minh Khai, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM
25	Chi nhánh Cầu Giấy	(Tầng trệt) Tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, P.Thụy Khê, Q.Tây Hồ, Tp.Hà Nội	59	PGD Điện Biên Phủ	433 Điện Biên Phủ, P.Hòa Khê, Q.Thanh Khê, Tp.Đà Nẵng	94	PGD Bà Rịa	112 - 114 Bạch Đằng, P.Phước Trung, Tx.Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	128	PGD Gò Vấp	126 Nguyễn Oanh, P.7, Q.Gò Vấp, Tp.HCM
26	PGD Hoàng Quốc Việt	(Tầng 1) Tòa nhà số 136 Hoàng Quốc Việt, P.Nghĩa Tân, Q.Cầu Giấy, Tp.Hà Nội	60	PGD Chợ Cồn	336 - 338 Hùng Vương, P.Vĩnh Trung, Q.Hải Châu, Tp.Đà Nẵng	95	PGD Tân Thành	27 Quốc lộ 51, TT.Phú Mỹ, H.Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	129	PGD Hồ Văn Huê	164 Hồ Văn Huê, P.9, Q.Phú Nhuận, Tp.HCM
27	Chi nhánh Đống Đa	(Tầng 1 + tầng 2) Tòa nhà số 292 Tây Sơn, P.Trung Liệt, Q.Đống Đa, Tp.Hà Nội	61	PGD Hòa Cường	205 Phan Châu Trinh, P.Phước Ninh, Q.Hải Châu, Tp.Đà Nẵng	96	PGD Nguyễn An Ninh	513 Nguyễn An Ninh, P.Nguyễn An Ninh, Tp.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	130	PGD Phan Đình Phùng	130 Phan Đình Phùng, P.2, Q.Phú Nhuận, Tp.HCM
28	PGD Kim Liên	206 Phố Xá Đàn, Tổ 27, P.Phương Liên, Q.Đống Đa, Tp.Hà Nội	62	Chi nhánh Huế	205 Trần Hưng Đạo, P.Phú Hòa, Tp.Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	97	PGD Long Điền	Ngã Ba Lò Vôi, Tỉnh lộ 44A, Tổ 1, ấp Lò Vôi, xã Phước Hưng, H.Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	131	Chi nhánh Sài Gòn	(Tầng trệt + lửng + tầng 2) Tòa nhà số 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM
29	PGD Hà Đông	24 Phố Quang Trung, P.Quang Trung, Q.Hà Đông, Tp.Hà Nội	63	Chi nhánh Quảng Nam	226 - 228 Phan Chu Trinh, Tp.Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	98	PGD Ngãi Giao	270 Hùng Vương, TT.Ngãi Giao, H.Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	132	PGD Thảo Điền	14R-S Quốc Hương, P.Thảo Điền, Q.2, Tp.HCM
30	PGD Đồng Tâm	10B2 Phố Trần Đại Nghĩa, P. Đồng Tâm, Q.Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội	64	PGD Hội An	22 Trần Hưng Đạo, P.Cẩm Phô, Tp.Hội An, tỉnh Quảng Nam	99	Chi nhánh Bình Phước	(Tầng trệt, tầng 1 và tầng 2) Trung tâm Thương mại ITC Đồng Xoài, số 1029 Phú Riêng Đò, Tx.Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	133	PGD Võ Văn Tần	365 Võ Văn Tần, P.5, Q.3 Tp.HCM
31	Chi nhánh Hải Phòng	32 Trần Phú, Q.Ngô Quyền, Tp.Hải Phòng	65	PGD Nam Phước	Quốc lộ 1A, Khối phố Long Xuyên 1, TT.Nam Phước, H.Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	100	Chi nhánh Tp.HCM	(Tầng 1 - tầng 7) Tòa nhà số 229 Đồng Khởi, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM	134	PGD ĐaKao	23A-B Nguyễn Đình Chiểu, P.Đa Kao, Q.1, Tp.HCM
32	PGD KCN Nomura Hải Phòng	Cống phụ KCN Nomura, xã Tân Tiến, H.An Dương, Tp.Hải Phòng	66	Chi nhánh Nha Trang	63 Yersin, P.Phương Sài, Tp.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	101	PGD Hàng Xanh	155A - 155B Điện Biên Phủ, P.15, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM	135	PGD Nguyễn Công Trứ	130 Nguyễn Công Trứ, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM
33	PGD Trần Nguyễn Hân	274 Trần Nguyễn Hân, P.Nhiệm Nghĩa, Q.Lê Chân, Hải Phòng	67	PGD Lê Hồng Phong	584 Lê Hồng Phong, Tp.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	102	PGD Trung Sơn	(Một phần tầng trệt và một phần tầng lửng, số 8-10 Đường 9A, Khu dân cư Trung Sơn, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Tp.HCM)	136	PGD Bến Chương Dương	327 Bến Chương Dương, P.Cầu Kho, Q.1, Tp.HCM
34	PGD Thủy Nguyễn	Mặt tiền đường TL359, thôn Phú Liên, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyễn, Tp.Hải Phòng	68	PGD Quang Trung	61A Quang Trung, P.Lộc Thọ, Tp.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	103	PGD Tao Đàn	(Tầng trệt) Tòa nhà số 141 Nguyễn Du, P.Bến Thành, Q.1, Tp.HCM	137	PGD Trường Sơn	39B Trường Sơn, P.2, Q. Tân Bình, TP.HCM

STT	Tên CN/PGD	Địa chỉ	STT	Tên CN/PGD	Địa chỉ
146	Chi nhánh Cộng Hòa	(Tầng trệt + lửng) số 19 Cộng Hòa, P.12, Q.Tân Bình, Tp.HCM	176	PGD Vạn Hạnh	373 Sur Vạn Hạnh (nd), P.12, Q.10, Tp.HCM
147	PGD Nguyễn Sơn	230-232 Nguyễn Sơn, P.Phú Thọ Hòa, Q.Tân Phú, Tp.HCM	177	PGD Ba Tháng Hai	530 Đường 3/2, P.14, Q.10, Tp.HCM
148	PGD An Sương	379-381 Trường Chinh, P. Tân Thới Nhất, Q.12, Tp.HCM	178	PGD Minh Phụng	90 Minh Phụng, P.5, Q.6, Tp.HCM
149	PGD Trung Chánh	150/3 Nguyễn Ảnh Thủ, Ấp Trung Chánh 2, Xã Trung Chánh, H.Hóc Môn, Tp.HCM	179	Chi nhánh Quận 11	31-33-27/1 Âu Cơ, P.14, Q.11, Tp.HCM
150	PGD Võ Thành Trang	509 Trường Chinh, P.14, Q.Tân Bình, Tp. HCM	180	PGD Đầm Sen	377A Minh Phụng, P.10, Q.11, Tp.HCM
151	PGD Phạm Văn Hai	156 Phạm Văn Hai, P.3, Q.Tân Bình, Tp.HCM	181	PGD Phú Lâm	73 Thuận Kiều, P.12, Q.5, Tp.HCM
152	Chi nhánh Tân Sơn Nhất	307 Nguyễn Văn Trỗi, P.1, Q.Tân Bình, Tp.HCM	182	PGD Tân Bình	1115 Cách Mạng Tháng 8, P.7, Q.Tân Bình Tp.HCM
153	Chi nhánh Bình Phú	110-112-114 Chợ Lớn, P.11, Q.6, Tp.HCM	183	PGD Bắc Hải	02 Bis Cửu Long, Cư Xá Bắc Hải, P.15, Q.10, Tp.HCM
154	PGD Tân Phú	611-611A Lũy Bán Bích, P.Phú Thạnh, Q.Tân Phú, Tp.HCM	184	PGD Âu Cơ	344 -346 Âu Cơ, P.10, Q.Tân Bình, Tp.HCM
155	PGD Bình Chánh	A29/25 Quốc lộ 50, xã Bình Hưng, H.Bình Chánh, Tp.HCM	185	Chi nhánh Cần Thơ	08 Phan Đình Phùng, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
156	PGD Bình Trị Đông	141-141A Đường số 1, P.Bình Trị Đông B, Q.Bình Tân, Tp.HCM	186	PGD Phong Điền	Lô số 1 Dây A5 Phan Văn Trị, TT.Phong Điền, H.Phong Điền, Tp.Cần Thơ
157	PGD Gò Dầu	54 Gò Dầu, P.Tân Quý, Q.Tân Phú, Tp.HCM	187	PGD Cái Răng	171 Quốc Lộ 1A, P.Lê Bình, Q.Cái Răng, Tp.Cần Thơ
158	Chi nhánh Bình Tân	10 Kinh Dương Vương, P.13, Q.6, Tp.HCM	188	PGD An Phú	87 Đường 30/4, P.Xuân Khánh, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
159	PGD An Lạc	476-478 Kinh Dương Vương, P.An Lạc, Q.Bình Tân, Tp.HCM	189	PGD Cờ Đỏ	21-22 Hà Huy Giáp, ấp Thới Thuận, TT.Cờ Đỏ, H.Cờ Đỏ, Tp.Cần Thơ
160	Chi nhánh Phú Mỹ Hưng	(Một phần tầng trệt + Một phần tầng lửng) Vinamilk Tower - số 10 Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, Tp.HCM	190	PGD Hưng Lợi	221A Đường 3/2, P.Hưng Lợi, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
161	PGD Tân Phong	1469 Nguyễn Văn Linh, KP Mỹ Thới I - H3, P.Tân Phong, Q.7, Tp.HCM	191	Chi nhánh Tây Đô	Lô P+R Trần Văn Khéo, P.Cái Khế, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
162	PGD Bảy Hiền	427 Lý Thường Kiệt, P.8, Q.Tân Bình, Tp.HCM	192	PGD Trà Nóc	37 Lê Hồng Phong, P.Bình Thủy, Q.Bình Thủy, Tp.Cần Thơ
163	Chi nhánh Quận 3	(Tầng 1 - Tầng 3) Tòa nhà số 21 Kỳ Đồng, P.9, Q.3, Tp.HCM	193	PGD Ô Môn	292-293 Quốc lộ 91, Q.Ô Môn, Tp.Cần Thơ
164	Chi nhánh Quận 4	Cao ốc H2 Đường Hoàng Diệu, P.8, Q.4, Tp.HCM	194	PGD Vĩnh Thạnh	Lô số 14-15 ấp Vĩnh Tiến, thị trấn Vĩnh Thạnh, H.Vĩnh Thạnh, Tp.Cần Thơ
165	PGD Khánh Hội	42 Võ Văn Tần, P.6, Q.3, Tp.HCM	195	PGD Thốt Nốt	568 Quốc lộ 91, KV Long Thạnh A, P.Thốt Nốt, Q.Thốt Nốt, Tp.Cần Thơ
166	PGD Thị Nghè	117 - 117A Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM	196	Chi nhánh Long An	42 Trà Quý Bình, P.2, Tp.Tân An, tỉnh Long An
167	PGD Lý Tự Trọng	232 Lý Tự Trọng, P.Bến Thành, Q.1, Tp.HCM.	197	Chi nhánh An Giang	46 Hai Bà Trưng, P.Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang
168	Chi nhánh Quận 7	849 Huỳnh Tấn Phát, P.Phú Thuận, Q.7, Tp.HCM	198	PGD Tân Châu	185 Tôn Đức Thắng, P.Long Thạnh, Tx.Tân Châu, tỉnh An Giang
169	PGD Phú Mỹ	07 Lô O Hoàng Quốc Việt, nối dài, KDC Phú Mỹ, P.Phú Mỹ, Q.7, Tp.HCM	199	PGD Phú Tân	Thửa đất số 7125, TĐĐ số 02 - ấp Trung Hòa, xã Tân Trung, H.Phú Tân, tỉnh An Giang
170	PGD Phú Xuân	6/8 Khu phố 5, TT.Nhà Bè, H.Nhà Bè, Tp.HCM	200	PGD Châu Đốc	56-58-60 Nguyễn Văn Thoại, P.Châu Phú A, Tp.Châu Đốc, tỉnh An Giang
171	PGD Nguyễn Thị Thập	527 Nguyễn Thị Thập, P.Tân Phong Q.7, Tp.HCM	201	PGD Long Xuyên	3/4 Tôn Đức Thắng, P.Mỹ Bình, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang
172	Chi nhánh Quận 10	65-65A & 63/6 Đường 3/2, P.11, Q.10, Tp.HCM	202	PGD Châu Phú	Tổ 2, ấp Bình Chánh, xã Bình Long, H.Châu Phú, tỉnh An Giang
173	PGD Thành Thái	61 Thành Thái, P.14, Q.10, Tp.HCM	203	Chi nhánh Mỹ Tho	77-79 Lê Lợi, P.1, Tp.Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
174	PGD Lê Văn Sỹ	213 - 215 Lê Văn Sỹ, P.13, Q.3, Tp.HCM	204	PGD Cai Lậy	41 Đường 30/4, khu 2, TT.Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
175	PGD Bàn Cờ	766-768 Nguyễn Đình Chiểu, P.1, Q.3, Tp.HCM	205	PGD Ấp Bắc	366 Ấp Bắc, P.5, Tp.Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
			206	Chi nhánh Bạc Liêu	477 Trần Phú, P.7, Tp.Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
			207	Chi nhánh Kiên Giang	02-04 Phạm Hồng Thái, P.Vĩnh Thanh Vân, Tp.Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang



NGÂN HÀNG TMCP XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM

A_: Tầng 8 - Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn & 45A Lý Tự Trọng
T_: (84-28) 3821 0056
F_: (84-28) 3821 6913
S_: Swift: EBVIVNVX
W_: www.eximbank.com.vn